

I THÁNG I NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười bốn

ĐOÀN NHẬT TẤN *việc thu học phí ở trường công và vấn đề trường tư* * TRẦN KIM THẠCH và VÕ ĐÌNH NGŨ *một quan niệm về sự thành lập Viện Đại-học Đà-nẵng* * NGUYỄN HIỂN LÊ *bộ lịch-sử văn minh của Will Durant* * TOÀN ÁNH *tôn giáo thoại và thần thoại* * TÂN FONG HIỆP *đi thăm các nhà xuất bản sách thiếu nhi : Tuổi hoa và Văn nghệ* * CHÂU HẢI KỲ *nhận định về tình trạng sách thiếu nhi trong năm 1970* * PHẠM LƯƠNG GIANG *bản di chúc của Tướng de Gaulle* * LÊ MIÊN TƯỜNG *say* * CHU VƯƠNG MIỆN *quê người* * HOÀNG NGỌC CHÂU *gởi chị ngoài Huế* * PHẠM NGỌC LƯ *cõi chia tan* * THẾ UYÊN *người cách mạng là người bảo thủ* *

SINH HOẠT *thời sự thế giới * thời sự khoa học * thời sự văn nghệ*

336

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 325 ĐẾN 336





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► **associe :**

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dã-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A

Số 336 ngày 1-1-1971

ĐOÀN NHẬT TẤN <i>việc thu học phí ở trường công và vấn đề trường tư</i>	05
TRẦN KIM THẠCH và VÕ ĐÌNH NGỒ <i>một quan niệm về sự thành lập Viện Đại-học Đà-nẵng</i>	15
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một công trình non nửa thế kỷ : Bộ Lịch-sử Văn-minh của Will Durant</i>	23
TOÀN ÁNH <i>tôn giáo thoại và thần thoại</i>	29
TÂN FONG HIỆP <i>đi thăm các nhà xuất bản sách thiếu nhi : Tuổi hoa và Văn nghệ</i>	35
CHÂU HẢI KỲ <i>nhận định về tình trạng sách thiếu nhi trong năm 1970</i>	40
PHẠM LƯƠNG GIANG <i>bản di chúc của Tướng de Gaulle</i>	43
LÊ MIÊN TƯỜNG <i>say (truyện)</i>	55
CHU VƯƠNG MIỆN <i>quê người (thơ)</i>	60
HOÀNG NGỌC CHÂU <i>gửi chị ngoài Huế (thơ)</i>	61
PHẠM NGỌC LƯ <i>cõi chia tan</i>	63
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	69
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	72
THU THỦY, <i>thời sự văn nghệ</i>	75

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Gia lễ (giản dị hóa hôn lễ, tang lễ) của Chu Hương Mậu, do tác giả xuất bản. Sách dày 167 trang: tác giả quan niệm dung hòa Kim, Cồ, Đông Tây về tổ chức hôn lễ, tang lễ, tránh những gì lỗ lã, bỏ những gì cổ hủ. Có phần y phục thời trang nam nữ với nhiều hình ảnh. **Giá 150đ.**

Thiền luận tập I nguyên tác của Suzuki, Trúc Thiên dịch, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Bản dịch rất công phu, dày 662 trang, những phần trích dẫn được sưu tầm bằng chữ Hán, gồm từ luận một đến luận tám, có phụ trương Hán tự, phụ bản chân dung mấy vị thiền tổ và 10 bức tranh chân trâu. Ấn loát và trình bày đẹp. **Giá 650đ.**

Việt-Nam quân chính tân thư quyển thượng, của Lam Giang và Vũ Tiến Phúc, do Nhóm cựu trại sinh Gia-Long Phú-Thọ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 236 trang gồm 14 đề mục từ «Chính trị và Chiến-tranh chính-trị» đến «Nhu cầu chiến-tranh chính-trị ở các nước Á Phi, Trung Nam Mỹ» và «Triết-lý chiến-tranh và hòa-bình», biên soạn công phu. **Giá 200đ**

Chợ trời biên giới Việt-Nam

Cao-Miền phóng sự của Lê Hương do Quỳnh Lâm xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm được giải nhất phóng sự của Trung-tâm Văn-bút Việt-Nam, ghi lại rất tỉ mỉ về các chợ trời Hà-Tiên, Tịnh-Biên, Thường-Phước, Sở-Thượng, Phước-Tân, Gò Dầu Hạ, với nhiều hình ảnh. Dày 250 tra g. **Giá 300đ.**

Một thoáng nàng nguyên tác Hyperion của Hoelderlin, bản dịch của Bửn Ý do Cadao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 90 trang, ấn loát đẹp. Bản đặc biệt.

Mưa núi tập truyện của Mai Thảo, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang gồm 9 truyện đặc sắc của tác giả, mẫu bìa của Duy Thanh. **Giá 50đ.**

Khổ lụy tập thơ của Phương Tấn, do Người trẻ Việt - Nam xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của tác giả gồm 26 bài thơ, bìa Phan ngọc Diên, phụ bản Cao Bá Minh. Bản đặc biệt.

Vòng đai xanh tiểu thuyết của Ngô thế Vinh, Thái độ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang, bìa của Nghiêu Đề, trong tủ sách Văn nghệ xám. Bản đặc biệt. **Giá 240đ.**

Bách Việt (Bộ mới) số 1, nguyệt san giáo dục khảo cứu văn nghệ, nội san của Hội phát triển giáo dục Bách Việt, khổ 20×26, in ronéo 2 mặt, dày 52 trang gồm những bài biên khảo, tiểu luận, đoản văn, thơ, truyện...

BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay tại Tòa-soạn Bách-Khoa đã có mấy bộ Bách Khoa từ năm 1957 đến 1970, mới đóng thành tập xong ; mỗi bộ đều thiếu các số 1, 9, 12, 20, 70, 81.

Quý vị nào đã đặt tiền và ghi tên trước xin mời lại Tòa soạn để lấy các bộ trên đây.

Ban Trị sự BÁCH KHOA

Việc thu học phí ở trường công và vấn đề trường tư

Ở nước ta từ ngày có trường tư được lập ra để tư-nhân có thể bỏ vốn làm trường, mở lớp dạy học, chung sức với chính-phủ lo việc học-hành cho dân chúng thì đã có một hiện-tượng làm cho ai cũng lo ngại: Tuy số lớp công-lập mỗi năm một tăng mà số lớp tư-thực lại càng gia-tăng mau chóng hơn nữa: Năm 1961-62, số học sinh Trung-học tư thực toàn-quốc là 102.432 so với số Trung-học công-lập là 87.470. Đến nay thì «trong số nửa triệu học-sinh trung-học, nhà nước chỉ lo được 30%, số còn lại phó mặc cho các tư-thực», song song với đà ấy, tình hình tư-thực ngày một trầm-trọng, phần lớn thiếu kiểm-soát, việc giảng dạy và lý-luật không bảo-đảm, hậu quả trông thấy rõ-rệt sau các kỳ thi, số hỏng quá nhiều, khiến cho dù các chủ trường có phát đạt, công cuộc đầu-tư giáo-dục nói chung của quốc-gia đã bị thâm lỗ nặng-nề.

Ở một nước có chiến tranh thì chuyện này không phải là bất ngờ. Cho nên đã có nhiều cố-gắng nhằm giải quyết nạn thiếu chỗ học đứng đắn cho trẻ em. Công thức trường bán công đã được đề ra và áp-dụng mấy năm nay. Nhưng trên thực tế trường bán công cũng không hơn gì các tư-thực và cũng không phát-triển mạnh-mẽ được

để đủ đáp ứng nhu cầu. Hiện nay người ta chỉ còn thấy một lối thoát có vẻ đem lại ít nhiều kết-quả, đó là giải-pháp thu học phí ở trường công.

Giải-pháp trường công thu học phí :

Lý-luận là như thế này: Nói chung thì bậc Trung-học ở nước ta lâu nay thực ra không phải là một bậc học miễn phí: Dù muốn dù không cũng đã có đại-đa-số học-sinh cấp này phải trả học-phí, đó là số học-sinh các trường tư. Chỉ có chuyện bất công là số đó chính lại là số trẻ chịu thiệt-thòi hơn hết vì ở trường tư việc học-hành, hạnh-kiểm không được chăm sóc bằng ở trường công. Trong khi đó thì ngân-sách quốc-gia do toàn dân đóng góp lại chỉ dùng đài thọ việc học cho một thiểu số. Trường công có nhiều phương-tiện về trang-bị và nhân-sự được chính-phủ trực tiếp chăm nom, hàng năm lại thi tuyển chọn lấy một số rất hạn-chế học trò giỏi, thông-minh để dạy, còn phần lớn trẻ còn lại, học kém hơn, đáng lẽ phải được giáo-hóa chu đáo hơn thì lại phó mặc cho các trường tư. Trò nào ở trường công mà học dở, hạnh-kiểm xấu bị đuổi thì ra học trường tư: Thành ra các thầy giáo công có thể ví như những thầy thuốc chỉ chọn người khỏe mạnh

mà chưa còn các thầy trường tư phải lo chăm sóc những bệnh nhân.

Nay nếu trường công lẫn trường tư đều lấy học-phí thì ít ra cũng có chỗ công-bình hơn và với học phí thu được, chính-phủ sẽ mở thêm trường công để nhiều em có chỗ học-hành không quá tốn kém. Khi cả trường công và trường tư đều lấy học phí thì học trường công không còn là một đặc quyền để phụ-huynh phải chạy vạy lo lắng cho con vào trường công nữa. Vả lại nói thu học phí thì không phải tất cả học-sinh trường công đều nạp cả, một số em nghèo sẽ được miễn giảm, chỉ những em giàu mới phải đóng góp mà thôi. Lại nữa, học phí thu được ở mỗi địa-phương rồi cũng được giữ lại cho địa-phương sử-dụng chủ yếu là để mở thêm lớp học; không gửi về trung-ương, hầu tránh mọi nghi-ngờ rằng chính-phủ đã đặt thêm một thứ thuế đánh vào những người có con đi học...

Trong kỳ Đại-Hội giáo-dục tháng 10 năm 1964, vấn đề thu học-phí ở trường công đã được đưa ra thảo-luận và đã có 21 trên 39 phiếu chấp thuận thu. Gần đây vấn-đề này đã được đặt lại với lời khuyến cáo từ Thượng-ng-hi-viện. Bộ Giáo-dục có chiều quyết-định thì gặp sự chống đối ở một vài nơi. Nay lại thêm khuyến-cáo của Hội-đồng Văn-Hóa Giáo-dục, có lẽ Bộ sẽ dứt khoát hơn chăng bởi vì thực ra ở Miền Nam này, chế-độ dân-chủ rộng-rãi đã cho phép người ta chống-đối bất cứ cái gì làm thiệt hại đến riêng mình dù họ chỉ là thiểu-số. Khi sự việc có lợi thật sự cho dân thì chánh-phủ cứ làm,

nếu có chống đối của một số nào thì đó là quyền tự-do của họ, và nhiều khi trong tình-trạng phức-tạp của xã-hội ta hiện nay, cái lý-do trượng ra trên biểu-ngữ của một cuộc xuống đường có thể không phải là cái động-cơ đích-thực đã thúc đẩy cuộc xuống đường đó. Ở một nước độc-tài, mọi cuộc chống-đối đều phải coi như đã có rạn nứt suy yếu của chế-độ rồi, bởi suy yếu nên không còn bóp chết được đối-lập ngay từ trong trứng, chứ ở một xã-hội tự-do thì có chống đối phần nào mới làm cho màu sắc dân-chủ thêm đậm-đà rõ-rệt. Cho nên không phải vì gặp chống-đối hay không gặp chống đối mà ta quyết-định thu hay không thu học-phí ở trường công. Mà vấn-đề là phải nghiên-cứu cho thật kỹ trước khi quyết-định.

Ta nên thấy rằng việc thu học-phí ở trường công tự nó không có một hiệu lực trực-tiếp, không phải máy móc để cho có công-bình giữa những kẻ học công và học tư, vì dù sao có một thiểu-số khỏi đóng góp còn hơn là tất cả đều phải đóng góp. Vấn-đề chính là tùy ở số tiền thu được có giúp ta giải-quyết vấn đề gì hay không. Vì vậy ta thử ước tính xem số tiền thu được sẽ là bao nhiêu và nhờ đó ta làm được những gì để cải-thiện tình-trạng hiện tại.

Trước hết, hiện nay học-sinh các trường Trung-học cũng khá đông nhưng số học-sinh nghèo không phải là ít: trường ở đô-thị thì con quân-nhân công chức chiếm từ 40 đến 60%, trường ở quận thì con đồng-bào nghèo cũng xấp-xỉ tỉ-tệ ấy. Nếu thu học-phí thì chắc-chắn số này phải được miễn

giảm đó là chuyện hợp-lý theo cái nguyên-tắc hành-thu lâu nay của mọi chính-phủ là người đóng góp phải có khả năng đóng góp (solvable) và cũng để tránh cho nhà trường cái tình-trạng khó xử có thể xảy ra là nếu có trò không trả nổi học-phí, chẳng lẽ lại đưa họ ra hội-đồng kỷ-luật đuổi vì cái tội nghèo ? Thế thì nắm chắc là chỉ có thể thu học-phí của 50% số trẻ đi học.

Dù chỉ có học-sinh giàu đóng góp, mức thu tất nhiên cũng phải thấp hơn trường tư nhiều vì dù sao thể-diện của nhà nước không cho phép nhà trường ngửa tay lấy đúng mức như những kẻ mà dư-luận đang gán cho cái tên « lái buôn chữ ». Và trong khi trường tư thu mỗi lớp một mức học-phí khác nhau (lớp sáu 400đ, lớp bảy 500đ,...) tăng dần từ dưới lên trên vì thầy dạy lớp càng cao được trả tiền giờ càng hậu, thì ở trường công chỉ có hai hạng lương giáo-sư đệ-nhất-cấp và đệ-nhị-cấp mà thôi, nên cũng phải chỉ có hai hạng học-phí cho hai cấp ; Vì đó trường công không thể thu được học-phí ở mức trung-bình mà phải thu ở mức rất thấp cho lớp thấp nhất có thể trả được : ví-dụ trường tư thu học phí lớp sáu 400đ, lớp chín 700đ. thì trường công chỉ có thể thu từ lớp sáu đến lớp chín dưới mức 400đ. cho học-sinh lớp sáu có thể trả nổi.

Thêm vào đó, có một hiện trạng rất phổ biến ở các trường Trung-học công-lập ngày nay mà, hình như những người đòi thu học-phí trường công chưa hề biết tới : đó là chuyện hiện tại không có trường công nào mà không bắt học-

sinh đóng góp ít nhiều rồi : tiền Hiệu-đoàn, tiền Hội Phụ-huynh, mỗi năm vào khoảng gần 1.000đ nghĩa là mỗi tháng độ 100đ. Nhờ tiền đó nhà trường đã ứng phó với nhiều chi-phí lặt-vặt trong trường mà lâu nay chính-phủ không đài-tho đủ. Có trường thiếu cả lao-công và dụng cụ văn-phòng mà xin không được ở Bộ, phải lấy vào các tiền này để sắm sửa thuê mượn hàng năm. Nay nếu có thu học-phí thì chắc chắn phụ-huynh sẽ không còn chịu đóng góp những tiền đó nữa và trường cũng phải bỏ bớt các khoản thu cũ ấy đi vì nếu lấy cả hai thì học-phí trường công còn nặng hơn trường tư nữa. Quý vị hiệu-trưởng tán thành giải-pháp thu-học phí nên tính sổ lại xem trường mình còn thu của học-sinh được bao nhiêu nữa so với số tiền mà chúng đã vì thiện ý đóng góp hàng năm cho quý vị rồi ? Thành ra, rồi có thể chỉ có chuyện hợp thức hóa một thực-trạng để chịu lấy cái tiếng « trường công thu học-phí » mà thôi chứ chẳng nhận thêm được đồng nào so với trước.

Lại nữa nếu nói rằng thu của học-sinh để rồi chi ra cho học-sinh thì cũng nên tính rằng đồng bạc mỗi ngày một xuống giá, khi thu vào tính ra xây được một phòng học, nhưng khi chi ra để khởi công thì giá cả đã vọt lên cao rồi làm cho người đóng góp cảm thấy nhiều mà khi hưởng thụ chẳng bao nhiêu.

Như vậy ta có thể kết luận rằng bây giờ mà thu học-phí ở trường công thì chẳng đem lại ích-lợi gì cho ai cả, và chẳng giúp giải quyết được vấn-đề gì.

Vấn đề trường-tư

Như trên kia đã nói, số dĩ việc thu

học-phí được đề ra là do vấn-đề trường tư, mục tiêu hấp-dẫn nhất của việc này là để mở thêm lớp công cho con em có chỗ đi học thay vì phải học trường tư học-phí quá cao, nhưng dù giải-pháp này thành công hay thất bại, nó cũng có nghĩa là chúng ta đã phải chấp nhận rằng hiện nay không có cách gì khác hơn là con em phải trả tiền mới được đi học.

Thế thì tại sao ta không tin-tưởng ở giải-pháp trường tư, trong khi trường tư cũng là một cách để cho tư-nhân góp tài-lực vào công-cuộc giáo-dục quốc-gia rồi ? và đó cũng là cách mà dân-chúng dễ chấp-nhận nhất, vì chỉ có những người hưởng-thụ mới trực-tiếp đóng góp ?

Trên thực-tế điều làm cho phụ-huynh học-sinh trường tư trách-cứ không phải là chuyện họ đóng tiền mà chỉ vì cái khổ tâm đã đóng tiền mà việc học-hành của con họ không được săn-sóc đứng-đắn. Đây còn là một ưu-tư nghiêm-trọng của cả quốc-gia bởi vì cả cái thể-hệ sắp tới sẽ như thế nào khi mà phần lớn lớp trẻ hiện giờ đang bị phó mặc cho những tổ-chức giáo-dục quá lỏng-lẻo là các trường tư ? Cho nên thiết-tưởng chánh-phủ cần phải có một chánh-sách khẩn-cấp chấp nhận mạnh dạn giải-pháp trường tư nhằm giải-quyết trực-tiếp vấn-đề thay vì tránh né, đi vòng vo bằng lối thu học-phí để phát-triển trường công hạn-chế trường tư. Chính cái quan-niệm sai lầm coi trường tư là tạm bợ, phụ-thuộc, đã khiến cho chúng ta lâu nay không có chủ-trương nào thực tâm xây dựng trường tư, lại còn tạo ra bao nhiêu là kỳ-tại bất công làm cho tình-trạng họ,

nhất là các giáo - chức tư, đã khó-khăn lại càng thêm thua thiệt, tuy họ cũng là những người đang đóng góp rất nhiều vào công-cuộc giáo-dục quốc-gia.

Trong việc tổ-chức và điều-hành giáo-dục có hai phần là trang-bị (trường ốc, bàn ghế dụng-cụ) và nhân-sự (đào-tạo, tu nghiệp giáo-chức). Vì khả-năng có hạn của mình. *Bộ Giáo-dục chỉ nên lo một nửa: đó là phần nhân-sự.* Còn phần trang-bị, hễ có tiền là làm được, nên giao lại cho tư-nhân. Đối với trường công chính-phủ không nên xây cất trang-bị trường trại nữa. Không phải là không cho cất thêm trường hay lấy học-phí để cất trường, mà giao hẳn việc ấy cho tư-nhân đầu tư. Tư-nhân bỏ vốn ra làm trường, trang bị đầy-đủ ; chính-phủ bỏ tiền ăn lương chính-phủ đến dạy và điều hành mọi việc. Những năm đầu trường mới mở học-sinh phải nạp học-phí giống như ở trường tư. Sau một thời-gian (ghi trong khế-ước) tư-nhân thu lại đủ vốn và được một số lời phải chăng thì giao tất cả trường-sở lại cho chính-phủ, từ đó học-sinh không còn đóng tiền nữa, việc tu-bổ, chi phí lát-vật sẽ nhờ vào Hội Phụ-huynh như ở các trường công hiện nay. Giải-pháp này không có gì mới lạ ; ở các nước, một số cầu cống, đường-sá, bệnh-viện cũng được giao cho tư-nhân xây cất theo lối này. Nếu không được vào trường công, phụ-huynh chắc-chắn sẽ thích cho con họ vào trường này vì việc học cũng như ở trường công và sau một thời-gian, không còn đóng học-phí nữa.

Ngân-sách đáng lẽ dùng để trang-bị như lâu nay, chính-phủ dồn tất cả vào việc đào tạo, tu-nghiệp giáo-chức, kiểm-

soát, đơn-độc việc giảng dạy ở trường công cũng như tư và nhất là trường tư. Chính-phủ đưa nhiều cán-bộ, giáo-chức thanh-tra vào trường tư để cộng-tác thực sự với họ, việc huấn-luyện, tu-nghiệp giáo-chức tư có thể do các chủ-trường hay chính-phủ đài thọ phí-tổn.

Trong giai-đoạn đầu có thể tạm đình-chỉ việc mở thêm lớp công, để chính-phủ có thể dốc toàn lực vào việc chỉnh-đốn các lớp tư. Nhờ có nhân-viên của mình hiện-diện với một tỷ lệ cần-thiết trong ban giảng-huấn (1) chính-phủ có thể giúp các trường tư cải-thiện việc giảng dạy, kiểm-soát các kỳ thi tấn-ích, lên lớp và việc thu-nhận học-sinh khiến cho các em thấy khó-khăn, phải chăm lo học, không còn nạn đi học lấy lệ hay đi chơi, làm việc khác mà cuối năm vẫn có đầy đủ học bạ. Các chủ-trường và giáo-chức tư chán chán sẽ hoan-ngênh sự cộng-tác này vì nó giúp công-việc chuyên môn của họ thêm dễ-dàng và hữu hiệu. Nếu nhất loạt trường tư nào cũng có kỷ-luật đứng-đắn (nhờ sự cộng-tác đồng đều của Chính-phủ) thì khi bị đuổi học-sinh sẽ không còn biết xin học vào đâu nữa nên cũng ít dám liều-linh như bây giờ.

Khi có giáo-chức công và tư cộng-tác bình-đẳng như vậy rồi, chính-phủ không còn cần giữ cái chế-độ trường tư bị đặt dưới quyền kiểm-soát của trường công nữa, mọi sự kỳ thi sẽ được xoá bỏ. Sự cộng-tác này còn có giá-trị như một trợ-cấp bằng nhân-sự thay vì trợ-cấp bằng ngân-khoản mà sau đó chính-phủ không thể biết đã được sử-dụng thế nào. Phí-tổn của chủ-trường cũng

được giảm bớt để họ chấp-nhận giảm bớt học phí xuống, có lợi cho toàn-thể học-sinh. Nếu có trường-hợp trực-lợi tai-hại chính-phủ cũng hay biết và can-thiệp dễ-dàng.

Rút kinh-nghiệm thất bại trước đây ở các trường gọi là bán-công, những giáo-chức công phục-vụ tại trường tư phải được chọn lọc và phải giữ liên-lạc thường-xuyên với hệ-thống công-lập, qua hội-thảo tu-nghiệp thường-kỳ để họ có một nếp sinh-hoạt chặt-chẽ, tích-cực, đều-đặn, sát với chủ-trương chung hầu ngăn ngừa cho họ khỏi bị mua chuộc hủ-hoá (corrompu). Để bắt đầu, chính-phủ nên can-thiệp ngay vào một vài trường tư kém yếu nhất. Kinh-nghiệm sẽ được nghiên-cứu, đúc kết đem thi-hành dần dần khắp mọi nơi. Kế-hoạch này có thể kéo dài năm, ba năm hay lâu hơn nữa cho đến khi nào các trường tư được chấn-chỉnh.

Trong thời-gian này, các trường công vì tạm thời không phát-triển thêm nên có thể dồn tất cả năng-lực vào việc cải-tiến chuyên-môn, chỉnh đốn hàng ngũ thay vì chạy theo sĩ-số tăng lên vùn-vụt như trước đây (2). Nhờ đó trường

(1) Tỷ-lệ này tùy thuộc vào khả-năng giảng-huấn của mỗi trường. Nếu thấy trường có đủ giáo-chức đứng-đắn rồi thì không cần nữa. Lâu nay cũng có giáo-sư công đến dạy giờ thêm ở trường tư, nhưng họ đã làm việc với mục-đích khác, tinh-thần khác.

(2) Sự xuống dốc về chuyên môn ở một số trường trung học công lập gần đây phần lớn là do việc mở thêm lớp quá chóng, vượt quá khả năng kiểm-soát về chuyên-môn của các ban thanh tra và các ban giám-ốc.

công sẽ xứng đáng để đóng được vai trò tiêu-chuẩn dẫn đạo (école-pilote). Kỳ thi tuyển vào lớp Sáu công lập vì thi quá nhiều mà lấy quá ít nên hoá ra tốn kém phi lý, không còn lý-do tồn tại nữa. Sự tuyển chọn có thể chỉ cần theo những tiêu-chuẩn đơn-giản xét trên hồ-sơ như chọn những trò nghèo nhất, hoặc những trò nhỏ tuổi nhất hay lớn tuổi nhất. Thiết nghĩ ba điều kiện nhập học này cái nào cũng có lý do chính-đáng và xứng đáng cho những trường công trực-tiếp điều-hành do chính phủ thực-tình có ưu-ái đến quốc-dân và điều nào cũng loại bỏ được các mối kỳ-thi đối với các tư-thực.

Bộ Giáo-dục chịu trách-nhiệm về Giáo-dục toàn dân. Dù chế-độ xã-hội ta có tự-do đến đâu, việc can-thiệp của Bộ về mặt giáo-huấn vào các trường tư vẫn là chính đáng. Một hiệu buôn, một xí-nghiệp, một trại chăn nuôi có thể được giao-phó cho tự-do kinh-doanh theo luật đào-thải tự-nhiên : tốt lời xấu lỗ. Các tư-thực không thể để cho luật ấy chi-phối vì trong đó có sự nên hư còn mất của con người (học-sinh). Ý-thức Nhân-bản trong đường lối giáo-dục của chúng ta không bao giờ chấp-nhận để con

người chịu làm vật hy-sinh, làm vật thí nghiệm, chưa nói đến sự bấp-bênh của tương-lai quốc-gia dân-tộc trong những thí-nghiệm này. Nếu chúng ta phó mặc trường tư cho luật cạnh tranh của thương-trường và không có một biện-pháp tích-cực nào giúp họ bảo-đảm thành-công và ngăn ngừa thất-bại, thì cái ý thức phi-nhân coi trường tư là một xí-nghiệp, đặt người học-trò ngang hàng với phẩm-vật vô tri, đã có ở chúng ta trước khi được nảy sinh ra trong đầu óc những người ráp tâm buôn học-bạ.

Một chính-sách lâu-dài trong đó, chính-phủ chỉ lo phần nhân-sự, cho các trường công và để phụ giúp các trường tư một kế-hoạch giai-đoạn tạm ngừng phát-triển trường công để hợp lực chấn chỉnh các trường tư. Đó là giải-pháp có thể giúp ta có một lối thoát ra khỏi tình-trạng các trường Trung học công và tư hiện tại. Tình trạng này đang trở nên ngày một bế tắc vì hoàn-cảnh đất nước đã hoàn-toàn đổi thay mà lối tổ-chức và điều hành của chúng ta vẫn y nguyên như ngày Lycée Albert Sarraut mới mở.

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

HÃY M. M. ĐỌC

Xây dựng và Phát triển Văn hóa Giáo dục

của Giáo - sư NGUYỄN - KHẮC - HOẠCH

*gồm 6 bài thuyết trình và diễn thuyết của tác giả về đường lối
và chính sách Văn-hóa Giáo-dục.*

Lửa Thiêng xuất bản — Giá : 180đ.

Một quan niệm về sự thành lập **VIỆN ĐẠI - HỌC ĐÀ - NẴNG**

TRẦN-KIM-THẠCH và VÕ-ĐÌNH-NGÔ
(Thuyết - trình tại Đà - Nẵng ngày 29-11-1970)

Lâu nay, việc phát triển ngành Đại Học tại miền Nam Việt Nam rất được chú ý. Các Đại Học trước đây đã được mở ra thường theo khuôn khổ và truyền thống sẵn có của Viện Đại Học Saigon, cho nên các Đại Học ấy ít thích hợp với khuôn khổ địa phương mà môi trường, dân trí cũng như tâm lý quần chúng phần đông không giống với Saigon. Để tránh khuyết điểm căn bản lớn lao đó, chúng tôi quan niệm mở tại Đà Nẵng một Viện Đại Học, tuy không đi ra ngoài khuôn khổ sẵn có của Đại Học Việt Nam, nhưng cơ cấu, chương trình và hoạt động cần phải thích nghi với hoàn cảnh và kỳ vọng của địa phương.

Bối cảnh hiện tại và tương lai của Đà-Nẵng

Như ta đã biết Đà Nẵng là một hải cảng và một thị xã đứng vào bậc nhì ở Nam V.N. Dân số đông đúc và trù phú. Trong hoàn cảnh hiện nay, người dân miền trong đến Đà Nẵng càng ngày càng nhiều. Sĩ số học sinh ngày một gia tăng. Nếu kể cả ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín và Quảng Ngãi hằng năm, số học sinh tốt nghiệp Tú Tài toàn phần lên đến trên hai ngàn người.

Đà Nẵng có một hậu xứ rất lớn, lưng dựa vào rặng Trường Sơn, một nguồn lợi bất tận về lâm sản cũng như khoáng sản. Tiền xứ của Đà Nẵng

là một biển phong phú và một vịnh rất tốt, không những chỉ đem lại những ích lợi thiết thực như thức ăn mà cả những nguồn lợi về khoáng sản nữa. Nếu được tận dụng triệt để, biển sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của dân chúng tại địa phương. Cũng vì lý do đó, người ta đã có khuynh hướng chú trọng đến việc khai thác các nguồn lợi ở các bờ biển, đáy biển cũng như nước biển vậy.

Đà Nẵng còn chuyên về kỹ nghệ và thương mại. Trên thương trường Đà Nẵng được coi như yết hầu của miền Trung.

Trong tương lai, theo đà phát triển dân số địa phương. Đà-Nẵng sẽ có các kỹ nghệ khoáng sản như thép, than đá, phốt phát, thủy tinh...; kỹ nghệ hóa học như l'ím nước mắt, đồ hộp; hoặc kỹ nghệ dệt, kỹ nghệ đóng tàu; kỹ nghệ trang bị hàng hải; kỹ nghệ xây cất (gạch, ngói, xi măng). Ngoài ra, có hai nguồn năng lực dồi dào là than đá và thủy điện. Các kỹ nghệ phụ thuộc như du lịch và chỉnh trang cũng không kém phần quan trọng.

Cũng trong tương lai, khi nền ngoại thương và nội thương bành trướng, Đà Nẵng sẽ kiêm nhiệm luôn vai trò hải cảng của Hạ Lào và miền Đông Thái Lan. Ngoài ra, Đà Nẵng

là chặng đường nối liền giữa Hồng Kông và Singapour.

Như thế, một Viện Đại Học thiết lập tại Đà Nẵng, ngoài mục đích phát huy văn hóa, phải nghĩ đến sự đào luyện cán bộ cho việc phát triển kinh tế tại địa phương.

Nên có một đại học như thế nào?

Công việc mở một Đại Học đã khó, nhưng vấn đề có một Đại Học đứng đắn, không tách rời quần chúng lại càng khó hơn. Thành ra, Viện Đại Học Đà Nẵng phải nhắm một vài mục đích thiết thực.

— Hiện nay, các chuyên viên về kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết cho quốc gia, nên trong bước đầu, Đại Học Đà Nẵng phải thiên về chuyên môn hơn là đi ngay vào phần thuần túy về văn hóa như các Đại Học khác.

— Viện Đại Học Đà Nẵng, ngoài mục đích thích nghi với địa phương, phải có tính cách hỗ trợ và chia sẻ gánh nặng một cách hữu hiệu cho Đại Học Huế. Vì thế Đại Học Đà Nẵng chỉ nên mở những ngành nào mà Đại Học Huế chưa có.

— Viện Đại Học Đà Nẵng nên đi từng bước một, bằng cách, ban đầu chỉ mở một số rất ít các phân khoa để tiện việc kiểm soát và phát triển nội bộ, hầu phục vụ sinh viên chu toàn hơn. Không nên mở một cách ồ ạt một loạt nhiều phân khoa quá đư sau này vấp phải những khó khăn về phương diện tài chánh cũng như nhân

lực mà ta có thể thấy tại một vài Đại Học đang có hiện nay.

Đường hướng phát triển

Khi nói đến sự thành lập một Viện Đại Học có tính cách chuyên nghiệp, nhiều vấn đề sẽ được đặt ra.

— Nên mở phân khoa nào trước, phân khoa nào sau.

— Nên mở một Trung Tâm Kỹ Thuật hay một Đại Học hướng về khoa học và kỹ thuật.

— Nên theo thể chế 1-3-3 hay 2-2-3 để đi từ dự bị đến Tiến kỹ sư hay Tiến sĩ đệ III cấp.

Trong vấn đề thứ nhất, ta chú ý đến hai điều cần thiết. Thứ nhất là nên mở những phân khoa nào cần kíp cho Đà Nẵng và hợp với dân trí; thứ hai là nên mở những phân khoa nào có tính cách bổ túc cho Đại Học Huế bằng cách không mở những phân khoa nào mà Đại Học Huế đã có như đã nói ở trên.

Trong ngũ niên đầu, chúng tôi đề nghị mở các phân khoa sau đây :

— Phân khoa Khoa học Áp dụng.

— Phân khoa Kỹ thuật chuyên nghiệp.

— Phân khoa Kinh tế Thương mại.

Theo đà tiến triển, trong ngũ niên kế tiếp, có thể mở thêm các phân khoa sau đây :

— Phân khoa Y học.

— Phân khoa Sư phạm.

— Phân khoa Văn học.

Cuối cùng khi Đại Học đã vững mạnh, ngoài những phân khoa kể trên, ta có thể mở những Học viện quan trọng sau đây:

- Học viện Hâm mô.
- Học viện Hải dương.
- Học viện nhân chủng và khảo cổ.
- Viện Pasteur.

Giữ tính chất khiêm tốn trong lúc ban đầu không buộc ta phải mở một Trung tâm Kỹ thuật trước, rồi phát triển thành một Đại Học, mà nên mở một Đại Học kỹ thuật nhỏ trước, sau biến thành một Đại Học lớn, trong đó có các phân khoa, có Trung tâm kỹ thuật và các Học viện. Lý do dễ hiểu, là một Đại Học sinh ra một Trung tâm, chứ không ngược lại. Ví dụ điển hình nhất là Đại Học Saigon đã tạo nên Trung tâm Kỹ thuật Phú-Thọ.

Vấn đề theo thể chế 1-3-3 hay 2-2-3 phải được giải quyết ngay từ đầu. Cả hai đều có lợi, nhưng có thể cả hai đều bất lợi. Vậy theo thể lệ hiện hành, chúng ta có các Đại-Học 1-3-3 như sau:

- 1 năm dự bị.
- 3 năm cử nhân.
- 3 năm Cao học hay Tiến sĩ.

Muốn uyển chuyển, năm thứ nhất của Cử nhân nên có tính cách chuyển tiếp giữa dự bị và chuyên khoa. Như vậy, thể chế 1-2-3 của ta nằm gần 2-2-3 của nước người, dễ phù hợp mức Trung học còn kém cỏi trong hiện tại.

Lại nữa, qui chế hiện hành của Nha Công vụ không chấp thuận các văn bằng hai năm Đại-Học như Phó Kỹ sư hay Phó Cử nhân, cho nên đó là mối lo ngại của cả sinh viên lẫn học sinh.

Trong năm dự bị, chia thành ba hướng rõ rệt:

- năm toán-lý-hóa
- năm lý hóa - vạn vật

Hai năm này dành cho các sinh viên đã tốt nghiệp Tú Tài A và B theo học hai phân khoa Khoa học Áp dụng và Kỹ thuật.

— Năm khoa học nhân văn đại cương dành cho các sinh viên tốt nghiệp Tú Tài A, B, C và D theo học Kinh tế Thương mại.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn hiện nay của chúng ta, nhất là về phương diện hành chánh, ta chưa nên áp dụng lối học tín chỉ hay học phần vì quá vun văt mà nên tổ chức thành năm để tiện bề kiểm soát.

Về sĩ số sinh viên, mặc dầu trường không chủ trương hạn chế, nhưng vì phương tiện eo hẹp lúc ban đầu cũng như đề đôn đốc việc học hành của sinh viên, nên phải có một kỳ thi tuyển vào đầu niên học. Kỳ thi này có tính cách mềm dẻo và số sinh viên được tuyển sẽ do Hội đồng khoa quyết định. Một lợi điểm của sự thi tuyển là các học sinh 20 tuổi, đáng lý phải vào quân trường, còn có thể theo học nếu được tuyển vào.

Cơ cấu tổ chức
giảng dạy

Cơ cấu tổ chức Viên Đại-Học Đà-

Những năm giữa cơ cấu Đại-Học phổ thông và Trung tâm Kỹ thuật, vậy nó là một Đại-Học kỹ thuật như thường thấy ở Anh, Đức, Nhật, Hoa Kỳ, Úc, Tân Tây Lan, Trung-Hoa và Đại Hàn. Tuy nhiên Viện Đại Học Đà-Nẵng không tự gọi là một Đại-Học kỹ thuật mà chỉ tự gọi là Đại-Học Đà-Nẵng để tránh những khó khăn về hành chánh. Đại-Học Đà-Nẵng phải hướng về kỹ thuật mới đáp ứng được nhu cầu như đã nêu ở trên.

A.— Phân khoa Khoa học Áp dụng
Ban Hóa học
Ban Sinh hóa
Ban Địa chất
Ban Sinh học
Ban Vật lý
Ban Toán học

B.— Phân khoa Kỹ thuật chuyên nghiệp
Ban Cơ khí
Ban Hầm mỏ
Ban Ngư nghiệp

C.— Phân khoa Kinh tế Thương mại
Ban Thương mại
Ban Quản trị
Ban Sinh ngữ
Ban Điều dưỡng.

1.— *Ban Hóa học* là ban thiết yếu, chuyên về việc biến chế tài nguyên của vùng như gỗ, dược thảo, cây kỹ nghệ, khoáng sản v.v... Từ Ban này sẽ ra các Cử nhân khoa học cho các kỹ nghệ hóa học, xi-măng, gạch ngói, phân bón, dệt, nhuộm v.v...

2.— *Ban Sinh hóa* cũng là Ban thiết yếu, chuyên về biến chế nông

phẩm như đường, dầu, nước mắm, đồ hộp v.v...

3.— *Ban Địa chất* chuyên biệt hẳn về thăm khảo khoáng sản, bản đồ địa chất học và giải tích địa hóa. Các sinh viên tốt nghiệp sẽ có đủ khả năng tìm ra vị trí có quặng mỏ, định lượng tồn trữ và tính chất hóa học của chúng. Nhờ đó chúng có thể được khai thác dễ dàng.

4.— *Ban Sinh học* gồm có các ngành áp dụng là Lâm, Nông, và Hải dương. Đây là Ban có nhiệm vụ lo tìm hiểu tài nguyên do sinh vật đóng góp trên đất liền và trong biển cả mà cho đến ngày nay chưa ai biết rõ.

5.— *Ban Vật lý* chuyên về những phần thực dụng như thủy điện, điện và điện tử. Đây là những ngành cốt cán cho một số lớn các kỹ nghệ trong tương lai của Đà-Nẵng gồm trong việc sản xuất điện năng và dùng điện năng.

6.— *Ban Toán học* chuyên về phần cơ bản dùng được cho các môn học khác, và nhất là môn thống kê học.

7.— *Ban Cơ khí* rất quan trọng cho những kỹ nghệ cơ giới. Cơ giới hóa nông dân và ngư phủ là mục đích phát triển tương lai của Miền Trung, cho nên sản xuất, xử dụng và bảo trì máy móc đòi hỏi một số lớn chuyên viên.

8.— *Ban Hầm mỏ* đào tạo các loại kỹ sư chuyên về việc khai thác khoáng sản và nhiên liệu. Khi vị trí và tầm quan trọng của khoáng sản đã được chỉ định rồi, thì việc khai thác phải tiếp theo. Giai đoạn hai rất khó

khẩn, nên việc đào tạo chuyên viên sẽ trở nên cấp bách. Có lẽ đây là một ban độc đáo của toàn cõi Miền Nam.

9.— *Ban Ngư nghiệp* là ban thứ hai cũng mang tính chất độc đáo của Đà-Nẵng. Ban này đào tạo chuyên viên đề trang bị tàu đánh cá, hướng dẫn việc đánh cá gần bờ và xa bờ với những kỹ thuật tân tiến hiện tại.

10.— *Ban Thương mại* là Ban phù hợp với hải cảng Đà-Nẵng. Xuất và nhập cảng đã được tổ chức ở đây từ thế kỷ 14. Trong tương lai, sự trù phú sẽ dựa nơi nền thương mại quốc tế của vùng Quảng Đà, Hạ Lào và Đông Thái.

11.— *Ban Quản trị* dùng để đào tạo cán bộ quản trị các xí nghiệp, ngân hàng và mọi cơ sở thương mại hay khai thác lớn bé khác. Nhu cầu về quản trị hiện tại đã lên đến cao độ ở Đà-Nẵng khiến cho các cơ quan công tư phải tự đào tạo lấy chuyên viên đề dùng.

12.— *Ban Sinh ngữ* rất cần thiết cho một hải cảng quốc tế hạng A như Đà-Nẵng. Sự tiếp xúc với người ngoại quốc sẽ lên trong tương lai. Thông dịch viên cao cấp, hướng dẫn viên du lịch, giáo sư của các Trường Trung học sẽ xuất thân từ Ban này.

13.— *Ban Điều dưỡng* đào tạo một loại cán bộ độc đáo để điều hành và quản trị các nhà thương, y viện, quân y viện toàn quốc. Nhu cầu hiện tại là cả trăm cán bộ như thế. Bộ Y tế, Quân đội và các bệnh viện tư đang cần đến họ.

Nói tóm lại, các Ban chuyên nghiệp

kề trên có tính cách phục vụ thiết thực, chẳng những vùng Quảng Đà, mà có thể cho cả vùng bờ biển Trung phần. Như vậy, trong một tương lai 10 năm, Đại-Học Đà-Nẵng có cơ hội chứng tỏ sự ích lợi thiết thực của nó.

Cơ cấu điều hành

Hiện nay Đại-Học chưa có qui chế, cho nên cơ cấu điều hành có thể mềm dẻo theo địa phương cũng như theo tuổi của Viện Đại-Học. Chúng ta không bàn đến qui chế, nhưng chúng ta nói đến một nội qui hữu hiệu.

Viện Đại Học Đà-Nẵng gồm ba Hội đồng là :

- Hội đồng Viện
- Hội đồng Bảo trợ
- Hội đồng Cố vấn.

Trước nhất là Hội đồng Viện, gồm có :

- Viện trưởng
- Phó Viện trưởng
- Khoa trưởng
- Đại diện giáo sư và sinh viên (nếu cần)

Viện trưởng có thể chỉ định Phó Viện trưởng nếu cần.

Hội đồng Viện có phận sự lo những vấn đề thuần túy giảng huấn và tổ chức.

Hội đồng Bảo Trợ gồm có :

- Chủ tịch
- Các hội viên
- Viện trưởng (thuyết trình viên)

Hội đồng này có phận sự kinh tài; đề giúp đỡ Viện Đại-Học, nhưng

không xen vào nội bộ giảng huấn của Viện.

Hội đồng Cố vấn gồm có :

- Các vị thân hào nhân sĩ
- Các vị dân biểu và nghị sĩ
- Các đại diện phụ huynh.

Hội đồng này có phận sự góp ý kiến với Viện trưởng trong mọi vấn đề giao tế, nhưng cũng không xen vào nội bộ giảng huấn của Viện.

Đứng đầu mỗi Khoa thì có Khoa trưởng, rồi đến Phó Khoa trưởng và các Trưởng Ban. Hội đồng Khoa gồm có :

- Khoa trưởng
- Phó Khoa trưởng
- Các Trưởng Ban chuyên môn
- Đại diện Giáo-sư và sinh viên.

Phương tiện thực hiện

A.— *Nhu cầu tài chánh.* Tài chánh là điểm then chốt để mở một Viện Đại-Học. Thường thường một Đại-Học Kỹ thuật hay Khoa học Áp dụng rất tốn kém ở giai đoạn đầu. Đối với mỗi Ban, như đã nói trên, một ngân quỹ từ 10 đến 15 triệu quả là phần tối thiểu. Ngân quỹ này dùng để sửa sang phòng ốc, tuyển nhân viên hành chánh, mua máy móc và sách vở, và cuối cùng là thù lao cho giáo ban. Viện Đại-Học Đà-Nẵng nên

là một Đại-Học công đồng. Ngân quỹ sẽ phải do Bộ Giáo Dục đài thọ một phần, rồi đến ngân quỹ của thị-xã (qua các sắc thuế). Kế đó là tiền học phí của sinh viên. Ngoài ra, các cơ quan ngoại quốc có thể viện trợ dụng cụ, sách vở hay đôi khi cả một khoản trợ cấp bằng ngoại tệ nữa. Hội-đồng Bảo-trợ cũng là một nguồn tài chánh rất quý, nếu đảm nhận đúng vai trò kinh-tài của nó.

B.— *Nhu cầu giảng huấn.* Đây là một vấn đề nan giải, nhưng không đến nỗi bi quan nếu có một kế hoạch hẳn hoi. Trong hoàn cảnh đất nước hiện nay, việc mời các giáo sư tốt nghiệp ở ngoại quốc hồi hương là một điều khó khăn, nên trong ngũ niên đầu, chắc chắn phải nhờ đến giáo sư cao cấp của Viện Đại-Học Sài-gòn, và một số rất ít hiện có ở Huế. Các giáo sư trung cấp và các phụ giáo có thể tuyển ngay từ những vị đã có Cao-học hay Tiến sĩ đệ tam cấp và Tiến sĩ kỹ sư do Trường Khoa học Sài-gòn đào tạo ra. Nếu khéo vận động, còn có thể biệt phái một số nữa hiện đang tại ngũ. Mỗi Ban cần có độ 3 giáo chức tại chỗ trong năm năm đầu và 6 giáo chức trong năm năm kế. Song song với việc tuyển dụng tức thời, cần có một kế hoạch gọi người vào học cấp Tiến sĩ ở Sài-gòn và ra ngoại quốc để kịp dùng cho ngũ niên thứ hai. Một điều tốt hơn hết, là Viện Đại-Học

ĐÃ CÓ BÁN:

ĐỒNG QUÊ

Phóng sự tiểu thuyết của PHI-VÂN

Giải nhất cuộc thi Văn chương của Hội Khuyến Học Cần Thơ 1943.

Lửa Thiêng tái bản lần thứ 5, sau 10 năm vắng bóng.

Mua sách tại nhà sách Phong-Phú 120 Đinh Tiên Hoàng
có chữ ký của ký giả. Giá bán: **250đ.**

Đà-Nẵng nên cấp một số học bổng cho những sinh viên theo học các lớp hậu cử nhân hay hậu kỹ sư để họ có thể trở về Viện sau khi thành tài. Nếu việc đào tạo giáo sư không được đặt ra hoặc không thực hiện chu đáo, Đại-Học Đà Nẵng sẽ lâm vào tình trạng khó khăn chung với một số Đại-Học hiện nay đang gặp phải.

Một việc đào tạo khá độc đáo về nhân viên giảng huấn đã được thực hiện ở Nha-Trang. Nơi đây, nhờ có cơ sở Cao-học sẵn có, Viện Đại-Học Sài-gòn đã đào tạo cho Viện Đại-Học Nha-Trang trong tương lai một số Tiến sĩ trung cấp về hải dương học. Có người chỉ trích Viện Đại-Học Nha-Trang cất nhà từ nóc xuống và không hợp với đường hướng

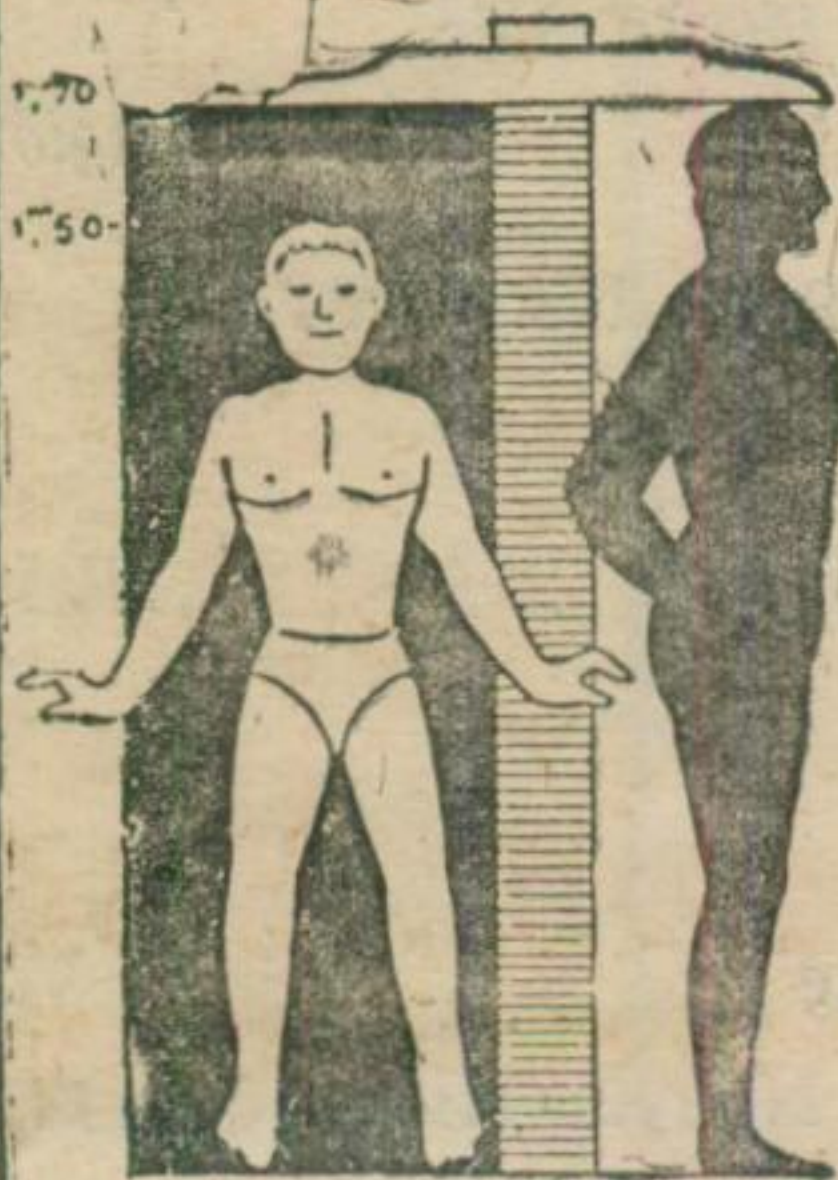
quốc tế. Điều này rất đúng, nhưng phải chấp nhận rằng trong khung cảnh Việt Nam, mọi ngoại lệ đều có thể xảy ra và đôi khi phải sống nhờ ngoại lệ nữa. Ví dụ như việc đào tạo giáo sư trước rồi lập trường sau là ngoại lệ do hậu quả của việc nhân tài nước ta không chịu về nước.

Đại-Học Đà-Nẵng không có cái may mắn của Nha-Trang lại thêm một cái rủi là nằm cạnh Đại-Học Huế mà sự khiếm khuyết giáo sư vẫn còn là điều trầm trọng. Nhưng với ý chí bất khuất trước nghịch cảnh và nhờ sự giúp đỡ của các Đại-Học đàn anh, Đại-Học Đà-Nẵng sẽ vươn mạnh lên trong ngũ niên thứ hai. Chúng tôi chấm dứt bài này với niềm hy vọng lớn lao.

TRẦN-KIM-THẠCH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

SỐ KN : 78 MBYT/QCPD

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

120 Nguyễn-Lâm—Cholon

SÁCH IN NĂM 1970

- | | |
|---|-------------------------------|
| — <i>Phong-trào Duy-Tân</i> | Nguyễn-văn-Xuân |
| — <i>Xứ Trầm-Hương</i> | Quách-Tấn |
| — <i>Heidegger trước sự phá sản
của Tư-Tưởng Tây-Phương</i> | Lê-Tôn-Nghiêm |
| — <i>Lúa Sạ Miền Nam (thơ)</i> | Kiên-Giang |
| — <i>Cầm Ca Việt-Nam</i> | Toan Ánh |
| — <i>Hải Đảo Thần Tiên</i> | Đặng-Trần-Huân (dịch) |
| — <i>Đạo Phật Ngày Nay Mai</i> | Nhất-Hạnh |
| — <i>Sử ký của Tư-Mã-Thiên</i> | Giản-Chi và
Nguyễn-Hiến-Lê |
| — <i>Nhánh rong phiêu bạt</i> | Võ-Hồng |
| — <i>Chứng Đạo Ca của Huyền Giác</i> | Trúc-Thiên
(giới thiệu) |

SÁCH TÀI BẢN NĂM 1970

- | | |
|--|---------------------------|
| — <i>Chắp tay nguyện cầu
cho Bồ-câu trắng hiện (thơ)</i> | Nhất-Hạnh |
| — <i>Nói với tuổi 20</i> | — |
| — <i>Bông Hồng Cài Áo</i> | — |
| — <i>Áo Em Cài Hoa Trắng</i> | Võ-Hồng |
| — <i>Làm Con Nên Nhớ</i> | Nguyễn-Hiến-Lê và Đông-Hồ |
| — <i>Trận Đòn Hòa Giải</i> | Võ-Hồng |

MỘT CÔNG TRÌNH NON NỬA THẾ KỶ : Bộ Lịch sử Văn-minh của WILL DURANT

Trong giới biên khảo, sử gia giữ một địa vị đặc biệt vì sức làm việc phi thường của họ. Họ kiên nhẫn, cặm cùi hơn hết thấy các nhà khác, hi sinh suốt đời cho văn hóa, không màng danh vọng, lợi lộc, bỏ ra từ ba đến năm chục năm để lập nên sự nghiệp. Họ đọc sách nhiều, du lịch nhiều, suy tư nhiều, và nếu họ ít có thành kiến, thì tác phẩm của họ càng lâu đời càng có giá trị ; hiện nay ở phương Tây, loại sách về sử được phổ biến rất rộng, có cái cơ mồn lẩn át tiểu thuyết.

Chỉ trừ Ấn Độ, dân tộc lớn nào cũng có một số sử gia lớn. Trung Hoa có hai sử gia họ Tư-Mã : Tư-Mã Thiên (145 — ?... trước công nguyên) với bộ *Sử ký* bất hủ gồm 526.500 chữ, chép từ đời Hoàng Đế đến đời Hán Vũ Đế ; và Tư-Mã Quang (1019 — 1086) đời Tống với bộ *Tư trị thông giám*, chép từ thời Chiến Quốc tới hết đời Ngũ Đại (gồm 1362 năm), ngày nào ông cũng viết hàng chục trang giấy, tới khi hoàn thành sau hai mươi lăm năm làm việc thì những tài liệu chép tay chứa đầy hai căn phòng.

Ả Rập có Abd-er-Rahman Ibn Khaldoun (thế kỷ XIV), trong năm chục năm vừa làm quan vừa viết bộ *Thế giới sử* mà Toynbee khen là « tác phẩm lớn nhất trong loại đó ở bất kì thời đại nào, trong bất kì xứ nào ».

Pháp có Augustin Thierry (1795 — 1856) nghiên cứu sử bốn chục năm, tới lão mắt mà vẫn tiếp tục làm việc, không viết được thì đọc cho người khác chép. Đồng thời với ông có Michelet bỏ ra ba mươi năm soạn bộ *Sử Pháp* gồm 28 cuốn.

Anh có Gibbon (1737 — 94) bỏ ra 17 năm soạn bộ sử danh tiếng *Thời suy sụp của Đế quốc La Mã*. Đức có Spengler (1880 — 1936) tác giả bộ *Thời tàn của phương Tây*. Nước ta chưa có sử gia nào so sánh với những nhà đó được, nhưng Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú vẫn còn đáng làm gương cho chúng ta và nếu được sanh ở một nước như Trung Hoa chẳng hạn thì sự nghiệp hai vị đó chưa chắc đã kém ai.

Hiện nay hai sử gia nổi danh nhất thế giới là Toynbee (1889 —...) với bộ *A Study of History* (Khảo luận về sử) và Will Durant với bộ *The Story of Civilisation* (Lịch sử văn minh). Toynbee là một sử-triết-gia, có phần sâu sắc hơn Durant : Durant cổ điển hơn, nhắm mục đích phổ biến hơn, như H.G. Wells, tác giả bộ *Lịch sử Thế giới*, nhưng công trình của ông lớn lao hơn của Wells nhiều, và mặc dầu tính cách khác nhau, đáng được đặt ngang hàng với công trình của Toynbee.

William James Durant (thường gọi là Will Durant) sinh năm 1885 (hơn Toynbee 4 tuổi) ở North Adams, tiểu bang Massachusetts, trong một gia đình gốc Pháp — Gia Nã Đại, đậu cử nhân triết học ở trường Saint Peter, làm phóng viên cho tờ New York Evening Journal, rồi tuân lời cha mẹ vô Chứng viện Seton Hall học thêm bốn năm nữa, nhưng tự xét không hợp với nghề mục sư, ông thôi học, ra làm hiệu trưởng trường Labor Temple School ở New York, tại đó ông dạy triết học và sử trong mười ba năm cho những người lớn có nghề nghiệp muốn trau dồi thêm kiến thức. Hạng học viên đó chỉ chịu ngồi nghe nếu bài giảng hấp dẫn; ông phải soạn bài thật kỹ, bỏ những chi tiết rườm, nhấn mạnh vào những điểm chính, tổng hợp lại cho họ nắm được đại cương, nhờ vậy ông luyện được một lối trình bày sáng sủa, giản dị.

Bài soạn của ông rất được hoan nghênh; ông gom lại một số, in thành cuốn *The Story of Philosophy* (Lịch sử Triết học), bán rất chạy, chỉ trong ba năm, nội các nước nói tiếng Anh đã tiêu thụ được hai triệu cuốn, rồi sau được dịch ra tiếng Pháp, Ý, Đức, Nhật, Trung Hoa, Y Pha Nho, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Đan Mạch, Do Thái... Ở nước ta, nghe nói có người cũng đang dịch. Thấy thành công, ông quyết tâm chuyên sống bằng cây viết.

Từ năm 1915, sau khi đọc cuốn *Introduction to the History of Civilisation* mà sử gia Anh Buckle viết chưa xong thì chết, ông đã có hoài bão tiếp tục công việc đó, nên vừa soạn luận án tiến sĩ ở

Đại học Columbia vừa kiểm tài liệu cho bộ *Lịch sử văn minh* của ông.

Mười bốn năm sau, 1929, ông và bà (nhũ danh là Ariel) mới đem hết tâm trí ra thực hiện hoài bão chung.

Mục đích của ông bà là tìm hiểu xem tài năng và sức lao động của con người đã giúp cho văn hóa của nhân loại được những gì, óc phát minh nảy nở và tấn bộ ra sao, đạt được những kết quả nào trong mọi khu vực: chính trị, kinh tế, tôn giáo, luân lý, văn học, khoa học, triết học, nghệ thuật, tóm lại là vạch rõ những bước tiến của văn minh nhân loại.

Ông cho rằng từ trước các sử gia phương Tây rất ít chú trọng đến văn minh phương Đông, đó là một khuyết điểm lớn.

« Chúng ta sẽ ngạc nhiên nếu được biết tất cả các món nợ tình thần của chúng ta đối với Ai Cập và phương Đông; nợ về các phát minh hữu ích cũng như về tổ chức chính trị, kinh tế, về khoa học, văn chương, triết học, tôn giáo. Hiện nay châu Á tràn trề một sinh lực mới, càng ngày càng mau đuổi kịp châu Âu và chúng ta có thể đoán trước rằng vấn đề quan trọng của thế kỷ XX sẽ là sự xung đột giữa Đông và Tây; vậy thì viết sử mà có óc hẹp hòi, theo truyền thống cũ, bắt đầu bằng sử Hi Lạp, chỉ chép vài hàng về sử châu Á [...] thì là thiếu cận, thiếu hiểu biết, hậu quả có thể tai hại. Tương lai ở phía Thái Bình Dương và chúng ta phải hướng cặp mắt và trí óc về phía đó ».

Lời đó viết năm 1935 trong khi Đức, Ý đang cường thịnh, Anh chưa suy

mà Ấn Độ và Trung Hoa còn là thuộc địa hoặc bán thuộc địa của Âu, quả thực là một nhận định sáng suốt, đáng coi là một lời tiên tri.

Vì có chủ trương đó, ông hai lần đi du lịch khắp thế giới, bỏ ra tám năm nghiên cứu về phương Đông và mở đầu bộ sử bằng lịch sử phương Đông.

Bổ cục tác phẩm như sau:

I.— Di sản của phương Đông: Văn minh Ai Cập và Cận Đông (tức Tây Á) cho tới khi Đại đế Alexandre của Hi Lạp mất; sử Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản cho tới đầu thế chiến vừa rồi.

II.— Di sản cổ điển của phương Tây: văn minh Hy Lạp, La Mã và miền Cận Đông dưới thời đô hộ của Hi Lạp và La Mã.

III.— Di sản thời Trung Cổ: châu Âu theo Ki-tô giáo và châu Âu thời Trung Cổ, văn minh Byzance, văn minh Ả Rập và Do Thái ở châu Á, châu Phi và Y Pha Nho; thời Phục hưng Ý.

IV.— Di sản của châu Âu: sử văn minh các quốc gia châu Âu từ thời Cải cách tới thời cách mạng Pháp.

V.— Di sản của châu Âu hiện đại: các phát minh khoa học, chính trị, tiết li, luân lí, văn học, nghệ thuật từ Napoléon tới ngày nay.

Ông biết rằng công trình phân tích và tổng hợp mấy ngàn năm lịch sử nhân loại đó lớn lao quá, một người làm thì thế nào cũng làm lẫn nhiều mà sẽ thành cái đích cho các nhà chuyên môn trong từng ngành tha hồ chỉ trích. Ông nhớ lời khuyên của Ptahhotep (1) năm ngàn năm trước: « Trong một hội

nghị sẽ có một nhà chuyên môn chỉ trích anh đấy. Có kiên trì mới nói lạn mạn về mọi vấn đề ».

Mà thực vậy, có người thấy ông khởi công đã cho ông là điên, ngờ rằng ông làm không xong hoặc chẳng ra cái quái gì cả. Nhưng ông cứ can đảm bước tới, tin chắc rằng phải có một công trình tổng hợp văn minh để nhân loại hiểu sự quý báu của văn minh nó là di sản của mọi dân tộc chứ chẳng của riêng dân tộc nào. « Lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu và xác những người chém giết nhau, cướp bóc lẫn nhau; mà các sử gia chỉ thường chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cắt nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ » Các sử gia khác bi quan vì không nhìn lên bờ, ông sẽ chép công việc của những người xây cất trên bờ. Việc phải làm thì làm, nếu cầu toàn thì không khi nào nên việc.

Nhưng như thế không có nghĩa rằng ông không thận trọng. Trái lại, như trên tôi đã nói, ông đi du lịch và nghiên cứu tám năm để tìm hiểu tâm hồn người phương Đông; viết xong về phương Đông ông lại nhờ các nhà chuyên môn về sử phương Đông coi lại bản thảo, chẳng hạn nhờ ông Ananda Coomarnswarmy ở viện Mĩ thuật Boston đọc phần về Ấn Độ, nhờ giáo sư H.H. Gowen ở Đại học Washington và ông Upton Close coi lại hai phần về Trung Hoa và Nhật Bản.

(1) Một tể tướng Ai Cập ở thế kỷ thứ 29 trước công nguyên, tác giả một cuốn về phép trị dân và cách xử thế.

Mặc dầu vậy, ông vẫn nhấn mạnh rằng tác phẩm không thể nào hết lỗi mà chỉ một mình ông chịu trách nhiệm. Và trong lời Mở đầu của toàn bộ, ông xin lỗi trước học giả Do Thái, Ả Rập, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản nếu những điều ông viết về Yahveh, Allah, về triết lí Ấn Độ, Trung Hoa, về văn minh Nhật Bản không làm vừa ý họ vì sơ lược quá.

Vợ con ông phải tiếp tay với ông.

Gia đình ông ở Los Angeles, trên một ngọn đồi cao nhìn xuống Hollywood. Hai ông bà, mỗi người có một phòng nghiên cứu riêng và một phòng làm việc chung. Tài liệu nào, ông đọc xong rồi cũng đưa bà đọc, mỗi người cùng ghi chép, suy nghĩ, sau họp nhau để so sánh, bàn bạc rồi mới viết. Cô con gái, Ethel giúp ông bà trong việc tiền tìm tài liệu, ghi xuất xứ và đánh máy bản thảo.

Ông vạch trước chương trình cho mấy chục năm, giữ đúng được lời hứa với nhà xuất bản, cứ đúng ngày là giao bản thảo, không hề trễ. Thật đáng phục!

Bản tiếng Anh gồm mười cuốn: cuốn đầu về di sản phương Đông soạn xong năm 1935 (1) (mất 6 năm); cuốn II về Hí Lạp xong năm 1939 (4 năm), từ đó cứ 3 hay 4 năm xong một cuốn, đến năm 1965 xong toàn bộ.

Cuốn đầu ra rồi, không ai còn nghi ngờ khả năng của ông nữa: và khi cuốn cuối in xong, ai cũng phải phục ông: sự nghiệp của ông ngang hàng với sự nghiệp của sử gia danh tiếng của nhân loại; cuốn thứ ba: *César và Ki-tô* viết rất hay, tổng hợp rất khéo; các cuốn về văn minh phương Tây thời Cận Đại, tài liệu rất dồi dào, soạn rất công phu:

đời sống và sự nghiệp các danh nhân như Léonard de Vinci, Mozart, Rousseau, Goethe được chép lại rất đầy đủ mỗi nhà khoảng 50 trang.

Tác phẩm được hoan nghênh nhiệt liệt, các trường Đại học ở Mỹ đều khuyến sinh viên đọc để mở mang kiến thức. Nhà Payot ở Pháp đã nhờ sáu người dịch từ mười lăm năm trước; nhà Rencontre ở Lausanne (Thụy Sĩ) mới in xong toàn bộ bản tiếng Pháp gồm 32 cuốn (2), như vậy là mỗi cuốn bản tiếng Anh gồm ba hoặc bốn cuốn bản tiếng Pháp.

Ông cho công việc đó chưa hoàn thành, nên bỏ ra thêm hai năm (1965—67) viết một cuốn nữa nhan đề là *Bài học của lịch sử* (3). Đây là phần kết của toàn bộ, gồm những nhận xét suy tư của ông về lịch sử văn minh.

Vậy nếu kể từ khi khởi thảo thì hai ông bà đã bỏ ra 38 năm (1929-67) để thực hiện công trình; nếu kể cả những năm ông kiếm tài liệu khi còn học ở Đại học Columbia thì trước sau mất đúng nửa thế kỉ.

* * *

Phải đợi đọc phần kết: *Bài học của Lịch sử* rồi mới nhận định được đúng tư tưởng của ông, nhưng ngay từ bây giờ chúng ta cũng có thể sắp ông vào hàng những học giả có tinh thần nhân bản rất cao, không kì thị chủng tộc,

(1) In trong thế chiến thứ nhất và trong khi in chắc ông có thêm ít tài liệu mới nhất.

(2) Khổ 12X18, mỗi cuốn từ 400 đến 500 trang, bìa dày, có 32 tấm hình, trình bày rất nhã, giá khoảng 15 quan. Từ cuốn XX, ông bà kí tên chung là Will và Ariel Durant.

(3) Nhà Rencontre sẽ dịch và in thành hai cuốn.

ghét chiến tranh, ghét bọn thực dân xâm lăng mà ông gọi là bọn ăn cướp, bọn giặc biển vô liêm sỉ.

Viết về sử thì không thể nào hoàn toàn khách quan được. Ta chỉ có thể đòi hỏi sử gia đừng có thành kiến và phải thận trọng thôi. Hai đức này Will Durant đều có cả.

Tôi xin lấy thí dụ cuốn ông viết về văn minh Ấn-Độ, dày khoảng 370 trang. Để viết cuốn ấy, ông đã đọc khoảng trăm rưỡi bộ sách, dùng tài liệu nào, đều ghi xuất xứ, như trong chương *Đời sống của dân Ấn*, gồm 38 trang, ông dẫn 210 câu hoặc đoạn, dẫn đủ 210 xuất xứ, từ những sử gia thời cổ như Hérodote tới các tác giả đời sau như Dubois, Barnett, cả những nhà viễn du như Marco Polo, Pierre Loti... Gặp những ý kiến nào trái ngược nhau thì ông ghi hết, rồi đưa lời phán đoán của ông, và trong công việc này, ông luôn luôn tỏ một tinh thần rộng rãi, không có thành kiến, chỉ sợ rằng mình lầm lẫn :

« Chúng ta chỉ biết bề ngoài như vậy thôi, khó mà đi sâu thêm nữa để đoán được tư cách, tính tình người Ấn, vì dân tộc nào cũng có đủ các đức và các tật, và các nhà nhận xét thường chỉ nhấn mạnh vào những đức hoặc tật nào để minh chứng thuyết của họ hoặc làm cho câu chuyện thêm vui ».

Ông nhắc ta hoài rằng :

« Giám thức của mình là cái gì không vững, không chắc chắn, do truyền thống cùng ảnh hưởng của xã hội chung quanh gây nên, mà xã hội nào cũng hẹp hòi, có thiên kiến, như vậy khi phán đoán các dân tộc khác, hoặc phê bình

nghệ thuật của họ theo tiêu chuẩn, thành kiến của mình thì làm sao khỏi bắt công với họ được ».

Vậy ông đã cho chúng ta một bài học về đức khiêm tốn và bao dung. Có bao dung thì mới hiểu nhau được mà cùng nhau bảo tồn di sản văn minh chung, vì chỉ di sản đó mới đáng quý mà nó lại rất dễ bị tiêu diệt.

Ở đầu bộ, sau khi trình bày các điều kiện địa lí, chủng tộc, kinh tế, tâm lí... của văn minh, ông cảnh cáo chúng ta rằng một nền văn minh có thể tàn rụi vì rất nhiều nguyên nhân : một tai biến về địa chất, hoặc một thay đổi đột ngột về khí hậu ; một bệnh dịch lan tràn dữ dội mà không biết cách ngăn chặn ; một sự khai thác quá mức làm cho đất đai cằn cỗi ; một sự suy giảm về các nguồn lợi thiên nhiên ; một sự suy đồi về luân lí, trí tuệ, hậu quả của sự lao lực hoặc của một đời sống quá kích thích, truy lạc ; một triết lí bi quan hoặc sự tập trung của cải vào một số người... cũng có thể rất tai hại cho văn minh. Dân tộc nào cũng vậy, nhờ sống khắc khổ mà thịnh lên rồi vì quá hưởng lạc mà suy tàn, bị tiêu diệt.

Nghe lời cảnh cáo đó chúng ta nhớ lời của Valéry : « Bây giờ chúng ta biết rằng văn minh nào cũng có thể chết được » và chúng ta giật mình : trong những nguyên nhân kể trên, xã hội ta trong mấy chục năm nay, đã mắc phải bao nhiêu nguyên nhân rồi mà có người còn vô tình hay cố ý đào thêm cái huyệt để chôn mình nữa : hô hào sự tàn sát, khuyến khích sự truy lạc, tập trung của cải vào một thiểu số để cho đại đa số mỗi ngày mỗi điều đứng, cạn hết sinh lực...

Gọi Toynbee là một sử-triết-gia thì phải gọi Durant là một sử-luân lí gia, ông là người phương Tây mà rõ ràng có cái tính thần sử gia Đông Á. Xin đọc giả nghe ông phê bình đạo Khổng ;

« Chỉ trong đạo Ki-Tô và đạo Phật chúng ta mới thấy có sự hùng tâm gắng nhân-văn-hóa cái bản chất của con người như đạo Khổng.

Ngày nay cũng như ngày xưa, dân tộc nào bị cái nạn giáo dục thiên về trí dục mà đạo lí suy đồi, tư cách của cá nhân cũng như của tập thể thấp kém quá thì không có phương thuốc nào công hiệu hơn là cho thanh niên được thấm nhuần đạo Khổng.

«Nhưng chỉ một triết lí của Khổng học thôi, chưa đủ. Nó rất thích hợp với một quốc gia cần thoát khỏi cảnh hỗn loạn, nhu nhược để lập lại trật tự, lấy lại sức mạnh, nhưng đối với một quốc gia cần cải tiến hoải để ganh đua

trên trường quốc tế thì triết lí đó là một trở ngại »,

Một số thanh niên ta chắc không ngờ tác giả mấy hàng đó là học giả của chính cái xứ sản xuất ra kẹo cao su để họ nhai tóp tép mà chê Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ là « quân tử tào ». Phải dung hòa được Đông và Tây cũ và mới, chứ bỏ hết cái cũ thì cũng không hơn gì khư khư bám lấy cái cũ.

Một đặc điểm cuối cùng nữa nhưng không kém quan trọng là bộ sử của Durant hấp dẫn như tiểu thuyết : hễ đã đọc vài trang rồi thì phải đọc tiếp tới hết cuốn, thỉnh thoảng gặp một nhận xét thâm thúy dí dỏm hoặc mỉa mai một cách tế nhị ; và cuối mỗi phần luôn luôn có một vài trang tổng kết gọn, sáng mà đủ giúp ta nhận định được những nét chính của mỗi nền văn minh và gợi cho ta rất nhiều suy tư và hoài cảm.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

THẦN - THOẠI và TÔN - GIÁO - THOẠI

Trong văn-học Việt-Nam, gần đây các tác-giả miền Nam đã có nhiều người chú ý và viết về thần-thoại. Đó là điều đáng mừng vì Thần-thoại chính là lịch-sử linh-thiên của dân-tộc, là lý do của nền văn-hóa, là chân-lý tối cao của cuộc sống, là di-ngôn của tổ-tiên để lại cho muôn đời về sau (1).

Tác-giả đầu tiên đã đề-cập tới thần - thoại là Hoàng - Trọng - Miên trong *Việt-Nam văn-học toàn-thư*, quyển I, sau đó là Giáo-sư Trần-Ngọc-Ninh trong hai số Nguyệt-san Tân-Văn 13 và 14, xuất-bản năm 1969. Và mới đây không lâu, tháng IX-1970, nhà văn Doãn-Quốc-Sỹ cũng đã cho xuất bản cuốn *Thần thoại Việt-Nam, Trung-Hoa*. Tất cả những tác phẩm và bài báo trên đều là những công trình sưu-khảo đáng quý, không những làm giàu cho nền văn-học Việt-Nam mà còn giúp chúng ta hiểu biết về Thần-thoại của dân-tộc. Trong tạp-chí Bách-Khoa số 334, đề ngày 1—XII-1970, chúng tôi lại lấy làm vui mừng được đọc bài của Bà Nguyễn-thị Ngọc-Thắm nói về *Mấy đặc-điểm của thần-thoại Việt-Nam*. Cuối bài Bà Ngọc-Thắm còn hẹn trở lại vấn đề này trong một bài khác. Luôn luôn chú tâm tới Thần-thoại nước nhà, chúng tôi đã theo dõi và lưu trữ tất cả những tài liệu kể trên, mặc dầu các tài-liệu này chú trọng nhiều tới phần nhắc lại các thần-

thoại, sự phân tích nguồn gốc cũng như sự diễn-biến của thần thoại đề đi tới cái tương, sự tương quan giữa thần thoại với các khía cạnh lịch sử, chính-trị, văn-học và xã-hội, tuy có được nhắc đến nhưng không mấy kỹ càng. Bà Nguyễn-thị Ngọc-Thắm đã phân tích thần thoại và đã nói lên mấy đặc điểm của Thần-thoại Việt-Nam, nhưng rất tiếc những nhận xét của Bà không hoàn toàn đúng tuy Bà đã dày công sưu khảo. Chúng tôi chờ đợi những bài sau của Bà, tuy nhiên, trong khi chờ đợi, chúng tôi xin phép được lạm bàn về một vài điểm Bà đã nêu ra.

Trước khi vào thẳng vấn-đề, chúng tôi xin phép thử nói qua Thần-thoại là gì ?

Học-giả Nguyễn-Đồng-Chi đã định nghĩa thần-thoại như sau :

Thần-thoại là một loại truyện cổ tích. Trong các truyện cổ tích có thể chia làm hai thứ : một thứ nội dung hoàn toàn nói về người hoặc về vật mà ta có thể gọi là nhân-thoại vật-thoại, trong đó không có sức thần, phép tiên len vào ; một thứ trái lại, bao hàm ít nhiều chất hoang đường quái đản, Thần-thoại thuộc về thứ sau (2).

(1) Trần-ngọc-Ninh. *Huyền-thoại Việt-Nam*, Tân-Văn số 13, tháng 5-1969.

(2) Nguyễn-Đồng-Chi. *Lược khảo về Thần-thoại Việt-Nam*. N.X.B. Văn Sử Địa 1956.

thoại Việt-Nam cũng dần dần thay đổi, nhưng dù thay đổi đến đâu, may thay những đề chính của kho thần thoại này vẫn còn giữ được, nếu chính đề không còn nữa, thần thoại đâu còn là thần thoại.

Với những câu chuyện thần thoại Việt-Nam hiện nay còn lại trong dân gian cũng như qua văn học, thần thoại Việt-Nam tất nhiên phải có những đặc điểm riêng, những đặc điểm này Bà Nguyễn-thị Ngọc-Thắm đã trình bày và phân tích trong Bách Khoa số 334 nói trên.

Những đặc điểm Bà Ngọc-Thắm nêu lên có xác đáng không, và đầy đủ chưa ?

Trước hết tôi đồng ý với Bà Ngọc-Thắm là xưa kia tổ tiên chúng ta sống trên một *lũx mà rừng rú và nước có thể là chiếm gần hết*, nhưng tôi không đồng ý cho rằng do đó trong thần thoại của chúng ta có thần ở *lâm cung* và *thủy cung*.

Thần ở lâm cung tức là thần rừng. Thần thoại của chúng ta cũng như thần thoại hầu hết các dân tộc khác không có thần rừng, chỉ có thần cây và thần núi.

Thần rừng ở đây phải chăng Bà Ngọc-Thắm muốn nói tới Thượng-Ngàn Thánh-mẫu như ở đoạn dưới có nhắc tới với sắc ông Hoàng, bà Chúa được thờ ở các miếu điện nơi thượng du như Cô Ba Bắc-Lệ, Bà Chúa Tam-Đảo, ông Hoàng Mẫu-Sơn những danh từ Bắc-lệ, Tam-đảo, Mẫu-sơn địa chỉ những danh nơi có đền thờ các ông Hoàng, Bà Chúa này.

Thượng-Ngàn thánh-mẫu cũng như các ông Hàng, bà Chúa ngày nay được dân ta thờ phụng, thật ra không phải là những nhân vật thần thoại, mà là nhân vật của tiên thoại, nhân vật do các môn đồ lưu phái đạo Lão sáng tạo ra cũng như Độc-cước thần, Trương-Thiên-sứ v. v... Tiên-thoại tức là một loại tôn giáo thoại, còn thần thoại là những câu chuyện của loài người từ thời kỳ tiền tôn-giáo. Nhiều thần thoại qua sự nhào nặn của tín đồ các tôn giáo, nhất là tu sĩ, đạo sĩ đã biến tướng thành tôn giáo thoại. Ở đây tôi xin đưa ra một thí dụ :

Nguyên-thủy Thiên-Vương, một nhân vật tiên thoại, vốn là nhân vật thần thoại, Nguyên-thủy Thiên-vương chính là ông Bàn Cờ một nhân vật thần thoại Trung-quốc; theo các sách vở lưu lại thì nhân vật thần thoại Trung-quốc này, không phải hoàn toàn Trung-quốc, lại chỉ là một nhân vật nhập cảng vào thần thoại Trung-quốc. *Ba Nhan* trong *Văn học luận cáo*, cho rằng Bàn-Cờ xuất hiện từ thần thoại Man-tộc, giống người này tự nhận tổ tiên mình là một con chó năm sắc với tên là Bàn-Hồ. Đến đời Tam-Quốc, *Từ Chính* dựa vào vũ-trụ-quan của Nho-giáo lấy sự tích đó viết lại thành một đoạn thần thoại khai thiên lập địa : Bàn-Cờ sinh trong khoảng trời đất đang tròn và kín như quả trứng gà, bên trong tình thể hỗn độn. Bỗng trời đất mở toang ra, khí dương trọng làm trời, khí âm đục làm đất. Trời mỗi ngày cao thêm một trượng, đất mỗi ngày dày thêm một trượng, thần

Ông nói thêm :

Như cái tên của nó, thần-thoại là sự tích về các thần. Nhưng thần trong thần thoại với thần trong các truyện khác cũng cần phải phân biệt. Tiếng thần của mỗi thời-đại nội-dung không giống nhau. « Thần » của người nguyên-thủy là do quan-niệm vạn-vật đều có linh-hồn mà xuất hiện. Thần là lực-lượng siêu tự-nhiên đối với người; hoạt động của thần thường thường là tự-do, phóng-khoáng, chất-phác, vô-tư. Còn như thần của các đời sau phần nhiều chịu sự chi-phối của tôn giáo, tín ngưỡng, của sự lễ bái.

Qua mấy dòng trên, chúng ta nên phân biệt thần-thoại là những câu chuyện về thể giới vô-hình xuất hiện từ thời con người nguyên-thủy, thời kỳ chưa có tôn-giáo, với những câu chuyện thần tiên sau này, khi loài người đã có tín-ngưỡng tôn-giáo. Những câu chuyện sau này phải được gọi là *Tôn giáo thoại*. Thí dụ như câu chuyện Thượng-đế dùng đất tạo ra người đàn ông đầu tiên, ông Adam, và lấy chiếc xương sườn của người đàn ông tạo ra đàn bà, Bà Eva, không phải là một thần-thoại, mà đây là một *tôn-giáo thoại*, một câu chuyện thuộc về tôn giáo, có tính cách tuyên truyền cho tôn giáo.

Chúng tôi nghĩ cũng cần nói thêm những nhân vật thần thoại có thể hoàn toàn là thần như thần Sét, thần Biển... hoặc nửa thần nửa người như Lạc-Long-Quân, Âu-Cơ, Sơn-Tinh v.v... và cũng có thể là những con người từ xưa xưa được thần hóa vì có công với đất nước như đức

Thánh Gióng, hoặc vì một sự tích lý kỳ như Chử-Đông-Tử v. v...

Chúng tôi xin quay về thần thoại Việt-Nam lúc sơ khai với thần Sấm Sét, thần Mưa, thần Gió, thần Núi, thần Sông. Những câu chuyện này qua các thời đại đã được cải biến, hoặc do sự truyền khẩu sai lạc từ thời kỳ tiền-văn-tự, hoặc do sau này, khi có văn-tự được chép lại, nhưng khi chép lại, người chép đã nhào nặn, cắt xén thêm bớt để câu chuyện được hợp lý hơn, tuy việc làm này đã làm hại cho thần thoại, khiến thần thoại mất hẳn những nét hồn nhiên lúc ban đầu, đồng thời cũng làm sai lạc cả những nét bi hùng chính chứa đựng trong thần thoại. Những nét bi hùng này phản ảnh cho cái tình thần muốn vươn lên của tổ tiên chúng ta trong khi phải chiến đấu chống muôn vật, chống thiên nhiên. Tai hại nhất là sự nhào nặn cắt xén này đã phá hủy những cơ - cấu khả dĩ giúp ta hiểu được phần nào những ký hiệu và tượng-trưng mà người xưa muốn truyền cho ta.

Về điểm này Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh đã buộc tội các nhà nho của ta xưa còn nhân danh một thứ luận lý hẹp hòi và hủ lậu mà chọn lọc hay sửa chữa lại các huyền thoại, như Lý-Tể-Xuyên và Trần-Thế-Pháp kể lại những sự tích u linh quái dị ở Việt-Nam, nhưng chỉ ghi những vĩ tích được coi là « thông minh chính trực » theo quan niệm nhà nho.

Do sự cải biến và nhào nặn ấy, những đặc tính lúc sơ khai của thần

của ông Bàn-Cồ cũng mỗi ngày lớn thêm một trượng... Ông Bàn-Cồ của Từ-Chỉnh, sau này đã bị các đạo-sĩ cải tướng lại: trong sách *Nguyên thủy thượng chấn chúng tiên ký*, ông Bàn-Cồ là Bàn-Cồ chân nhân xuất hiện lúc trời đất chưa phân, lấy hiệu là Nguyên-Thủy Thiên-Vương, ngao du trong bầu trời đất cho đến khi trời đất phân khai. Ông đi tới núi Ngọc-Kinh hít sương trời, uống nước suối. Sau xuất hiện một người đàn bà nhan sắc là Thái-Nguyên ngọc-nữ. Bàn-Cồ chân-nhân cùng người ấy phối ngẫu rồi dẫn lên cung điện của mình. Hai người sinh được hai con, Thiên-Hoàng đầu lòng là trai và Cửu-Quang huyền-nữ, con thứ là gái. (1)

Thí dụ trên lấy trong thần thoại Trung-hoa, dưới đây tôi xin đưa thêm một thí dụ khác, một thần thoại Việt-Nam đã được biến thành Tôn-giáo thoại. Tại núi Vạn-Linh, huyện Kim-Anh tỉnh Phúc-Yên ngày nay có một ngôi đền thờ Sóc-thiên-vương. Sóc-thiên-vương lúc đầu chỉ là thần núi Vạn-Linh, dân chúng quanh vùng gọi nôm na là núi Sóc. Đến đời Tiền Lê, khi vua Lê-Đại-Hành đem quân chống quân Tống của Hậu-Nhân-Bảo có phái Khuông-Việt Thái-sư tới cầu thần nhân giúp đỡ để phá giặc. Vua Lê đã phá tan quân Tống, Đề tạ ơn thần linh nhà vua sai sửa sang ngôi đền thờ thần. Với sự sửa sang này một câu chuyện được xuất hiện. Thần núi là Côn-Sa-môn thiên vương báo mộng cho Thái-sư, có lũ bộ hạ toàn là thần Dạ-xoa hình thù hung tợn. Côn-sa-môn thiên-vương được

lệnh sang xứ Bắc coi giữ nhân dân.

Đặc điểm như hai được Bà Ngọc-Thăm nêu lên: theo thần thoại Việt-Nam thế giới vô hình phân chia làm bốn cung và đứng đầu mỗi cung có một vị nữ thần cai quản gọi là *Mẫu*: Thủy-cung thánh-mẫu hay Mẫu Thoải, Lâm-cung thánh-mẫu hay mẫu Thượng-Ngân, Thiên-phủ thánh-mẫu hay Mẫu Cửu-Thiên, Thờ-Cung thánh-mẫu hay Mẫu Liễu-Hạnh.

Tất cả những vị thánh-mẫu này, theo chúng tôi, không phải là những nhân vật thần-thoại nguyên-thủy, và đây chính là những nhân-vật của tôn-giáo-thoại, cấu tạo bởi các đạo-sĩ, môn-đồ lưu-phái của đạo Lão biến-thể.

Nhân-vật thần-thoại, thay vì các vị thánh-mẫu này, có Thần Biển, Thần Núi, Thần Đất và ông Trời.

Việc cúng lễ lập đền Tam-phủ hay Tứ-phủ là những nghi-thức về tôn-giáo, và câu chuyện về các Thánh-mẫu cai-quản các phủ này là Tôn-giáo-thoại. Thần-thoại thuộc về thời-kỳ tiền-tôn-giáo.

Chúng tôi đồng ý với Bà Ngọc-Thăm về đặc điểm thứ ba, chúng ta không có những anh-hùng-ca như Illiade. Odyssée, chúng ta chỉ có những anh-hùng dân-tộc mà sự-tích là cả một bản trường-ca với những hình ảnh rất đẹp và kiêu hùng.

Chúng tôi cũng đồng ý với Bà về đặc điểm thứ tư Bà nêu lên: Thần-thoại Việt-Nam có tư-tưởng hoàn-toàn lạnh-mạnh và trong thần-thoại

(1) Theo Tài liệu của Nguyễn-Đổng-Chi, sách đã dẫn.

không có những câu chuyện hoang-dâm đời-truyện như trong thần-thoại Hy-Lạp hoặc Thần-thoại của một số các dân-tộc khác, tuy nhiên chúng tôi không đồng ý khi Bà bảo rằng trong thần-thoại Việt-Nam không có những truyện đánh nhau giữa chư thần : truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh, truyện Cừơng-Bạo đại-vương chống lại thần Nước và thần Sét, truyện Lạc Long Quân chiến đấu với Thần Cá (Ngư-tinh), Thần Cáo (Hồ-tinh) và Thần Cây (Mộc tinh) .. đó chẳng là những truyện xung đột giữa chư thần sao ? Cừơng-Bạo đại-vương, bạn của thần Bể không phải là một nhân vật thần-thoại chăng ? Các thần Cá, thần Cáo, thần Cây, chính là loại ác thần, và tổ-tiên chúng ta đã gọi là yêu là quái chỉ vì trong thần-thoại những thần này hại người, nếu trái lại hành động của những yêu quái này thay vì hại người lại giúp đỡ người, tất nhiên tổ tiên chúng ta không còn gọi là yêu quái mà đã tôn là thần.

Trên đây chỉ là mấy ý-kiến thô-thiển của chúng tôi khi đọc bài *Mấy đặc điểm của Thần-thoại Việt-Nam*. Bài này, chúng tôi xin nhắc lại, được sưu khảo công phu và là một tài-liệu có giá cho những ai muốn tìm hiểu về thần-thoại. Chúng tôi đợi chờ ở những bài khác của Bà. Trong khi chờ đợi, chúng tôi xin được phép đưa ra ý kiến về những đặc điểm của thần-thoại Việt-Nam :

— Trước hết, vì chịu ảnh-hưởng văn-hóa Trung-hoa trong thần-thoại Việt-Nam chúng ta thấy nhiều câu

chuyện lai Trung-hoa, tuy lai nhưng phần lai này đã được Việt-Nam-hóa, khiến ngày nay chúng ta muốn phân biệt phần nào hoàn-toàn Việt-Nam cũng thật khó khăn. Ông Trời biến thành Ngọc - hoàng Thượng - Đế, thần Sét hóa thành Thiên - Lôi, những ông Tứ-Tượng, bà Nữ-Oa đây là những nhân vật thần-thoại Trung-hoa nhưng đã nghiệm-nhiên trở thành những nhân vật của thần-thoại Việt-Nam, chuyện vợ chồng Ngâu, một năm mới lại gặp nhau một lần để giải thích về mưa Ngâu tháng bảy ở miền Bắc v...v...

— Trong thần - thoại Việt-Nam không nhắc đến nạn Hồng-thủy trong khi đa số thần-thoại các dân-tộc khác đều nói tới nạn này.

— Thần-thoại Việt-Nam có nhiều chuyện nội-dung giống thần-thoại các dân-tộc khác trên bán - đảo Đông-Dương : Truyện Ay và Ua trong thần-thoại Mường tương tự với truyện 100 trứng 100 trai của ta; truyện cây Chu-Đồng trong thần-thoại Mường tương tự với truyện thần Trụ Trời ; truyện cây song lớn Chuốc-khao-cát của người Thái cũng là một thứ trụ trời, thông liền đất trời v.v...

— Nhiều truyện thần-thoại Việt-Nam lẫn lộn với truyện lịch-sử, những nhân vật trong truyện không hiểu hoàn toàn là nhân vật thần-thoại hay đây là những nhân-vật lịch-sử : An-Dương-Vương là một nhân vật lịch-sử hay nhân-vật thần-thoại ? Nếu bảo câu chuyện này là một thần-thoại thì Triệu-Đà còn đó, vết tích thành Cồ-

Loa còn kia ? Nếu bảo đây là một nhân vật lịch-sử, sao trong Hán-sử nhắc tới Triệu-Đà lại không nhắc tới An-Dương-Vương, và khi viết về Triệu-Đà sử sách Trung-hoa cũng không nói tới sự giao-thiệp giữa họ Triệu với vua An-Dương-Vương ?

— Trong thần-thoại Việt-Nam, những vị thần hiền lành giúp đỡ dân gian được gọi là thần, còn những vị thần độc ác, làm hại dân gian bị gọi là yêu quái.

— Trong thần-thoại Việt - Nam không có truyện hai anh em ruột lấy nhau để sinh ra một dân-tộc như trong các thần-thoại nhiều dân-tộc khác. thần-thoại Mường : Lang-Đa-Cần lấy em gái là Nường-Kit : thần thoại Mèo : hai chị em sống sót lấy

nhau ; thần-thoại Mán : sau nạn Hồng-thủy hai anh em Phu Hay sống sót lấy nhau v.v...

— Chúng ta thiếu những anh hùng ca như Odysée Illiade.

— Một số thần - thoại Việt-Nam được cải biến thành tôn-giáo-thoại : Chử Đồng-Tử, Sóc Thiên-Vương v...v...

Trên đây là mấy đặc điểm của thần-thoại Việt-Nam theo thiên-kiến của chúng tôi. Có lẽ còn nhiều đặc điểm khác chúng tôi không biết tới. Dù sao với mấy trang bài này chúng tôi mong góp ý với Bà Nguyễn-thị-Ngọc-Thắm để Bà xây dựng loạt bài về Thần-thoại Việt - Nam sau này giúp cho văn-học nước nhà thêm tài-liệu phong-phú.

TOAN ANH

ASPRO



trị
**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT

Thăm các nhà xuất bản Sách Thiếu-Nhi

L.T.S. Bạn Tân Fong Hiệp, tác giả loạt bài này đã tới thăm một số nhà xuất bản sách thiếu nhi để định cống hiến bạn đọc một thiên phóng sự đầy đủ về những sách trẻ em hiện nay. Nhưng không may, sau khi đăng xong bài đầu trên Bách Khoa số 330 (1-10-70), bạn Tân Fong Hiệp đã bị đau và mấy tháng qua, anh vẫn chưa bình phục. Bởi vậy trên số này Bách Khoa đành đăng tiếp cuộc đàm thoại của tác giả với hai nhà xuất bản nữa: Một nhà ấn hành loại sách «Tuổi hoa» và một nhà ấn hành loại «Sách hồng»: cuộc đàm thoại do tác giả ghi lại lúc chưa bình. Tiếp đó là bài về «Sách Thiếu Nhi trong năm 1970» của bạn Châu Hải Kỳ coi như tạm kết thúc loạt bài này. Mong quý bạn đọc thông cảm cho.

Sách TUỔI HOA của nhà xuất bản Tuổi Hoa



Từ cái lớp con con sắp khai giảng ấy ở Bàu Sen tôi phóng xe môtô bị lật có bảy tuổi đời ấy về phía đường Kỳ Đồng mà không khỏi lo lo. Giờ hẹn

còn có 15 phút; mà cái xe bụi đời này trở chứng thì phải lỗi hẹn, mà lại cái hẹn ban đầu, với người tôi chỉ «văn ki thanh bất kiến ki hình», và sẵn sàng kết thân, cộng tác dưới dấu hiệu: Trẻ thơ.

May thay, đến nơi, đồng hồ đeo tay chỉ 9 giờ kém 1 phút.

Tay lau mồ hôi trán, tay gõ cửa phòng tòa soạn Tuổi hoa, tôi thất vọng ra mặt khi thấy người ngồi ở ghế tòa soạn đang trò chuyện với một người trung niên.

— Mời anh ngồi. Tôi tiếp ông bạn đây năm phút nữa, là tôi sẵn sàng để anh phỏng vấn.

Ngồi không, tôi quan sát căn phòng. Vừa nghiêm trang vừa tươi trẻ. I như người mang tên: họ Nguyễn, bút hiệu Trường Sơn. Trông người đã khổ

công lao từ để khai sinh, nuôi dưỡng và làm cho nó có uy có tín đưa con tinh thần là *Tuổi hoa* này, người ta phải dè dặt trước cái bề ngoài gần như khắc khổ của anh, nhưng qua đôi lời xã giao, nghe giọng anh nói bất gặp tia mắt anh ngược lên khi «chạm» phải cái gì dính đến sách báo thiếu nhi, người ta sau cùng thấy mình đứng trước một con người vừa — như căn phòng dành cho tòa soạn *Tuổi hoa* này — nghiêm trang vừa tươi trẻ.

Người khách ra về. Anh rời cái ghế «chủ bút» để ở trong, dựa tường, mà lại ngồi ghế khách, đối diện với người khách đã già từ tuổi già, tuổi sồn sồn, để phụ vợ trong việc phụng sự cho *Trẻ thơ*, mà loạt phỏng vấn này là một bằng chứng ban đầu (1).

Anh mời tôi điếu thuốc.

Tôi tuy tự hứa bỏ bớt đi một phiên lụy nào, dầu có nhỏ, có nhẹ đến đâu thì càng hay chừng nấy. Thế mà trước sự mời xã giao chân thành của người mới gặp trên tuổi năm mươi này, tôi đành... hút thuốc trở lại. Cách bật lửa của anh cũng nhẹ nhàng chân chất như cách mời khách hút cùng mình chút cổ tương tư.

Anh chăm rãi mở lời:

— Như anh biết đấy. Ai mà chẳng nói: ta mà làm cái này, mà hành động cái nọ, là vì bởi cái cơ đẹp cao này, cái lý thiêng liêng nọ, mà sự thật thì chỉ vì độc một chữ «lợi» mà thôi. Tôi có thể trả lời anh vì sao tôi bền lòng chạy theo «*Tuổi hoa*», thì lại sa vào cá mè một lứa.

Tôi phải phân trần và kéo nài. Người từng trải này mới từ cõi mở.

— Bước ban đầu của *Tuổi hoa* khiếm tốn quá. In vài quyển để... coi sao. Hình thức cố cho sạch sẽ, nội dung là để giải trí lành mạnh các em tuổi

từ 14 đến 16, trước tiên là sách của tôi, của vài bạn thân.

— Mà cuốn đầu là?

— *Con tàu bí mật*.

— Của Nguyễn trường Sơn?

Câu chuyện sau đó giữa chúng tôi là sự cởi mở cho cả đôi bên. Như thể hai người cùng chung một gốc, đi xa lâu ngày, giờ gặp nhau, kể lể những gì đã thấy ở quê người, đã xảy ra ở quê nhà, hơn là một cuộc phỏng vấn đúng theo nghĩa danh từ.

— Tôi được một người bạn hết lòng giúp tôi ở cái bước ban đầu khó khăn. Ấy là thầy Nhật-Lệ-Giang. Chỉ có hai anh em thôi để đối phó với biết bao nhiêu trở ngại. Nhưng rồi sau vài cuốn «thăm dò», chúng tôi được một số phụ huynh và bạn bè viết thư khuyến khích, bảo nên cố gắng luôn đừng dằn vặt trống bỏ giúi, mà «có tội» với *Tuổi thơ*.

Sau tám quyển, thư phụ huynh khích lệ càng nhiều, các em cũng hết mình ủng hộ; và điều này mới đáng ghi vào «*Lịch sử Tuổi hoa*» chính bộ Thông tin tự ý cấp giấy phép cho ra bán nguyệt san. Chúng tôi cũng thấy mình đã đủ lòng đủ cánh thử liều bay một chuyến xem sao. Đến 1962, chúng tôi ra *Tuổi hoa*, báo ra hàng nửa tháng.

Và năm nay *Tuổi hoa* báo đã được chín tuổi đời.

Tôi vội cắt ngang anh:

— Còn *Tuổi hoa* sách?

— Thì kể như là anh em song đôi. Cũng vừa ăn lễ sinh nhật thứ chín, Tôi nghe đâu đây vắng lại tiếng chuông nhà thờ. Và cái hàng sách cạnh bên, bán toàn (2) tạp chí và sách

(1) Loạt bài tiếp tiếp sẽ là: «*Đi thăm các lớp Mẫu giáo đô thành*».

(2) Nói toàn thể là nói quá đáng, nhưng một ít sách của vài nhà xuất bản ngoài đạo Thiên Chúa như chìm hặn.

Thiên Chúa giáo làm tôi hỏi.

— Có thể nào nói cơ sở xuất bản « Tuổi hoa » là của một đoàn thể không ?

Anh như chờ đợi câu hỏi này, nên trả lời ngay, không nghĩ ngợi :

— Nói đoàn thể, không đúng ; mà nói tư nhân cũng không đúng. Nửa này nửa nọ, nếu tôi có thể diễn tả như thế.

Anh gõ gõ điều thuốc còn phân nửa, rồi tiếp.

— Đến khoảng 1966-67, nhờ chị Minh-Quân đốc thúc và khuyến khích, chúng tôi mới quyết tâm cho ra đều đặn, kê trung bình thì mỗi tháng mỗi cuốn.

— Cuốn mới ?

— Vâng, cuốn mới, còn in lại, thì đề vào giữa tháng.

— Như xen kẽ ?

— Đúng vậy.

— Chắc là con số in cũng từ ít lên nhiều !

— Quả có thế. Lúc đầu, in 3000, mà e bán không hết. Sau mới lên 5.000.

— Và bán hết... như ai.

Anh mỉm cười, tôi thoáng thấy trong cái cười người lớn ấy có cái khiêm tốn pha một ít hài lòng.

Tôi xoay qua chi tiết.

— Số trang, giá tiền, có bị hạn chế không, anh ?

— Kê như không. Thường thường số trang từ 128 đến 160. Mà giá bán, so với các sách khác, thì giá rất rẻ. Lúc đầu, giá 30đ., rồi lên lần 50đ. ; có cuốn dày hơn thì 60đ. Ai cũng lấy làm lạ, vì in đẹp, bìa ốp sê, số trang nhiều như thế, mà bán với giá như thế, thì thật là một việc hiếm có, ít ai làm nổi.

— Như thế thì lời chẳng bao nhiêu.

Anh lại cười, nụ cười của một triết

nhân, mà hai chữ lợi với danh không làm bận tâm rợn tri.

— Kê như đủ ăn đủ chia. Tiền lời thì đủ trả tác quyền cho tác giả và mọi chi phí khác (ấn phí, họa phí v.v...)

— Còn nhà phát hành nữa chứ.

— Anh thật là « chu đáo » quá. Nhà phát hành giữ hết 45%.

Không biết vì đâu, tôi lại thờ dài : « Phát hành ! Phát hành ! Bao nhiêu rắc rối mi gây nên ! »

Khai tri, Sống mới, tính không sao thoát khỏi cái « vòng tay » của mi, liệu *Tuổi hoa* nửa đoàn thể nửa tư nhơn này có « bí kíp » gì chẳng.

— Lúc đầu thì cũng bị « bắt bí » như những nhà xuất bản khác. Nhưng rồi nhờ « bà xã » tôi đảm nhận. Một thật, nhưng thấy đại lý toàn quốc gửi toa về mua sách mới cả cách cũ và dặn sách sắp ra, nên cái vui làm quên cái nhọc.

— Hẳn chị ở nhà phải động viên cả các cháu mới làm cái công việc tự mình phát hành sách mình xuất bản.

Nụ cười nhẹ nhẹ ấy lại đậu trên môi anh.

— Bả động viên cả tôi nữa, chứ riêng gì các cháu !

Tôi lại nghĩ đến câu : « Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn ».

Cầm trên tay mấy cuốn « Tuổi hoa », tôi để ý đến hai cái dấu, đúng hơn là một, mà in hai màu : màu đỏ và màu xanh.

Anh như đoán trước ý tôi.

— Hoa màu đỏ để chỉ loại trình thám, mạo hiểm, phiêu lưu ; còn loại màu xanh cho ta biết sách đó thuộc loại tình cảm nhẹ nhàng.

— Loại nào bán chạy hơn !

— Có thể nói rằng các em thích đều cả hai loại.

À, cái hoa làm dấu hiệu này, có tám

cánh, chẳng hay đó là tình cờ, hay số 8 ấy có ngụ ý nghĩa gì khác.

Anh hơi ngạc nhiên.

— Tôi không để ý điều đó, có lẽ họa sĩ thấy vẽ thứ hoa có 8 cánh dễ vẽ hơn hoặc dễ vẽ đẹp nên chọn con số 8 ấy thôi. Chớ không có ý nghĩa gì sâu xa cả.

Anh bảo một chú em tìm hai bìa mới và một bìa cũ, bìa thời còn dò dẫm.

Nhìn bìa « Con tàu bí mật » mà tác giả là anh, rồi nhìn bìa *Mái tóc* của Thụy-Ý, lại bìa *Tiếng sấm Dương Châu* của Vũ-Thiên-Lý, tôi thấy cả sự cách xa của nét vẽ, màu mực, kỹ thuật in. Có thể nói đó là hình ảnh con tằm hóa bướm.

Anh nhỏ nhẹ :

— Nhiều bạn hỏi : cũng thời in ôp sê, cũng ở một nhà in đó, sao bìa anh như thế này, mà bìa chúng tôi lại như thế nì.

« Các bạn ấy có biết đâu, chúng tôi đã học lóm nghề, đã « chạy theo » người vẽ, thợ máy, có mặt lúc bìa lên khuôn. Thật cũng lắm công phu.

Đến nay được 30 quyền, nhìn lại con đường đã qua, mà chính tôi không khỏi giật mình. Phải nói tình chị Minh-Quân đối với việc làm của chúng tôi, và sự hăng hái của chị, khi đọc giúp tác phẩm, khi tìm tác giả hoặc tác phẩm (nhờ chị mà chúng tôi mới có tác phẩm của Nguyễn-Hiến-Lê và một nhà phê bình nổi tiếng viết kiếm hiệp để đả thừ kiếm hiệp hoang đường).

— Thế anh có dự định gì nữa không?

— Sao lại không, anh. *Tuổi hoa* báo cho lứa trẻ 10 — 14 tuổi, *Tuổi hoa* sách cho lớp 14 — 16 ; tôi cùng các bạn đang bàn đề cho ra loại sách cho các em 16 — 18 đây.

Anh cười cười. Tôi cũng cười cười theo.

SÁCH HỒNG của nhà xuất bản Văn Nghệ



Nhà xuất bản Văn nghệ có cái lợi là có một hiệu sách khá lớn ở ngay trung tâm thủ đô, đầu đường Phạm-

ngũ-Lão. Thêm một cái lợi khác là được độc quyền tái bản tất cả tác phẩm của nhà văn Khải-Hưng trong đó có chín quyền sách hồng :

Cái ẩm đất, Cây tre trăm đốt, Cóc Tía, Cắm trại, Bông cúc đen, Đề của bí mật, Ông đồ Bè, Quyền sách ước, Thầy đội Nhất.

Ông giám đốc nhà Văn nghệ lanh lợi, cởi mở, nên câu chuyện đòi trao trong phòng khách ấm cúng cứ tuôn ra một mạch.

— Về những liên hệ gia tộc, chúng tôi được độc quyền tái bản loại sách hồng của Khải-Hưng từ 1963.

— Và từ ấy đến nay, anh in lại mấy lần.

— Ba lần.

— Và mỗi lần, in...

— 5.000 quyền.

— 5.000 quyền cho đều cả chín cuốn, hay là 5.000 là con số trung bình, vì có cuốn bán chạy, in nhiều hơn, có cuốn bán chậm, in bớt xuống.

— 5.000 quyền đều cho cả chín cuốn. Mặc dầu trong số đó, có hai cuốn bán chạy nhất là *Ông đồ Bề* và *Cái ấm đất*, và có một cuốn bán chậm là *Cẩm trại*. Nhưng rồi trước sau gì cũng bán hết, nên chúng tôi cứ cho in lại 5.000 cuốn cho tiện...

— Anh có biết vì sao *Ông đồ Bề* và *Cái ấm đất* bán chạy hơn hết?

— Vì giá trị của chúng: cốt chuyện vui, có tính cách giáo dục, văn lại gọn gàng, dễ hiểu. Thêm phần đông giáo sư Việt văn những lớp đệ Thất, đệ Lục cho học sinh trần thuyết tại lớp... À, có điều đáng kể lại anh, là loại sách Hồng này được tiêu thụ mạnh ở các trường Công giáo.

— À, còn việc phát hành?

— Tôi giao cho nhà Sống mới. Và mong có ngày sẽ tự đảm đang lấy.

— Anh có thấy thích thú khi trong nghề xuất bản sách cho người lớn, lại xen việc in sách cho trẻ em?

— Sao lại không thích thú.

— Hẳn là vì chơi với trẻ em dễ chịu hơn chơi với người lớn.

Anh cười, rồi:

— Thuở nhỏ, tôi—mà anh cũng thế—đã từng thích thú đọc loại sách hồng của nhà Đời nay, và nhất là của Khái-Hung. Nay chính mình được in lại chúng, cho con cháu mình đọc ở cái thời mà sách nhảm nhí, ngoại lai đầu độc tuổi thơ tràn ngập cả hệ phố, thì cái thích thú càng tăng.

— Nhưng anh có dự định mở rộng

loại sách hồng hiện nay chẳng hay là anh bằng lòng với chín cuốn của Khái-Hung.

Anh phác một [cử chỉ rộng]:

— Làm sao mà bằng lòng với bao nhiêu đó! sách hồng của Khái-Hung có giá trị lớn, dù chúng được tiêu thụ đều đều, nhưng chúng đã là dĩ vãng. Trẻ em thời nay cần những món ăn hợp với hoàn cảnh hiện nay hơn. Tôi vẫn mong nay mai, tôi sẽ được một số tác giả đương thời cộng tác, viết về những việc những cảnh xảy từ khoảng 1945 đến nay.

Được một nhóm người đọc giúp đề chọn tác phẩm, được một họa sĩ chuyên vẽ cho thiếu nhi và một số nhà văn nhà giáo có tâm huyết viết cho mình, là điều tôi hằng mong ước...

Tôi ngăn đà anh lại, vì thấy đã quá 12 giờ.

— Đó là việc của tương lai, còn bây giờ.

— Bây giờ, tôi đang chờ anh Tú-Duyên nghiên cứu trình bày lại cái bìa.

— Khi tách sách hồng của Khái-Hung ra sách hồng của Đời nay, anh đã đổi bìa một lần, cho phân biệt sách hồng của Đời nay và của Văn nghệ. Nay anh lại định đổi bìa lần nữa, là nghĩa làm sao?

— Là nghĩa nhà Văn nghệ..

Thấy anh đang tìm chữ, tôi vội nói lời: «Là nghĩa nhà Văn nghệ có tinh thần... tiến bộ!

Anh cười: «Chả dám!»

— Nhưng anh có dám nói thật tác quyền sách Hồng chẳng?

— Gì mà chả dám. Như thông lệ quốc tế. Mười phần trăm.

TÂN-FONG-HIỆP

Nhận định tình hình Sách thiếu-nhi
trong năm 1970

CHÂU - HẢI - KỲ

So sánh với các năm qua, dù thấy hàng tháng sách có xuất bản đều đều, nhưng nhìn chung phải nhận rằng số lượng in không hơn năm ngoái số sách tiêu thụ giảm sút một cách đáng ngại. Giới độc giả lớn tuổi biết xử dụng đồng tiền để tìm giải trí bằng thú đọc sách thì, vì sinh hoạt gia tăng vùn vụt, lương lậu hàng tháng thiếu trước hụt sau, hay cũng chỉ đủ đáp đòi cho cuộc sống một cách rất đạm bạc, cho nên, trước giá sách tăng cao (nhiều cuốn quá cao) có đi vào tiệm cũng chỉ để ngó cho đỡ thèm rồi vượt bụng lạng-lẽ trở ra mà thôi.

Ngược lại với giới phải dè dặt tiền bạc kia là một giới độc giả, chưa làm ra tiền, nhưng đang cái tuổi giàu tưởng tượng và ham vui rất « hào phóng » trong sự thực hiện ý thích của mình, dù cha mẹ (hầu hết là công chức quân nhân) buộc lòng phải dè sẻn trong sự cho tiền, cũng chẳng mót, kì kèo cho bằng được để mua sách đọc. Mặc dù giới này, gần đây vì ảnh hưởng tinh thể, của xã-hội, đã hướng về các giải-trí-trường hơn là đọc sách, nhưng cũng còn một số lượng mê sách đáng kể. Không nói đến mỗi năm số trẻ em lên tuổi, lên lớp tăng nhanh khiến số độc giả dư bù vào số « chịu ảnh hưởng » kể trên, thì ngành xuất bản nhằm khai thác khối lớn độc giả thiếu nhi được giới kinh doanh xúc tiến cũng không phải là điều không thực tế.

Nhưng số sách loại này có đáp ứng thích đáng với nhu cầu không? Trong năm 1970 tình hình như thế nào?

Tổng quát chúng ta nhìn thấy đủ loại : truyện thần kì, ma quái, kiếm hiệp, chiến tranh bằng tranh ; truyện cổ tích, truyện dịch của ngoại quốc ; truyện kể sự tích danh nhân ; truyện phóng tác ; truyện khoa học giả tưởng v. v... chiếm chật chỗ trong các hàng sách. Đầu đầu cũng thấy bày nhan nhản nào như « Truyện cổ thế giới », « Truyện cổ tích Đông, Tây » nào Truyện cổ Việt Nam của tác giả Trương Vĩnh Ký, Nguyễn văn Ngọc, truyện phóng tác thuộc các loại trinh thám, phiêu lưu, mạo hiểm... Những sách loại này dày, giá cao từ 80, 100 đến 120đ (quá túi tiền thường nhật của trẻ em), nên bán không chạy bằng loại sách cũng thuộc loại tranh ảnh, cổ tích, ma quái, kiếm hiệp... của các nhà xuất bản ở Chợ lớn, in mỏng, bán chừng 12, 14, 15đ một cuốn, cha mẹ học sinh có thể, mỗi lần con xin, cố gắng rốc túi cho con được. Do đó mà loại này, không những có cái ma lực thu hút được khối đông đảo học sinh bậc tiểu học, mà ngay cả các lớp 6, lớp 7 (Thất, Lục cũ) cũng say sưa chẳng kém và ít có trò không mua đọc, vì thế mà bán rất mạnh. Nội dung đã không hướng một mục đích giáo dục nào cả, mà về mặt văn chương giá trị cũng không mấy tí, một số truyện từ cốt truyện đến hình vẽ tranh ảnh lại nhảm nhở, dối trá, người chủ trương cơ hồ chỉ nhắm mục đích thương mại, xu thời, chạy theo thị hiếu thấp kém của đối tượng đọc giả còn đại khờ. Loại này đầu độc trẻ em, ảnh hưởng rất nhiều đến tính thần và tính nết của chúng ; may mà

cũng có phần giảm sút hơn năm ngoái về số lượng, sách in cũng như về mặt tiêu thụ.

Bên cạnh những loại sách ít có tính cách lợi ích xây dựng này, cũng có những loại sách lành mạnh, đúng đắn, in trong năm nay, do những nhà xuất bản có thiện chí, có chủ trương hẳn hoi. Chúng ta có thể kể :

— Loại sách do cơ sở Tuổi Hoa xuất bản. Có những cuốn dày trăm tư, trăm rưởi trang như «Pho tượng rồng vàng», truyện phóng tác loại trinh thám, hay «Thiên Hương» phỏng theo truyện «Tombée du Ciel» của Henry Winterfell rất hợp với thiếu nhi Hoàng Đẳng Cấp, giá thật rẻ, không trên 50đ ; nhưng thiếu giới thiệu sâu rộng cũng chưa được giới độc giả nhỏ lưu ý và ham thích mấy.

— Loại sách in đẹp chữ lớn, hình màu sắc sỡ như những truyện cổ tích ngoại quốc : Bạch Tuyết với bảy chú lùn, Con Mèo đi hia, Lỗ tai Lừa, Lucky Kuke v.v... được in đi in lại trong nhiều năm rồi, dù được trẻ hoan nghênh, nhưng mức tiêu thụ không vượt ra khỏi giới con nhà giàu sang mà một số phụ huynh vào tiệm mua không ngoài cái vẻ hãnh diện, cái tâm lý khoe giàu sang, học thức của mình, chứ thật ra các truyện này cũng không thích hợp mấy với tâm hồn trẻ con Việt Nam.

— Loại Sách Hồng (thí dụ Sách Hồng Khái Hưng) do nhà Văn Nghệ ấn hành, dày 24 trang giá 16đ, đã rẻ mà lại giá trị, nhưng tưởng như nhiều bậc phụ huynh lại cho rằng «cái cũ không còn hợp thời» (kể viết bài này đã từng nghe mấy vị bảo như vậy), cho nên nghiêng về những «loại được thời đại» trong khi loại này chỉ toàn la ma quỷ, kiếm hiệp, giang hồ... không có mấy tí giá trị

văn chương, chỉ tổ gieo tai hại cho trẻ đọc mà thôi.

— Loại sách nhi đồng Tuổi Thơ của nhà sách Khai Trí cũng dày 32 trang, giá 10đ, lại do những nhà văn nhà giáo tên tuổi như Nguyễn văn Xuân, Phan Du, Lê Tất Điều v.v... viết với mục đích xây dựng rõ rệt, đáp ứng được lòng mong mỏi của đa số phụ huynh học sinh «từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhằm phi hiện đang tràn ngập thị trường sách báo⁽¹⁾» Nhưng vì nghệ thuật quá điêu luyện, và nội dung có lẽ hợp với người lớn tuổi hay có trình độ học lực khá khá mới lĩnh hội nổi, cho nên không thu hút được sâu rộng và bền bỉ lớp trẻ em 9, 10, 11, 12 tuổi chưa viết xuôi một câu văn và chưa quen đọc một câu khúc mắc. Thật tôi không nói ngoa sự trạng trên. Tôi rất thích loại sách nhi đồng có cái bìa trình bày thật trang nhã và thân mật này, vì ngoài giá trị rõ rệt, với giá bán phổ thông chỉ 10đ một cuốn để cho tất cả trẻ em học sinh giàu, nghèo đều mua được. Dạy môn Việt văn, tôi đặc biệt khuyến khích đọc sách. Bởi vậy, khi sách xuất bản, tôi khuyên tất cả học sinh lớp 6, lớp 7 (Thất, Lục cũ) tại các trường tôi dạy (khuyến và bắt buộc nữa) mua đọc. Không một trò nào không mua, ít nhất mỗi trò cũng đôi ba cuốn.

Nhưng rồi lời khuyên của tôi không có tác dụng lâu dài, trong ít lâu, chúng không còn sốt sắng nữa. Tôi hỏi lý do, chúng đều bảo là «nhiều cuốn đọc chán, khó, chúng không hiểu nổi». Trong khi đó học sinh những lớp trên (8, 9) lại vồn vã, ham

(1) Lời nhà sách Khai Trí, in ở trang bìa sau mỗi cuốn.

thích, thấy cuốn nào ra thì mua về đọc ngay.

Sự kiện trên chứng tỏ rằng viết truyện cho thiếu nhi thật khó; nó đòi hỏi một kỹ thuật riêng biệt, ngoài tính cách lạc quan, vui tươi, hấp dẫn, còn tùy theo đối tượng tuổi tác (cỡ 8, 9, 10; cỡ 11, 12, 13; cỡ 14, 15) mà sử dụng mức độ giản dị vi hình thức lẫn nội dung. Có thể tác phẩm mới mong đạt được vừa mục đích giáo dục vừa thành quả về tài chánh. Dẫn chứng điều trên, phải kể đến loại tác phẩm mỏng, 32 trang do nhà Lá Bối phát hành, nội dung nói về tình mẹ con, cha con, bác cháu, anh chị em... trẻ đọc không em nào không cảm động như «Bông Hồng cài áo» của Nhất Hạnh (tái bản luôn mà vẫn hết mau); «Làm con nên nhớ» của Lộc Đình và Đồng Hồ; «Áo em cài hoa trắng»; «Trận đôn hòa giải» của Võ Hồng. «Áo em cài hoa trắng» in lần đầu 10.000 cuốn, chỉ một tháng tiêu thụ hết, in tiếp lần nhì 20.000, cũng gần hết rui trong vòng đôi ba tháng, nghe nói sắp in lại lần 3. «Trận đôn hòa giải» in 5.000, không đầy nửa tháng, đại lý khắp nơi đã dồn dập thư về nhà xuất bản hối thúc gởi đến thêm...

Sở dĩ các tác phẩm này có sức hấp dẫn mạnh mẽ kể trên, vì nội dung không cao xa sâu sắc và hành văn chỉ già dặn trong cái tầm mức giản dị, hợp với trình độ lĩnh hội của cái cỡ tuổi mà tác giả nhắm làm đối tượng khi viết, do đó mà từ học sinh bậc tiểu học đến học sinh các các lớp 6, 7 đọc hiểu và thích, mà học sinh các lớp 8, 9 (Ngũ, Tứ cũ) cũng say mê, đến học sinh các lớp trên cũng đón mua niềm nở. Kết quả này cũng do một phần (có lẽ là nguyên nhân trước tiên) ở cái hình thức quyển rũ, in trên giấy satiné hồng, ấn loát thật đẹp, mỗi cuốn đều đề trong bao bì đề riêng tặng nhau,

thật hợp với tâm lý giới trẻ, nhất là nữ sinh, thời buổi vật giá leo thang này, muốn mừng kỷ niệm sinh nhật cho một người bạn chẳng hạn, thì không thể tìm mua được một vật nào chỉ 35, 40đ mà vừa ích lợi, vừa lịch sự vừa trang nhã như cuốn sách kể. Cho nên trong các loại sách cho thiếu nhi xuất bản trong năm 1970, loại này dù giá gấp ba bốn lần một cuốn «Tuổi thơ» vẫn bán chạy vùn vụt, căn cứ vào mức tiêu thụ biểu hiện nhiệt độ hưởng ứng của độc giả thiếu nhi, phải được xếp hàng đầu và có cơ còn phát triển khả quan trong năm mới.

Trên đây không phải đã kể hết những loại sách thiếu nhi đã thấy bán trong năm 1970, vì còn những loại hợp với trẻ thí dụ những truyện miền núi, ruyện dã dã, truyện thú vật trong tủ sách Thiếu Nhi, do nhà xuất bản Trùng Dương chủ trương, xuất bản hàng tuần vào ngày thứ năm, cũng của những nhà văn: Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, Hoàng thu Đông, Hoàng trúc Ly... dày 32 trang, giá 20 đồng, nhưng chỉ mới ra mấy cuốn đã ngưng thành chưa gây được mấy tiếng vang...

Kết thúc bài nhận định tình hình trên đây, tưởng cũng cần nhắc đến loại sách có định kỳ của Văn, Tân Văn dù nhà xuất bản không chủ trương viết cho thiếu nhi, nhưng nhờ giá bán hạ, dễ cho nam nữ thiếu niên học sinh mua nổi, vì thế cũng thu hút được khá đông học sinh cỡ tuổi 14, 15 trình độ học lực lớp 9 (Đệ Tứ cũ) trở lên. Nếu, năm tới, cứ đôi ba tháng cơ sở Văn chủ Trương một số đặc biệt dành cho thiếu nhi với những tác phẩm chọn lọc phù hợp với sự phát triển của trẻ em đúng theo khoa tâm lý giáo dục tân tiến thì chẳng những sẽ lợi ích cho giới học sinh rất nhiều mà còn giúp cho ngành giáo dục không phải nhỏ. Hy vọng rằng đề nghị trên đây sẽ được cơ sở Văn thực hiện.

CHÂU-HẢI-KỶ

Bản di chúc của Tướng De Gaulle

Bằng hai trang giấy trắng, với những dòng chữ nhỏ và nghiêng viết thẳng một mạch, không do-dự, không sửa-chữa, Tướng De Gaulle đã cương-quyết bày-tỏ ý muốn về đám táng của ông sẽ cử-hành: như thế nào, ở nơi đâu? Bản di-chức không đề nơi, chỉ ghi ngày, 16-1-1952, nghĩa là hơn 18 năm trước khi ông lìa trần. Thật lo-xa, trầm-lặng. Và cũng như lời ông đã có lần tuyên-bố, chẳng cay-chua mà cũng không kiêu-hãnh, trước lối hơn một ngàn ký-giả quốc-tế nhân một buổi họp báo tại điện Elysée khoảng đầu năm 1958.

— Quí vị yên chí, rồi một ngày kia tôi cũng sẽ từ-giã cõi đời này...
(Rassurez-vous, je ne manquerai pas de mourir...)

Và de Gaulle đã từ-giã cõi đời này, ngày 9-11-1970, một buổi chiều mùa đông, bình-thản và lặng lẽ, sau 15 phút như mê ngủ.

Thật vậy, ông vừa viết xong một chương hồi-ký: đời giờ cơm. Ông mang cổ bài ra chơi một mình, như một vị danh-tướng bày thế trận. Ông kêu đau ở phía sau lưng. Ông gục đầu, chống tay. Lúc đó là 19 giờ 15. Với hai gia-nhân giúp sức, de Gaulle phu-nhân vác ông sang phòng bên. Đồng hồ chỉ 19 giờ 30: Tướng de Gaulle đã ra người thiên-cổ.

Ngay buổi sáng hôm sau, bản di-chức được loan trên đài phát-thanh và báo-chí (1).

(1) "POUR MES OBSÈQUES"

16 Janvier 1952

Je veux que mes obsèques aient lieu à Colombey-les-Deux-Églises. Si je meurs ailleurs, il faudra transporter mon corps chez moi, sans la moindre cérémonie publique.

Ma tombe sera celle où repose déjà ma fille Anne et où un jour reposera ma femme. Inscription : Charles de Gaulle 1890—... Rien d'autre.

La cérémonie sera réglée par mon fils, ma fille, mon gendre, ma belle-fille, aidés par mon cabinet, de telle sorte qu'elle soit extrêmement simple. Je ne veux pas d'obsèques nationales. Ni président, ni ministre, ni bureau d'Assemblée, ni corps constitués. Seules les armées françaises pourront participer officiellement, en tant que telles; mais leur participation devra être de dimensions très modestes, sans musique, ni fanfare, ni sonnerie.

Aucun discours ne devra être prononcé, ni à l'église, ni ailleurs. Pas d'oraison funèbre au Parlement. Aucun emplacement réservé pendant la cérémonie, sinon à ma famille, à mes compagnons, membres de l'Ordre de la Libération, au conseil municipal de Colombey.

Les hommes et les femmes de France et d'autres pays du monde pourront, s'ils le désirent, faire à ma mémoire l'hommage d'accompagner mon corps jusqu'à sa dernière demeure. Mais c'est dans le silence que je souhaite qu'il y soit conduit.

Je déclare refuser d'avance toute distinction, promotion, citation, décoration, qu'elle soit française ou étrangère. Si l'une quelconque m'était décernée, ce serait en violation de mes dernières volontés.

CHARLES DE GAULLE

« ĐÁM TÁNG CỦA TÔI »

Tôi muốn đám táng của tôi cử-hành tại Comlombey-les-Deux Églises. Nếu tôi chết tại nơi khác, linh-cữu sẽ chuyển về quê nhà, không một lễ-nghi chánh-thức.

Mộ-phần là nơi Anne con gái tôi đang an-nghỉ, nơi mà một ngày kia vợ tôi sẽ an-nghỉ với tôi. Mộ-chỉ : CHARLES DE GAULLE (1890—...), ngoài ra không có gì khác.

Đám tang sẽ do con trai, con gái, con rề, con dâu tôi phụ trách, có văn phòng của tôi giúp sức và sẽ cử hành thật đơn giản. Tôi không muốn có quốc táng. Sẽ không có sự hiện-diện của các vị Tổng-thống, Tổng-trưởng, văn phòng quốc-hội, đại-diện dân cử. Riêng các binh chủng Pháp có thể chánh-thức tham-dự với danh-nghĩa quân đội, nhưng phải hết sức hạn chế, không có dàn nhạc, quân nhạc, cũng như lễ nhạc.

Sẽ không có diễn-văn tại nhà thờ, hay bất cứ nơi nào khác. Không có diếu văn tại Quốc-hội. Không có chỗ dành riêng trong khi hành lễ, ngoại trừ cho gia đình tôi, cho các bạn đồng hành của tôi trong quân đoàn giải phóng, cho hội đồng xã Comlombey.

Mọi người nam nữ ở nước Pháp và các nước khác trên thế-giới, nếu muốn, có thể dành cho linh-hồn tôi vinh dự tiễn đưa thềm xác tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Nhưng tôi mong muốn tiễn đưa trong im lặng.

Tôi tuyên bố từ khước trước mọi tước vị, thăng thưởng, tuyên-dương công-trạng hay huy chương, dù là Pháp hay ngoại-quốc. Nếu có, ấy là trái với ý muốn cuối cùng của tôi.

Charles de Gaulle »

Charles de Gaulle sanh ngày 21-11-1890 tại Lille, nhưng ngay từ năm 1934 đã sớm tới Colombey-les-Deux-Églises. Ông chọn nơi này vì nhiều lẽ. Dân-tình chất-phác, phong-cảnh hữu tình ; và yếu-tố thứ ba không kém phần quan-trọng, là vì giá tiền thửa đất vừa với sức chịu đựng trung-bình của một sĩ-quan cấp tá, giàu lòng ái-quốc, nhiều chí tự-cường, « suốt đời luôn luôn nuôi-dưỡng một ý-niệm nào đó về nước Pháp » như ông viết trong cuốn I của tập « Hồi-ký chiến-tranh » (Toute ma vie, je me suis fait une certaine idée de la France. Le sentiment me l'inspire aussi bien que la raison...)

Ông tha-thiết với Colombey chẳng khác nơi quê cha đất tổ : căn nhà cổ-kính, thửa đất tâm-tĩnh, khung-cảnh bao-la khiến từ nơi văn-phòng có thể phóng tầm mắt nhìn xa tới 15 cây số. Cây cỏ bốn mùa xanh-tươi khô-héo tùy theo thời tiết, khiến mỗi lần cảnh trời đất đổi-thay là mỗi lần ông suy rộng tính xa, lại khám-khá thêm một bài học về hiện-tại, đề định-đoạt tương-lai, không phải cho cá-nhân ông, mà cho toàn dân-tộc...

Ông muốn khi mãn-phần, tang-lễ phải được cử hành tại Colombey. Và nếu nhắm mắt tại quê người, thì linh-cữu phải được chuyển về tận quê nhà. Rồi ông nhấn mạnh : không một lễ-nghi chánh-thức, thật đơn-giản...

Đối với một vị danh-tướng như ông, lại kiêm chánh-khách tài ba, lãnh-đạo có uy-tín, suốt đời luôn luôn có dịp đương-dầu với các thử-tuách phi-thường : một nguyện-vọng tối-hậu như vậy thật mâu-thuẫn với vi-nghiệp lúc sinh-thời cũng như những danh-vọng cao-sang ông đã từng nếm-trải. Điện Panthéon đối với ông không đáng kể. Ông muốn an giấc ngàn thu bên cạnh mộ con gái đoản-mệnh, mà ông vô cùng thương-tiếc, tại nghĩa-trang làng. Một nghĩa-trang bé nhỏ mà sau này bà de Gaulle cũng sẽ an-nghỉ bên ông. Trên mộ chí, ông muốn sẽ không ghi chú gì ngoài tên ông, với năm ông chào đời và năm ông vĩnh-biệt. Thật là một cử chỉ khác người, một quan-niệm không thường. Có người cho là ông đơn-sơ nhũn-nhặn. Lại có người cho là ông quá ư kiêu-căng, vì có lẽ ông quan niệm tên ông, ai cũng phải biết. Tên ông tỏa uy-tín, đượm uy-quyền, hơn mọi chức-tước có thể có trên thế-gian tầm thường này.

Ông tuyên-bố khước-từ quốc-táng. Có người đối chiếu ngày Tướng de Gaulle thảo di-chức với ngày Tướng Delattre từ-trần, đã giải-thích như sau :

Không ai hiểu thấu tâm-tình vĩ-nhân bằng một vĩ-nhân. Và cũng không ai hiểu thấu tâm-tình quân-nhân bằng một quân-nhân, đồng thế-hệ, đồng quan-niệm, lại tương-đối đồng trạng-huống. Delattre de Tassigny từ-trần : chính-phủ truy-tặng tước-vị Thống-chế Pháp-quốc, đồng-thời tổ chức quốc-táng Tướng de Gaulle cho rằng Tướng Delattre chắc sẽ khước-từ quốc-táng nếu được hỏi ý-kiến lúc sinh-thời. Nhưng rất tiếc là Delattre đã chết đi, không một lời căn-dẫn... Và Tướng de Gaulle thảo di-chức để tránh sự việc tương-tự xảy ra...

Ông không muốn có sự hiện diện của các chức-vị cao-cấp, quốc-gia hay quốc-tế, dự tang-lễ với tánh-cách chánh-thức, đại-diện. Có lẽ ông cho rằng các chức-vị trọng-yếu này dự tang-lễ rất có thể vì bồn-phận, lễ-nghi nhiều hơn vì lý-do cảm-tình riêng. Mà theo ý ông, cảm tình riêng mới là điều đáng quý và đáng kể...

Ông là quân-nhân, là dũng-tướng nên ông chỉ chấp-nhận có một loại hiện-diện với tánh cách đoàn thể : ấy là các binh-chúng trong quân-đội Pháp mà ông đã trọn một đời cùng chia-sẻ nỗi đắng cay, cũng như cùng nếm-trải điều vinh-hiến. Mà ngay với các quân-nhân tham-dự tang lễ với tánh-cách đoàn-thể đó, ông chỉ muốn với giá-trị tượng-trưng : hạn-chế tới mức tối đa, không có quân-nhạc chào kính rườm-rà, vô-ích.

Ông không chịu có diên-văn, có diếu-văn. Có lẽ chẳng, ông nhũn-

nhận một cách kiêu-căng, hay kiêu-căng một cách nhũn-nhặn, cho rằng tất cả mọi việc ông đã làm đều chỉ là bòn-phận của một công-dân có lòng đối với quê hương xứ sở... Hơn nữa, thường lệ, người còn sống đối với người đã khuất, bao giờ chẳng quảng-dại khoan-dung hơn thuở sinh-thời? Tại nơi hình-lễ, ông không muốn có chỗ dành riêng cho ai ngoài gia-đình ông, các nhân-viên hội đồng xã nơi ông đã sống, và các bạn đồng-hành trong đoàn quân giải-phóng, buổi sơ-khai, đã cùng ông vào sinh ra tử... Đoàn-thề này, ngày nay có 541 người còn sống-sót...

Ông cũng không chịu nhận một truy-thăng, huy-chương hay tước-vị nào. Và ở điểm này, cũng có người cho là ông quá nhũn-nhặn, trong khi một số người khác cho là ông kiêu-căng tự-đại, tự xếp mình trên hay ít ra cũng ngoài những phần thưởng cao-xa mà thể-nhân trung-bình ham-chuộng, nhưng riêng ông cho là quá tầm-thường...

* * *

Nhưng đáng lưu-ý và đáng cho chúng ta suy-ngẫm nhất, là đoạn : « Mọi người nam nữ, ở nước Pháp... cuộc tiến-đưa được diễn ra trong im-lặng ».

Tự đã lâu rồi, và nhất là từ khi đệ nhị thế-chiến bùng nổ... Quân Đức quốc-xã chiếm-đóng nước Pháp... Với 100.000 quan tiền và một tấm lòng vàng, ông một mình khởi phát cờ cứu nước, mang theo với gót giầy phong-sương sang tận Anh-quốc tất cả tánh-cách chánh-thống của đất nước và tấm lòng quyết-liệt của dân-tộc tin-tưởng ở tương-lai. Ông cương-quyết phủ-nhận tin nước Pháp đã thua, nước Đức đã thắng. Ông tuyên-bố và kêu gọi, trên đài phát-thanh Anh B.B.C. : « Nước Pháp đã thua một trận. Nhưng nước Pháp đã chưa thất trận » (La France a perdu une bataille. Mais la France n'a pas perdu la guerre ..)

Ông tự cho như đã lãnh một nhiệm-vụ, một sứ-mạng, một thiên-chức. Ông phải hành-động và hoạt động thế nào để khỏi phụ-lòng quốc-dân kỳ-vọng. Ông muốn một bên là ông ; còn một bên là lịch-sử, là quốc-dân, là nước Pháp... Qua các bài diễn-văn, các thiên hồi-ký của ông, người ta có cảm-giác như được chứng-kiến những vụ đối-diện tương-phùng giữa de Gaulle với một trong số các danh-nhân nước Pháp : Clovis, Charlemagne, Louis XIV, Napoléon, Clémenceau, và những ai khác nữa?... Ông không cần ai ghi công và biết ơn. Ông chỉ làm bòn-phận ; ông là Lịch-sử, ông là nước Pháp... Và phần-tử đối-thoại xứng-đáng, đối với ông, là *toàn-thề quốc-dân*... Ông chỉ chịu trách-nhiệm trước *toàn-thề quốc-dân và lịch-sử*...

Ông không muốn các vị Tổng-thống, Tổng-trưởng, Chủ-tịch... nói tóm lại, các chức-vị thời-danh Pháp hay ngoại-quốc tham-dự tang-lễ, nhân-danh là chức-vị đại-diện « một cái gì »... Nhưng ông hân-hoan chấp-nhận các nhân-vật đó đến viếng phần mộ của ông trong yên-lặng và giản-dị, như

những công-dân khác ngưỡng-mộ vô-danh, hăng-hà sa-sổ... Chính vì vậy mà các vị Quốc-trưởng, Thủ-tướng... dự lễ cầu-hồn *trọng-thể* tại Nhà thờ Notre-Dame ở Paris, trong khi tang-lễ cử-hành *giản-dị* tại nghĩa-trang làng Colombey. Các vị Quốc-trưởng Phi-châu có tới Colombey nghiêng mình trước mộ-phần và phân-ưu cùng bà quả-phụ de Gaulle, là với tư-cách thân-hữu, cố tri... n^hều hơn là với danh-nghĩa Quốc-trưởng. Lễ cầu-hồn *trọng-thể* tại Notre-Dame là việc nước. Đám tang *giản-dị* tại Colombey là việc *riêng* của gia-đình.

Thường-lệ, một đám tang vi-nhân như vậy, những người khiêng hòm hay cầm dây xe tang là các vị có danh-tiếng, có chức-phận hay các bạn cố-tri... : de Gaulle đã ủy nhiệm-vụ đó, nghĩa là danh-dự đó, cho các thanh-niên trong xã, nơi ông đã sống...

Ý-kiến "ông là người dìm-dắt và đối-thoại xứng-đáng của toàn-thể quốc-dân" đã khiến ông có những quan-niệm thật phức-tạp và tế-nhị, về trách-nhiệm và thiên-chức. Ông không muốn giữa ông và quốc-dân, có những trung-gian không cần-thiết. Mà vì không thể ngang-nhiên xóa bỏ sự hiện-diện không thể tránh được của các trung-gian, ông bèn khéo-léo và táo-bạo công-khai, hỏi ý-kiến toàn-thể quốc-dân mỗi khi cần quyết-định một vấn-đề gì tối-ư quan-trọng. Ông đã nhiều lần áp dụng phương-thức này, và ông đã thành-công, thắng-cuộc, nhiều hay ít. Tháng 4 năm 1969, ông lại trưng-cầu dân-ý về chương-trình cải-tiến cơ-chế quốc-gia. Ông long-trọng tuyên-bố và cam-kết trước, là nếu không được đa-số quốc-dân tán-thành ủng-hộ, ông sẽ rũ áo ra đi... (De la réponse que fera le pays à ce que je lui demande va dépendre évidemment, soit la continuation de mon mandat, soit aussitôt mon départ). Nhưng lần này, ông thất-bại. Và ông giữ lời hứa, rũ áo ra đi, 3 năm trước khi mãn nhiệm-kỳ, thật cao-thượng và nghiêm-chỉnh. Ông không buồn khi được tin thất bại. Rất bình-tĩnh, ông thảo lời cáo-biệt quốc-dân. Lời cáo-biệt thật ngắn-ngủi, được loan trên đài phát-thanh sau nửa đêm 27 rạng ngày 28-4-1969 :

— Tôi ngưng hành-sử chức quyền Tổng-thống. Quyết-định này có hiệu-lực hôm nay, kể từ buổi trưa. (Je cesse d'exercer mes fonctions de Président de la République. Cette décision prend effet aujourd'hui à midi.)

Sự-kiện lịch-sử làm ta liên-tưởng tới năm 1946. Sau khi giải-phóng đất nước ngày 26-8-44, sau hơn một năm cầm quyền với tư-cách là Chủ-tịch Chánh-phủ Lâm-thời, ông đã tự-ý rút lui. Một cuộc rút lui không kém phần độc-đáo và hào-hứng.

Ông triệu-tập hội-đồng nội-các gấp rút vào trưa chủ-nhật 20-1-1946. Ai nấy ngạc-nhiên sửng-sốt khi nghe ông tuyên-bố :

— Tôi đã quyết-định từ-chức. Quyết-định của tôi bất-khả cải-thâu.

(J'ai décidé de me démettre de mes fonctions. Ma résolution est irrévocable).

Ông ngừng một lát, rồi tiếp :

— Tôi đã yêu-cầu ông Vincent Auriol xử-lý thường-vụ.

Và ông giải-thích : « Tình-trạng khàn-trương đã qua. Nước Pháp đã vãn-hồi chủ-quyền trên toàn lãnh-thò, đã trở lại Đông-Dương, lại đang khởi cuộc chấn-hưng kinh-tế, kiểm-soát sông Rhin, khiến vai trò quốc-tế đang bành trướng. Sự góp sức của tôi xét ra không còn cần thiết... »

Một vị dũng-tướng đã mang chiến-thắng cho xứ-sở, một bậc lãnh-đạo có uy-tín biết tùy cơ tiến-thoái, không cố vị tham quyền, một nhà hùng-biến có tài (ông đã có phen đọc 120 bản diễn-văn trong thời-gian 10 tuần-lễ công du và kinh-lý) : ấy thế mà trước sau, khi rũ áo ra đi, tạm biệt quốc-dân và bạn đồng-hành, lời chào chỉ thu gọn trong hai câu ngắn-ngủi, nhưng chứa đựng biết bao nhiêu tình ý... Có người chơi chữ đã nhận-xét : de Gaulle là một diễn-giả, một kịch-sĩ, một đạo-diễn, biết sắp-đặt tình-thế, cảm-xúc lòng người, mà đặc-điểm là ông không nhiều lời khi cần nói ít... Ông là một trong số rất ít người làm chánh-trị, mà không một lần bị chỉ trích vì tuyên-bố sai-lầm, hay không hợp thời, đúng lúc...

Ông về quê, nghỉ-ngơi, viết hồi-ký. Ông muốn ngay đến sự từ-chức của ông cũng phải bồi-ích cho đất nước, và ông quan-niệm ông viết văn cũng là một hình-thức tranh-đấu cho quyền-lợi quốc-gia.

De Gaulle thường tuyên-bố : « Miễn là Trời cho sống, và quốc-dân nghe lời tôi nói... » (Pourvu que Dieu me prête vie, et que le peuple m'écoute...) Ông không tham-quyền cố-vị. Ông coi quyền-vị chỉ là phương-tiện mà phục-vụ quốc-gia là cứu-cánh. Ông chỉ ra mắt và góp sức khi quốc-gia cần tới. Trong 12 năm trời sống trong cô-quạnh mà ông kêu là « vượt qua sa-mạc » (traversée du désert), ông ngày ngày viết văn, suy cò, luận kim, đi tản-bộ trong khoảnh vườn nhà tĩnh trước sau có tới mười lăm ngàn vòng... Năm 1958, biến-cổ Algérie bùng nổ, quốc-dân lại mời ông ra chấp-chánh. Ông đáp lời, xuất-hiện trên chính-trường quốc-gia và quốc-tế cho tới năm 1969, như chúng ta vừa kể trên đây...

Ông quan-niệm « Nước Pháp không còn là nước Pháp, nếu không huy-hoàng vĩ-đại... » (La France ne peut être la France sans la grandeur...) Và nhất cử nhất động, ông đều hướng về và nhắm vào phạm-từ « huy-hoàng, vĩ-đại » này, mà ông muốn dành cho đất nước ông...

Về vấn-đề các nguyên thuộc-quốc Pháp, chính ý-niệm « nước Pháp

huy-hoàng vĩ-đại» đã khiến ông sai rồi đúng, trái rồi phải, và ông đã làm-lẫn trước khi sáng-suốt...

Về vấn - đề Việt - nam, người dân Việt không có nhiều thiện-cảm với 4 nhân-vật sau đây : de Gaulle nguyên Tổng thống Pháp, Soekarno nguyên Tổng - thống Indonesia, Sihanouk nguyên Quốc-trưởng Cambodia, và N'Krumah nguyên Tổng - thống Ghana. Bốn nhân-vật này đã có những quan-niệm hay chánh-sách không phù-hợp với quyền-lợi của Việt-Nam. Nhất là de Gaulle. Vì nếu ông sáng-suốt hơn về vấn-đề Việt-Nam trong những năm 1945-46 như ông sẽ sáng-suốt kể từ năm 1958 về vấn đề Algérie, Tunisie, Maroc và nhất là các quốc-gia Hắc-Phi, thì nước Việt-Nam đã không đến nỗi tang-tóc như hiện tại...

Nhưng về điểm này và nghĩ cho cùng, ông là người Pháp. Sau cơn thể-chiến khủng-khiếp, uy-tín và chủ-quyền đất nước bị lung-lay nay mới được vãn-hồi : là một nhà ái-quốc, lẽ dĩ nhiên ông phải đặt trọng-tâm hoạt-động sao cho đất nước sớm trở nên hùng-mạnh. Mà muốn được hùng-mạnh, theo quan-niệm người Pháp thời bấy giờ, nước Pháp phải có thuộc-địa, nước Pháp phải giữ lấy thuộc-địa, dù là dưới một hình thức khác và với những danh-từ mới... Ông đã hành-động theo tiếng gọi đất nước và quyền-lợi đất nước...

Phải đợi đến khi, đối với quân-đội Pháp, vấn-đề Việt-Nam trở nên «khắc không ra, nuốt chẳng vào», de Gaulle mới có những nhận xét và quan-niệm mới cho bài toán. Đối với cộng-đồng quốc-tế theo phương-thức mới, các thuộc-địa có hại hơn là làm lợi cho «mẫu-quốc». Và chẳng, «chúng cường và ảnh hưởng» có nghĩa-lý gì, nếu mỗi cuối tháng, nước Pháp lại phải nhẫn-nhục trồng-cây vào mỗi từ-tâm của một quốc-gia khác, dù là đồng-minh hay thân-hữu... Nhìn xa, nghĩ rộng, tính sát... ông phải hết sức can-trường và khéo-léo đi ngược lại quyền-lợi của các cá-nhân thiện-cận, để thực-hiện quyền-lợi tối-cao và uy-tín thích-đáng cho xứ-sở... Đó là hy-vọng của nước Pháp sau này, cố-gắng vươn mình tới huy-hoàng ngoài và trên các chánh-sách thuộc-địa lỗi-thời...

Đối với ông là quân-nhân, trước đây thành-tâm sốt-sắng quan-niệm đế-quốc phải là hình-ảnh sống-động của uy-quyền nước Pháp, mà nay một lúc trao hoàn toàn độc-lập cho hơn mười quốc-gia Phi-châu : hành động thật không thiếu hy-sinh và táo-tạo...

Chúng ta hãy nghe ông tâm-sự trong cuốn hồi-ký :

— Tôi cương-quyết thoát-ly khỏi những gò-bó ngày nay không có lợi, do đế-quốc gây nên. Đối với một người như tôi được đào-tạo theo trường lớp cũ, thật là khắc nghiệt khi chính mình phải lựa-chọn và thực-hiện một sự đòi thay quan-trọng như vậy...

(... j'étais résolu à la dégager des astreintes désormais sans contrepartie, que lui imposait son Empire... Pour un homme de mon âge et de ma formation, il était proprement cruel de devenir, de son propre chef, le maître d'oeuvre d'un pareil changement).

Nhưng chính nhờ vậy mà sau này nước Pháp thoát khỏi chi-phối của Nga hay Mỹ, và đại đa-số các dân-tộc Phi-châu tôn-thờ ông là vị cha đẻ của nền độc-lập quốc-gia... Nếu nước Pháp trước thế-chiến có huy-hoàng là nhờ ở thuộc-địa, thì nước Pháp sau thế-chiến đã tránh khỏi suy-vi, là nhờ ở chánh sách giải-phóng các nguyên thuộc-quốc Phi-châu. Cử-chỉ đẹp, tuy muộn, nhưng còn hơn là chẳng bao giờ...

* *

Thực-hiện xong vĩ-nghiệp, từ-khước hết mọi huy-chương danh-vọng... de Gaulle suy-ngẫm và sắp-xếp cuộc viễn-du về bên-kia thế-giới, thật bình-tĩnh và chi-tiết, sao cho thật giản-dị.

Ông tới nghĩa-trang làng, tâm-sự với một người thân : « Cửa nghĩa-trang hẹp quá. Khi tôi an-nghỉ, có lẽ phải làm thêm một cửa thứ hai ! »... (La porte du cimetière est trop étroite. Il faudra, dès que j'y serai, faire une seconde porte...) Đối với Tồ-quốc mến-yêu mà ông đã suốt một đời và dốc một lòng phụng-sự, ông chỉ cầu xin một đặc-ân là « được an-nghỉ trong lòng đất mẹ dịu và thiêng » (A la France, à Notre Dame la France .. nous n'avons rien à demander, excepté peut-être qu'au jour où la mort sera venue nous saisir elle nous ensevelisse doucement dans sa bonne et sainte terre).

Là một quân-nhân vào sinh ra tử, ông thường được chứng-kiến cái chết ngay trước mắt. Ông quan-niệm bối-cảnh đó thật kém tinh-khiết, và ông tâm-sự : chỗ nằm của người chết là trong lòng đất chớ không thể ở một nơi nào khác... (J'ai souvent vu la mort, c'est le propre des militaires. Mais croyez-moi, le spectacle est malsain... La place d'un mort est dans la terre. Le reste, c'est du fétichisme...) Về phần riêng ông, ông không muốn chết già trong bệnh-hoạn ; ông so-sánh tuổi già với bệnh-hoạn theo sau, thật chẳng khác một vụ tàu đắm hay mắc cạn (la vieillesse, c'est un naufrage !) Ông muốn khi từ-giã cõi đời, thân-hình phải vẫn quắc-thước uy-nghi như khi còn sống. Và như vậy nghĩa là ông đã toại nguyện...

Từ đã lâu ông căn-dặn các người thân : phải nhập quan ngay khi chiếc hòm đưa tới, với cấp-hiệu Thiếu-tướng hai ngôi sao ; không để một ai ngoài gia-đình được nhìn thấy ông khi trút hơi thở cuối cùng, để tránh mệt-mỏi cho những ai túc-trực... (pour éviter la fatigue à ceux qui ont à veiller un mort). Ông muốn đám táng của ông phải cực-kỳ đơn-giản ; ông muốn chiếc hòm của ông không khác chiếc hòm của bất cứ một người nào trong xóm... Suốt một đời, nói câu nào, làm việc gì, ông đều có tính-toán, suy-

ngiht, kỹ-càng. Ông làm việc gì cũng hướng về xứ-sở. Những hành-động của ông vì xứ-sở, ông muốn phải hiên-ngang, vĩ đại. Vì đó là uy-quyền nước Pháp. Trái lại, những sinh-hoạt thường ngày, với tư-cách cá-nhân, ông muốn phải rất đơn-giản, khiêm-nhường. Thật mâu-thuần và tể-nhị...

Người ta có thể tùy nhãn-tuyến và quan-niệm, chỉ-trích chống-đối ông, cho là ông cồ-xưa, ngạo-mạn, kiêu-kỳ, không còn hợp với thời-đại mới. Cũng có cá-nhân hay đoàn thể có lý-do xứng-đáng đả-phá ông, vì chánh-kiến bất-đồng trong phạm-vi quốc-gia, hay vì quyền-lợi tương-phản giữa các quốc gia trong cộng-đồng quốc-tế... Nhưng tịnh chưa một ai dám tỏ vẻ thất-kinh đối với ông, cho ông là dĩ công vi tư, hành-động vì quyền-lợi riêng đi ngược với quyền-lợi quốc-gia...

Thời chiến, vì quyền-lợi nước Pháp, ông là vai trò chánh đã khiến Pháp đi sát với khối Anh-Mỹ để đương đầu với Đức Quốc-xã. Chiến-tranh kết-liệu, vì quyền lợi nước Pháp, ông là phần-tử đường-cột khiến Pháp tách khỏi ảnh-hưởng của khối Anh-Mỹ. (Năm 1960, thái-độ cương-quyết của de Gaulle ngăn-cản không cho Anh gia-nhập thị-trường chung, đã khiến một số người Anh công-phẫn, ta-thán và chỉ-trích ông là « độc-ác và bội-bạc »)

Thời chiến, ông là vị cứu-tinh của nước Pháp, phát cờ giải-phóng đương-đầu với Đức Quốc-xã. Chiến-tranh kết-liệu, ông lại sốt-sắng chủ-trương Pháp-Đức phải hòa-thuận với nhau, vì quyền-lợi hỗ-tương, của cả đôi bên...

Khi tấn bi-kịch Algérie mở màn, ông được mời ra chấp-chánh để giữ Algérie cho nước Pháp và cho thực-dân Pháp sống ở Algérie. De Gaulle đáp lời. Ông chỉ hô khẩu-hiệu « Algérie Française » có một lần. Rồi sau, trước những đòi hỏi của thực-tế, ông đã lần-lần tuần tự trong bốn năm trường, chuyển-hướng từ « Algérie algérienne alliée à la France » (Algérie tự-trị đồng-minh của nước Pháp) « autodétermination » (dân-tộc tự quyết) cho đến « Algérie indépendante » (Algérie độc-lập).

Thật đúng với quan-niệm của Lord Palmerston trước đây, về ngoại-giao và quốc-sự : « không thù truyền-kiếp, không bạn muôn đời : mà chỉ có quyền-lợi của quốc-gia là vĩnh-viễn ... »

Ông tha-thiết với sứ-mệnh, sốt-sắng với thiên-chức. Ông tin tưởng điều ông làm là hợp với quyền-lợi tối-thượng của quốc-gia. Ông tin-tưởng đến mức không gì có thể làm ông lay-chuyển. Đang lúc tấn bi-kịch Algérie ở giai-đoạn khủng-khiếp quyết-liệt nhất, ông đi xe hơi cùng với phu-nhân. Một toán người khủng-bố rình chực ở bên đường, bắn nhiều loạt liên-thanh vào xe ông đang chạy. Có 14 viên đạn trúng xe, nhưng không trúng người. Có viên đạn giữa chỗ ông và phu-nhân ngồi. Có viên đạn bay cách chỗ ông ngồi chừng một phân. Ông thản-nhiên xuống xe, điềm đạm nói với tài-xế và vệ-sĩ :

— Thật khôi-hài vô-duyên... Những người này không biết bắn súng.
(Plaisanterie de mauvais gout. . Ils ne savent pas tirer).

Nói xong, ông cho chỉ-thị trực-chỉ Colombey. Thật như lời ông tả chân con người có cá-tính (l'homme de caractère) trong cuốn sách « Le Fil de L'Épée » đầu tay của ông khi còn là sĩ-quan cấp tá. Và người ta không quên ông đã nhiều lần tuyên-bố : « Phải mơ đến vĩ-nghiệp, mới có ngày làm nên vĩ-nghiệp... »

Bởi vậy, chúng ta hiểu tại sao người đời bình - phẩm ông thật trái ngược. Riêng chỉ về đám táng của ông, chúng ta cũng được biết bao nhiêu danh-từ hoặc phẩm-từ màu-thuẩn, từ khắp nẻo. Khiêm-nhường một cách kiêu-kỳ (humilité orgueilleuse), ngạo-nghe dui-dàng như hung lụa (insolence veloutée), đơn-sơ một cách kiêu-hãnh (simplicité hautaine), thân tình một cách kiêu-căng (orgueilleuse familiarité), khiêm-nhường tới cao độ (suprême humilité), cử-chỉ kiêu-hãnh cuối cùng (ultime orgueil), một bài học phẩm-cách và khiêm-tốn (une école de dignité et de simplicité) và những gì gì nữa .. Thiết-nghĩ không một chuyển ra đi nào mà lại chấn-động dư-luận hoàn cầu đến như vậy... Chúng ta hãy ôn lại cảm-tưởng của một vài chánh khách thời-danh :

Thống-chế Montgomery nước Anh : « Một thiên-tài, một vĩ-nhân bậc nhất của thời đại... Nhìn xa, can-đảm : hai đức-tính cần-thiết của người làm chánh-trị. »

Tổng-thống Nixon nước Mỹ : « Vĩ nghiệp không biết tới ranh-giới quốc-gia... » (greatness knows no national boundaries).

Thủ-tướng Sato nước Nhật : «... một chánh-khách tài-ba, nổi-danh vì lòng can-đảm, lòng ái-quốc và vì biết nhìn xa nghĩ rộng... »

Nhưng có lẽ không lời nói nào thấm-thía và xúc-động cho bằng bản

ĐÓN ĐỌC :

Một ngày của Ivan Denisovitch

của Alexander Solzenitsyn Giải Nobel 1970

Bản dịch của NGUYỄN-MINH-HOÀNG

TRÍ-ĐĂNG xuất bản

tuyên-bố của đương-nhiệm Tổng-thống G. Pompidou, khi ông loan tin de Gaulle đã qua đời :

« Lời tuyên bố của Tổng-thống G. Pompidou » (1)
(ngày 10 - 11 - 70)

« Đồng bào thân-mến,
Tướng de Gaulle đã chết.
Nước Pháp đã trở nên góa bụa.
Năm 1940, de Gaulle đã vãn - hồi danh-dự.
Năm 1944, ông đã hướng dẫn chúng ta tới Giải-phóng và Chiến-thắng.

Năm 1958, ông đã tránh cho chúng ta thảm-cảnh nội-chiến. Ông đã tặng cho nước Pháp ngày nay những định-chế, nền độc-lập và địa-vị trên thế-giới.

Trong giờ phút tang-chế của đất nước, chúng ta hãy kính-cần nghiêng mình trước sự đau thương của de Gaulle phu-nhân và tang-quyến.

Lòng tri-ân buộc chúng ta phải tự lượng đâu là nhiệm-vụ của mình. Chúng ta nguyện với Tổ-quốc sẽ không bắt xúng với những bài học của người quá-cổ.

Và cầu Thượng-đế cùng với hồn nước, de Gaulle sẽ sống đời đời.»

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

(1) Texte de l'allocution radio-télévisée de M. Georges Pompidou, adressée à Nation après la mort du Général de Gaulle,

« Françaises, Français

Le Général de Gaulle est mort.

La France est veuve,

En 1940, de Gaulle a sauvé l'honneur.

En 1944, il nous a conduits à la Libération et à la Victoire.

En 1958, il nous a épargné la guerre civile. Il a donné à la France actuelle ses Institutions, son Indépendance, sa place dans le monde.

En cette heure de deuil pour la patrie, inclinons-nous devant la douleur de Mme de Gaulle, de ses enfants et petits-enfants.

Mesurons les devoirs que nous impose la reconnaissance. Promettons à la France de ne pas être indignes des leçons qui nous ont été dispensées,

Et que, dans l'âme nationale, de Gaulle vive éternellement."

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

S A Y

Tau không có dòng uống rượu nhưng có máu uống bia. Mấy cũng được. Cho tau một tí khô mực, chút hành giấm hay trái khế chua, chục lon tau làm như không. Có say cũng phải từ lon thứ mười lăm. Thằng Toàn nói xong cầm lon bia lắc lắc tiếng bọt sủi kêu xè xè, ngửa cổ chục lon xuống. Khà. Cứ trông cái điệu hần dẫn lon bia xuống bàn, cái kiểu đưa tay áo trần quét ngang miệng chùi cũng đủ biết hần sành.

Thằng Ấn thì khác. Hần đang ngồi lì uống lon thứ hai. Mặt hần đỏ rần như Trương-Phi. Mắt hần lịt xuống, dừ. Gắp miếng gan heo. Kẹp dùm rau. Và vô miệng. Cắn chút ớt. Từ từ. Từ từ. Hần ăn chậm chậm như ông cụ còn cho đó là nghệ thuật. Ăn phải có nghệ thuật. Như đánh giặc. Dở, chết bỏ mẹ.

Bây giờ Ấn đang ngồi gõ đũa cóc cóc lên miệng chén nước [mắm cất tiếng lè rè hát một đoạn nhạc đã được sửa lại tài tình :

— Ngoài kia súng nổ,... nữa đi anh.

Hần nói đoạn nhạc này mấy thằng bạn hồi còn trong quân trường sau khi ở xóm chứa về kể và bày cho hần. Khốn nạn lắm. Cứ là nữa đi anh. Nửa đi anh.

Bọn tôi ba đứa đã hơn một năm trời chẳng đứa nào gặp đứa nào. Bây giờ đông đủ rủ nhau say. Thằng Ấn mới ở quân-trường ra chưa biết bỏ sung vào đơn-vị nào. Thằng Toàn lính Thiết-giáp ở Biên-hòa về phép. (Không biết phép bao lâu nhưng hần ở đây đã hơn hai chục ngày). Tôi gặp hần một chiều hần đi ngơ ngơ bên phố như gà chết. Hần nói hần

nhớ Huế, thèm Huế, có dịp về phải đi với Huế, ăn nằm với Huế, choⁱ cho hết mình với Huế. Rồi mai đi.

Thằng Ấn là đứa lớn nhất bọn. Hần nghe lời mẹ nội hần lấy vợ từ năm hai chục tuổi. Cháu thương mẹ. Cháu nghe lời mẹ. Cháu gắng kiếm cho mẹ đứa chắc nội, mẹ bằng. Tuổi mẹ đã gần đất xa trời rồi. Cháu thương mẹ lấy vợ cho mẹ sớm hôm, cho ma con có người coi hàng. Mẹ lạy cháu Cháu không nghe rồi cháu đi lính bỏ nương vườn [cho ai. Bởi thế nên cháu Ấn đã nghe mẹ lấy vợ cho mẹ vui nên bây giờ cháu Ấn mới khô đi "đó mẹ. Thằng Ấn không thương cũng chẳng ghét Huế. Xoàng xoàng. Đi cũng được. Ở cũng được.

Mỗi đứa trong bọn tôi chỉ uống được hai lon thì tiệc bia phải dừng. Cả ba đứa góp lại không hơn ngàn bạc. [Theo như lời thằng Toàn nói phải từ lon thứ mười lăm trở lên hần mới gục thì chừng đó tiền không đủ để say. Mà bọn tôi lại nhất định phải say. Bởi thế tiệc phải chuyển sang tiệc rượu. [Lít rượu trắng trăm đồng bạc ba đứa đủ ngửa nghiêng.

Mụ chủ quán theo lời kêu của Toàn đem tới lít rượu, ba cái ly, hai đĩa lòng. Toàn rót rượu vào ly xong xuôi ra điều lệ :

— Tụi mình phải làm một đứa một hơi. Không được ngắt. Và hần làm ly đầu Tôi tôi. Qua phiên Ấn. Ba đứa tôi cứ thế làm thành cái vòng liên tục.

Về khuya, khách khứa thưa đi. Quán im và vắng đến nỗi tôi nghe được tiếng rượu chảy ừng ực trong cổ. Ngay cả dòng sông trước mặt.

Sông cũng âm thầm và tối tăm cho tới chân bóng cầu ở chợ mới sáng rõ chiếc đèn néon trắng. Ngay cả con đường sau lưng. Lâu lâu một vài người lăm lũi đi như bóng oan hồn ngoài nghĩa địa cà-tùng trở về. Đêm nay, gió mùa hè không mát lắm.

Khi lít rượu cạn thằng Ấn bắt đầu say. Toàn là đưa cừ nhất bọn. Hấn kêu thêm rượu nói mình uống cho sượng. Dư tiền chán. Thời buổi gặp nhau phút nào vui phút đó. Biết đâu mai một có mà về. Còn mà gặp. Đ.M. Uống đi bay. Say cho biết trời đất bao la.

Thì say chớ sợ chi. Tau say đây này. Ấn vịn bàn lão đảo đứng lên. Hấn cởi chiếc áo trần để chồng lên chiếc mũ trên bàn vỗ ngực nói giọng lè nhè âm thanh kéo dài ra nghe thật chua :

— Tau là Sĩ-quan.

— Dạ, em biết. Vậy Sĩ-quan vui lòng ngồi xuống đi. Sĩ-quan uống yếu quá.

Toàn vừa nói vừa kéo Ấn ngồi ghế, Ấn vùng vằng làm đồ nguyên cả chiếc bàn trống bên cạnh. Bao nhiêu muống, dưa, lon, tăm xỉa răng, giấy lau miệng rớt tứ tung trên nền xi-măng.

— Sĩ quan chi lắm. Đánh giặc cừ. Ngủ với điểm sếp sòng. Vợ tau nói tau bữa nay ốm.

— Dạ ốm lắm Sĩ-quan. Ốm như heo.

— Tau tuổi con heo. Năm nay hăm hai. Thiên hạ nói tuổi con heo ăn không ngồi rồi, sượng. Đ.M. cực như chó. Hăm hai tuổi, gần có đứa con đầu. Tau tức cười lắm phải không bay?

— Nhớ dặn vợ để con gái nghe Sĩ quan.

— Để chi mi?

— Gả cho tui.

Thằng Ấn nổi quạu đâm vào vai thằng Toàn tỉnh thịch :

— Đồ vô hậu.

Mụ chủ quán lo lắng đứng nhìn bọn tôi. Mụ cũng có đứa con học lớp tôi hồi đệ tứ, hết niên khóa hấn bỏ đi Hạ-sĩ-quan. Nguyên nhân tại hấn ưa đứa con gái cùng làng lỡ ra có mang, hấn buồn rầu vào lính. Thất tình, đi lính. Xin tiền ông già không cho, đi lính ! Đem lính ra làm đề tài đề dọa là yên chuyện. Bây giờ nghe đầu con mụ chủ quán ở tận Bình-duơng lâu lâu về thăm vợ con rồi đi.

Mụ chủ đang lo lắng cho bọn tôi, cũng như chính mụ. Nhìn mặt, coi bộ mụ cũng thương chúng tôi vì là chỗ quen biết, nhưng cũng sợ chúng tôi say sưa rồi phá phách đồ đạc trong quán mụ. Quán này nuôi sống người chồng tàn tật và lũ con ăn hại của mụ. Mụ lo giữ nổi cơm là phải. Nhưng không đau mụ. Tụi tui biết điều lắm mà. Khỏi lo.

Duy nhất còn một mình thằng Toàn ngồi khề khà. Hấn uống từng ly. Từng ly. Mặt hấn long lên nổi những đường gân máu. Ấn lại lải nhải nhạc điệu cũ. Nửa đi anh. Nửa đi anh. Ngoài kia súng nổ. Này, đồ bọn bay biết tau học lại đoạn nhạc này của ai. Một con điểm đó. Hồi ở quân trường Thủ-đức tau hay chuồn về Saigon tìm xóm chứa. Nửa đi anh. Tau mệt thấy cha. Con mẹ nằm hát cổ võ tinh thần tau. Nửa đi anh. Đ.M. Bần như cứt.

Thằng Toàn tiếp : Còn tau, một hôm đi hành quân kẹt đường về, tau kéo tiểu đội vào ngủ nhà một nông dân, tau gặp con bé đẹp huyền hoặc như hời. Ngồi nói chuyện với con bé cả đêm tau cứ tưởng tượng nó biến đi. Bay biết không? Sáng ra con bé rời tau không dứt làm tau muốn vắt ba-lô, súng ống dẫn con bé tìm một nơi yên tĩnh, có cây trái chim chóc,

sưởi mát, sông trong, có núi có rừng, có tau, có con bé đời đời. Gần gũi với thiên nhiên, bay phải biết, con tau để ra mai sau chắc làm Tổng-thống. Không như tau, bọn bay bây giờ. Rách như tờ. Cực như chó. Uống nữa. Kìa.

Ấn đã cởi xong đôi giày trần cột chùm hai chiếc vắt tòn ten nơi cổ:

— Vòng hoa chiến thắng đây bay. Vòng hoa của mấy em dĩ hậu phương, mấy con điểm học sinh thành phố choàng vào cho lính đó bay. Mấy em thiệt thương yêu lính. Lính, lính mà em. Đ.M. rất cả một lũ điểm. Pàù thủy ngôn ngữ đề ngạo lính, bê lính. « Yêu lính hơn yêu cả bạc vàng ». Sư cha chúng nó. Thương cái mẹ gì. Mai ông chết, ai biết ông? Đ.M. đánh giặc mòn xương cho lũ nhà giàu ở lại thành phố truy hoan.

Thôi Ấn. Thôi Toàn. Thôi các anh. Có buồn, thành tâm xin các anh, bọn bay tìm bạn bè họp lại dất nhau đi uống rượu. Ừc một hơi. Còn coi trời dất ra cái gì nữa.

— Tau là Sĩ quan.

Tau biết rồi Ấn. Mày là Sĩ-quan. Một vợ. Một mẹ già. Một mẹ nội gần dất xa trời. Những kẻ ở một nơi mà bất cứ lúc nào cũng có thể lãnh đạm của cả hai bên.

— Tau là lính.

Tau biết rồi Toàn. Mày cũng là lính. Chưa vợ con. Một mẹ già quần quật suốt ngày nuôi lũ con dứa nhỏ nhất năm tuổi. Mày là lính. Anh cả mày là lính. Anh hai mày cũng lại là lính. Bố mày bỏ đi. Nhà mày bom dội nát bét. Ba dứa mình mỗi dứa bỏ một quê hương mà đi. Mày đi. Thăng Ấn đi. Tau đi. Tau là dứa đi sau cùng trong bọn.

Còn thăng Ấn. Những lá thư mày gửi về làm tau ứa nước mắt. Mày

nhắc làm chi tới bờ hóp thừa, giàn bầu xanh, căn nhà nhỏ. Mày nhắc làm chi tới những bữa ăn do bọn mình cặm cùi tự nấu lấy. Mày nhắc làm chi tới con Hoa, những đêm trăng sáng chan hòa đi với tau quanh quần mấy con đường làng. Còn thăng Toàn. Mày nhắc làm chi tới con Lan. Mày tin không, thăng Thanh xúi con Lan bỏ tau bởi tau tới lui với con Trung bồ của hần, bởi hần chắc rằng tau chẳng có tương lai. Bọn mày nhắc. Tao nhớ. Con Hoa bây giờ đã có chồng con. Con Lan từ tau. Và nhà tau cháy tron trụi. Và tau phải bỏ quê mà đi. Tau là dứa đi sau cùng trong bọn. Có phải tau sau cùng để thấm thía cơn đau. ?

Đêm nay tau muốn say. Muốn cùng bọn bay choáng váng. Muốn ôm cả anh em vào lòng kêu lên một tiếng ? mai hòa bình.

Toàn một bên, tôi một bên, diu Ấn đi, sau khi đã mặc áo vào, đội mũ lên cho hần xong xuôi. Thăng nặng kinh khủng. Thế mà còn bảo vợ hần nói hần ốm. Ít nhất cũng già năm chục ký. Lúc này tôi muốn nghĩ ra một điều gì hai hước để cười lên, có dịp cười thật to. Nhưng tôi không thể. Cũng như tôi cố tìm vài giọt nước mắt khi hay tin xe chở xác thăng Thiệp về. Nhưng tôi không thể. Tôi chẳng thể nào thỏa mãn tôi.

Đêm khuya đường vắng. Có tiếng súng từ xa theo gió đưa về. Có thể ở quê tôi. Quê các anh. Quê bọn bay. Không ai có thể không tưởng tượng ra rằng nơi đó, bây giờ những con mắt già trẻ lớn bé trai gái đàn ông đàn bà nhìn chong vào bóng tối để ước định đường đi của trái phá, tầm rơi của trái sáng. Không ai có thể không tưởng tượng ra rằng bây giờ và bao giờ hoặc bấy giờ những con mắt thêm tiếp

của bọn con gái bán thân cho Mỹ Đại-hàn, Úc-đại-lợi, Lào, Xiêm, Thái, Mường, Mán, Mọi, Hời. Tôi cũng có thể tưởng tượng ra. Nhưng rõ nhất là mắt mẹ tôi. Mẹ tôi đang nhìn suốt bóng tối vượt qua hầm hố chông gai đem thương nhớ tới cho tôi, cho Toàn, cho Ấn. Chúng mày tin không? Chúng mày có thể tin rằng một ngày nào đó chúng mày về quê thì cha mẹ ông nội ông ngoại mẹ nội mẹ ngoại anh chị em bà con họ hàng không còn một mống? Tin không chúng mày.

— Ơi đồ, ơi đồ ơi.

Thằng Ấn đi trên đường nhìn xuống sông những chiếc đồ đậu sát nhau hắt tưởng đồ điểm gọi loạn xạ. Ơi đồ. Ơi đồ. Cho anh xuống với đi. Đầu tháng mà. Tiền chán khối có em nào mới mới. Không hả? Bọn bay chê Việt Nam hả? Ngủ với ngoại quốc nhiều tiền hơn hả? Bệnh chết. Xui xẻo mà mắc phải của bọn chúng mạc một đời. Đồ ơi. Ơi đồ. Sĩ-quan đây. Sạch sẽ lắm. Sĩ-quan lương tháng hơn Binh-nhi không đầy nghìn bạc. Tiền hơn có thể ngủ được một đêm rồi. Đồ ơi.

— Thôi đi cha nội. Đồ người ta ở mà.

— Ba láp. Tụi nó nguy trang đó. Che mắt thiên hạ mà.

Khi ba đưa tôi về nhà gặp lúc hai bố con anh Minh đang ngồi dạy và học ở bàn. Chữ chi? O tròn. Giới. Chữ chi? A cái ca. Khá. Chữ chi? I cái ly. Con bố giỏi lắm. Chữ chi? O cá rô. Mai cho mười đồng ăn cơm hén. Chữ chi? U cái lu.

— Cái đùi.

Thằng Ấn lù lù ở tam cấp la cái đùi. Con bé thất kinh kêu bố bố. Anh

Minh ôm con vào lòng. Hu ba hồn chín vía con tui. Con trai bảy vía. Con gái có chín vía nên may mắn hơn. Không đi lính như con trai. Hàm hồ hơn con trai. Lập gia thất sớm hơn con trai. Ra đời dễ làm ăn hơn con trai. Hơn mọi mặt. Chín vía. Ba lần ba là chín vía. Không có. Ba lần ba là ông cố nội con. Ai dạy con đó. Chú Ấn đó bố. Chú Ấn dạy con đó bố.

Anh Minh bế con bé đứng dậy. Chị Minh nghe ồn ào từ trong buồng chạy ra giành con bé trên tay anh Minh. Mấy cậu say rồi. Say hoài say hụi. Say rồi khóc la chửi om sòm. Mấy cậu thanh niên thời chừ nguy quá.

Con Trúc, con đầu của anh chị Minh cũng theo mẹ bước ra. Nó lắc đầu nhìn bọn tôi.

— Cái gối.

Dạ, thưa anh có. Thằng Toàn đem gối tới. Tôi biếu con Trúc xuống bếp lấy cái thau bự đem lên để sẵn dưới chân giường trừ chuyện mửa.

— Cái mền.

— Dạ có. Sĩ-quan nằm xuống em đắp cho.

— Ngủ.

Khỏe chưa. Ngủ đừng có mớ kêu đồ nghe cha. Nhưng con đồ cha ngủ được. Mền đâu có đề cha yên. Nó cạo ruột cha ra, chừng nào cha mửa được khi đó hãy tỉnh chuyện ngủ. Rồi sáng dậy. Đầu cha nặng. Mỏi cha khô. Miệng cha đắng. Đồ cha ăn được. Ông trời công bằng lắm. Có sướng thì có cực.

Thằng Toàn nói đúng. Ấn đang lăn lộn, ọe, ọe trên giường. Muốn tránh mùi hôi chừng nào hay chừng nấy tôi tới cố đỡ Ấn dậy lôi hẳn ra gốc cây dừa sau hè. Hẳn ọe tới nước xanh nước vàng.

Thằng Ấn coi bộ hơi tỉnh táo. Bây giờ tới phiên tôi. Tôi bước vào nhà và ngã quỵ ở thềm cửa. Thằng Toàn lại thay phiên dẫn tôi ra gốc cây, ngồi xuống ọ. Một đồng lẫn thật lắm cơm.

Trước khi nằm xuống giường tôi còn nói một vài tiếng. Thằng Ấn còn chửi một vài câu. Thằng Toàn còn ngồi chống cằm hút thuốc. Trời lúc đó thật yên. Tối và lạnh.

Sáng dậy, con Trúc đem đọc cho bọn tôi nghe những lời nói đầu hôm của bọn tôi con bé chép có thật tự. Vợ ơi anh nhớ vợ quá. Cười. Em ơi sao nỡ bỏ anh cho đánh. Khóc. Đ.M. Ông đi lính đánh giặc mà ông ở nhà

lo chết đói chết bom. Chửi. Răng mà cực ri trời. Có để thì để con gái lớn lên khỏi đi lính. Mi xút em mi đừng ư tau vì tau tán bồ mi. Mẹ nội con Huyền ư thằng Sơn như chết. Con ơi thằng Sơn bồ cả đồng. Ngủ mai dậy mà đi bay. Chóng mặt quá.

Có tiếng anh chị Minh cười trong buồng. Bọn tôi cũng cười ré lên.

Khi mặc áo quần xong xuôi thằng Toàn xách va-li. Thưa anh em đi. Thưa chị em đi. Anh đi nghe Trúc.

Thằng Ấn đang ngồi cột giày la đi ợ tau với.

Tôi cũng đứng lên.

Trời sáng hắt ra. Ấm và vui thật đấy nhưng bọn tôi cứ ngỡ rừng đang cuốn gió thổi về.

LÊ-MIÊN-TƯỜNG
4-1970

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-âm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo sư cấp Đại-học và Học giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tỏ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 1/12, 1/1 và 1/2

Quê người

Thơ CHU-VƯƠNG-MIÊN

Đây miền Nam viết thư về ngoài Trung Việt
thăm gia đình vài người bạn thân quen
sớm sớm mai này cơn bão Trường Sơn
có tàn bạo trên mái nhà rơm rạ
nước từ biển có tràn lên thành phố
ngập cánh đồng lúa con gái đang non
Đây miền Nam
đôi mắt xót xa chua xót trong lòng
giòng nước mắt đêm ngày theo dọc bờ Nam Hải
dăm mái tôn — dăm ổ bánh mì — dăm túp lều —
dăm phận người
nước bạc đầu vẫn còn trôi mãi mãi
trộn mùa màng theo giòng nước về khơi
mấy mươi năm cày sâu cuốc hằm
đất cần khô sỏi đá ngô khoai
từng giọt mồ hôi nhỏ xuống lưng người
nhỏ trên bùn — bãi lúa nương dâu
ngàn ân tình sao bỗng cuốn đi đâu
mẹ đứng ngó, em cúi đầu, mặt nước sông lạnh giá
rừng lá xanh bay từng ngày rơi tả
trong lòng trời trên thành phố đồng sâu
những con bò cũng bỏ xác theo nhau
cùng vách ván, lúa mùa trôi đi hết
mai này rừng rừng nhớ về Trung Phước
buồn mênh mông
hỡi người tôi yêu còn dạy học trò ở Hiếu Nhơn
Hiếu Đức
vội quên nhau nên vội vã lấy chồng
Đây miền Nam đếm từng ngón tay đan từng kỷ
niệm
mười mấy năm chẳng lẽ chầy theo giòng
hỡi thằng bạn thân gục đầu xuống cát

viên đạn nào vừa xoáy trong tim
bao giận hờn ần ỉu chắc chưa quên
sao bỏ gia đình bạn bè đi khuất
dãy Trường Sơn sao với vợ vô cùng
mai này bỏ thư vào nhà giấy thép
bì thư dày và nét chữ run run
chả hy vọng gì ngoài nở bình yên
dăm cơn bão lại chợt về mái lá
phố xá làng thôn một vùng biển cả
trời chưa mưa sao lòng mất nhạt nhòa.

Gửi chị ngoài Huế

Thơ HOÀNG-NGỌC-CHÂU

chị trách, em rằng không về thăm
bỏ vườn nhà cũ cỏ rêu trùm
ơì chị, trách gì em tội nghiệp
coi như em chị đưa vô tâm

cha chết từ khi tàn kháng chiến
mẹ cũng khô hơi chiều cuối đông
còn lại vườn không cây với lá
cháo rau em chị có nhau cùng

chị có tấm lòng xanh biển rộng
cho em thở lấy những hương vàng
em có một hồn chim buổi sáng
cho chị đầy với tiếng thở than

cơm áo đầy em xa nghìn dặm
nhiều đêm đứt ruột ngoài trông về
bóng chị như làn sương khói quện
lay hồn em động ánh sao khuya

mùa thu chim sáo đã qua sông
ơì chị có nghe thu vào lòng
em ở đời tây nghe vượn hú
mà thương xót chị những làn đông

Blao, 02-10-70



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Cối chia tan

Hôm Phỉ về, trời âm u chực trút mưa, gió bắc thổi thật rét. Chắc cũng vì thứ thời tiết tệ cóng đó mà chuyến xe không khởi hành sớm được. Mặc cho hành khách thúc hối nguyên rũa, chiếc xe già nua long ốc rã máy cứ nằm ụ trên mấy vũng dầu lầy trong bến đậu. Tội nghiệp cho anh tài xế và người lơ thay phiên nhau đút khúc sắt cong vào mũi nó quây, lắc từng vòng chảy mồ hôi hột mà nó chưa đủ đau đón kêu um lên một tiếng dài. Phỉ bực dọc phải về muộn. Nhưng lúc qua sông, bất chợt một cơn nắng lớn hừng lên sáng loáng mặt nước biếc, đậu trên áo trên tóc chàng ấm áp. Phỉ sửa lại chiếc mũ đội, dẫu vẽ mặt hân hoan thên thên cứ sợ làm bọn người chung quanh ngạc nhiên. Con đò đi không mấy dặm nữa, nó như mắc cạn trong bóng nắng. Dễ chừng cả nửa tháng nay mới gặp được cơn nắng ráo thế này. Nắng báo hiệu tiết lập xuân ôn nhuận sắp đến. Trên các bờ ruộng úng thủy ngập cỏ dại, sương tan chậm chạp, thoát thành màn hơi nước dày.. Khói bốc nghi ngút trên các mái rạ, sau những đồng rơm ướt. Khói trắng như hơi thở tàn héo của mùa đông mất phần.

Mùa đông, mưa gió đặng đặng đã cuốn trôi hết lớp tro than trên căn nhà cháy. Những bức vách đã bị nước xoi xia bóc mất từng mảng vôi,

lung lay muốn ngã mỗi khi có tiếng đại bác nổ gần... Vài góc tường bám chút rêu mỏng, xanh non. Dưới chân tường, bầy kiến lấp ló chui lên miệng hang bò thành hàng dài ngoằn ngoèo trông như một sợi chỉ đỏ đang trườn mình đi. Bà Nhiều cời tấm khăn choàng đầu giờ ra ngoài nắng rũ bụi. Lâu ngày chưa giặt, tấm khăn nặng trĩu hơi người. Nhác thấy Liêu ngồi gục đầu trên bậc cửa đột nắng lốm đốm, bà bước tới lay vai hắn :

— Thôi con ơi ! Có còn gì đâu mà cứ trầm ngâm mãi. Khờ tao quá !

Liêu đứng dậy, tránh nhìn vào mặt mẹ, quay qua nói cho mấy bức tường sụp đổ nghe :

— Còn chứ mẹ. Còn hận thù !

— Hận thù ?

— Vâng, hận thù đặng đặng ngút trời ngập đất. Mà trời đất đâu có con mắt, đâu có trái tim.

— Ồi chào, mầy đồ tội cho ông Trời há. Đừng con. Chính bọn người vô nhân đức đã gây nên tai họa. Xin Trời hãy thương xót tha thứ cho họ.

— Mẹ cầu nguyện cho kẻ thù ?

— Có kẻ thù nào đâu ? Chẳng qua cái số tao, cái thân tao đến chừng này tuổi mà còn long đong lận đận. Gần chết tới nơi vẫn không được nhà êm cửa ấm.

Đôi mắt bà Nhiều ràn rụa ngấn lệ. Liều cúi xuống nhặt một hòn than viết phóng lên mặt vôi hai câu thơ xúc cảm bất chợt:

Ai đốt tên tôi trong lửa đỏ.

Ai tro than cháy sáng hận thù?

Không biết ai, không thấy ai! Hận thù mệnh mang trong khí trời hít thở, dưới gạch ngói vụn dẫm lên rớm máu da chân. Một mình Liều hèn mặt nhỏ nhoi như con kiến mỡ không ôm hết, không kiện nổi sự hằn học to tát chụp xuống đầu. Rồi hẳn sẽ chết dần mòn vì yếu đuối kiệt sức, hẳn biết vậy. Mùa hè, lửa từ trời trút xuống vô cớ. Chiến tranh có những cơn thịnh nộ tàn bạo bất thường của một kẻ mất trí vì không được thỏa mãn tình dục đúng mức, chẳng ai chịu đựng nó nổi. Những trái bom năm trăm cân, ngàn cân. Những nắm khói cao hàng chục thước. Những nông phu phải sống đề trở về nhìn các ngôi nhà cháy thể mạng cho họ, ngụt ngụt tức tưởi. Mùa hè ở xa, khi hay tin, Liều đã khóc ầm ức, cơn thịnh nộ của hẳn chỉ là những vỏ bia rỗng, sự hận thù chỉ dấy loạn trong hư vô mù mịt như một cơn say ngấm ngầm. Nếu mẹ đã chết phỏng chết thui trong ngọn lửa đỏ? Không, mẹ chưa muốn xa con, xa thằng Phi. Tất cả mọi vật đều tiêu tan về vớ tro bụi, nhưng không ai đốt cháy được tình mẫu tử cả. Con phải ở lại đây với mẹ. Nhà cháy rồi, nhưng còn mẹ là còn một mái nhà triu mến đủ che chở con.

Bà Nhiều nghe tiếng chó sủa ngoài

ngõ, đôi mắt hom hem khẽ nhú lại nhìn ra:

— Trời, Phi; Phải thằng Phi về?

Phi bước nhanh lên sân xi măng, đặt cái xác xuống bậc gạch chạy đến cầm tay bà Nhiều, bàn tay nắn nèo lồng trong những ngón tay vàng khói thuốc.

— Mẹ!

— Con đi lâu quá. Nhà cửa cháy hết rồi, con nhìn kia... Nhưng thấy con về, mẹ mừng lắm.

— Ủa, Liều! Chú đấy hả?

Liều ngồi yên chỗ, cười nhạt:

— Tôi tưởng anh không còn về đây nữa.

Phi buông bà Nhiều bước tới cạnh Liều. Hẳn cúi xuống gạt những con kiến bu dưới chân tránh nhìn anh.

— Tôi ở xa quá, chú hiểu cho. Có hồi tôi nghe tin đồn chú đã chết trong biển cố. Tôi không tin. Trông chú gầy quá!

Liều phủi quần đứng dậy, xua hai tay về khinh mạn!

— Với anh, tôi đã chết. Chết cho anh khỏi bận tâm vì mình có thằng em lêu lổng ương ngạnh. Chính tôi đã nhờ vài người bạn phao cái tin ấy đến tai anh xem thử phản ứng của anh như thế nào?

Phi cố giữ giọng bình tĩnh:

— Tôi đâu có tin.

— Không. Anh đã chửi tôi: « Cái thằng ngu. Đồ đại dột! Chết uổng phí vô ích ». Vàng, anh đã dạy cho

"Ồi phải biết chết sao cho có ý nghĩa hơn. Thành thử tôi sống lại.

Liêu cười cười như thề nầy giờ hẳn nói giỡn cợt. Phỉ cảm thấy nóng mặt, nắng đỏ ửng trên má.

— Mày lớn rồi, biết suy nghĩ phải chăng. Nhưng chớ nghi oan cho tao. Bà Nhiễm dùng những giọt nước mắt dàn hòa anh em Phỉ. Chỉ có mẹ mới nối kết được tình huynh đệ máu mủ ruột thịt. Mẹ bao dung. Mẹ cao cả tuyệt vời.

— Mẹ.

— Mẹ!

Liêu chột ngậm ngùi nhìn Phỉ:

— Tiếng «mẹ» của anh không còn đậm đà mật thiết như xưa nữa. Mẹ đã mất anh rồi!

— Tao hơi xúc động. Tao đang nhớ tới hình bóng cha. Hình như cha biết trước vận hạn mình nên đã dự liệu chết khi còn nhà cửa.

— Mười năm rồi!

— Ừ, cha chết mười năm rồi!

* * *

Cơm xong, bà Nhiễm mang cối trầu ra bộ phản ngồi xoáy. Chân buông thõng, chân co lại đề ti cầm, dáng bà trông vẫn nhàn nhã như độ nào. Ngày chưa ly loạn, sau mỗi vụ mùa có trăng sáng thanh bình. Trăng hẹn hò trai gái, trăng ngọt ngào nói những lời âu yếm thay cho hai trái tim rộn rã e thẹn. Không như bóng trăng trắng bệch xanh xao đêm nay. Trăng không dám soi chiếu cảnh điêu tàn thê lương trên mặt đất chết. Chẳng ai còn đủ cặp mắt thơ mộng để nhìn ngắm trăng nữa. Bà Nhiễm nhỏ ngậm

nước cốt trầu thứ nhất, lấy tay quẹt miệng rồi lại nhai nhóp nhép, ung dung.

— Trong đó vợ con mày ra sao hả Phỉ?

— Cũng thường thường vậy. Thăng Cu thỉnh thoảng hen suyễn sai đẹn chữa mãi chưa tuyệt căn.

— Nó biết đi chưa?

— Chập chững thôi mẹ.

— Mày không bằng nó về đây tao ẵm ít hôm. Có cháu xa lắc xa lơ chưa thấy mặt nghĩ cũng tủi thân già.

Liêu khêu lớn ngọn đèn hột vẹt trên bàn thờ kê điều thuốc vào châm hút, xong vặn nhỏ ngọn lửa lại như cũ. Liêu bước ra hiên ngồi xuống cạnh Phỉ, đưa thuốc cho anh mời.

— Anh không dám đưa chị ấy về đây một lần?

— Thằng thỉnh rồi vợ tôi cũng về thăm mẹ thăm quê chồng chứ. Hình như mẹ vẫn chưa bỏ lỗi cho tôi. Chuyện đã gần ba năm rồi.

— Anh Phỉ! Hay là anh xấu hổ nếu để cho vợ mình thấy cảnh nghèo khó của mẹ, cảnh nhà tan nát?

— Mày chửi tao?

— Không, tôi thương anh, hiểu anh lắm. Đó là một sự thật tâm lý khốn khổ nhục nhã. Anh chớ dấu diếm. Mẹ cũng biết vậy từ lâu.

— Không. Tao thấy mẹ khổ, muốn rước mẹ theo tao để báo đáp chút gì. Nhưng mẹ không chịu dời khỏi thôn xóm quê quán mình nửa bước.

— Anh cũng như tôi, mình bắt

hiếu nặng. Đồi đã bắt mình làm những tên lãng tử.

— Tao chỉ có lỗi đã cãi lời mẹ, không chịu lấy vợ đồng hương, trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy, đề sớm hôm săn sóc hầu cận làm dâu mẹ, Mỗi thời mỗi khác...

— Và anh chỉ sống cho mình anh !

— Tao không ích kỷ. Nhưng biết làm cách nào cho mẹ vui lòng ?

Hai mẫu thuốc tàn ném ra khoảng sân nhờ ánh trăng phủ. Sương xuống thật sớm, sương đọng nước trên mái tôn chảy xuống thành giọt nặng.

— Mẹ không buồn vì việc anh tự ý lấy vợ. Nhưng mẹ khổ tâm khi nghe thiên hạ bàn tán về tư cách của chị ấy. Có phải trước khi lấy anh, chị có đi làm sở Mỹ ? Và có khá nhiều tiền bạc của cải ?

— Làm cho Mỹ, không phải ai cũng hư hỏng cả. Còn tiền bạc tao không ham. Tụi tao thương nhau, hiểu nhau...

— Và mặc tất cả ?

— Ủ. Thời này sống mà cứ chống tai nghe thiên hạ thị phi mệt lắm. Chẳng ai cho mình một đồng !

— Tôi phục tính lơ láo của anh. Nhưng anh Phi ! Ai đã đốt nhà mình ?

— Chiến tranh !

— Không được. Nói chiến tranh là nói một điều tổng quát mông lung, là cố lấp liếm một tội ác rõ ràng.

Liêu chồm người vào góc chòi moi ra một mảnh kim khí cong lớn bằng cái vung đất đặt vào tay Phi :

— Tại sao anh không dám trả lời :

chính những trái bom ngoại viện này, những tên phi công tóc vàng, ngu xuẩn nhìn dân quê mặc đồ đen mà tưởng lầm Việt-cộng. Mỹ chế quá nhiều bom cần phải tiêu thụ cho hết mỗi ngày bao nhiêu tấn đó. Họ đặt ra các vùng oanh kích tự do đề tha hồ trút bom, dù các nơi ấy chẳng có tên địch nào. Anh Phi, thành thật mà nói, tôi không còn kính trọng anh được nữa. Anh không biết hận thù !

— Hận thù ?

— Anh khiếp nhúc. Phải rồi chị ấy đã bịt kín mắt anh lại. Tình thương yêu giữa vợ chồng anh là một thứ nô lệ tôi đòi, con đẻ của vật chất. Chỉ làm nhục mẹ, tủi vong linh cha. Một đứa con gái Việt-Nam chạy theo bọn Mỹ lông lá háo sắc đã man đề kiếm bạc vạn bạc ngàn, vinh dự lắm sao ?

— Liêu, mầy ngậm miệng lại. Rồi đời sống thật tế sẽ dạy ngược mầy thế nào là cao thượng, trong sạch.

— Tôi biết trước số phận mình sau này sẽ ra sao rồi. Gặp anh, chừng đó tạm đủ. Sáng mai tôi đi.

— Đi ? Mầy lại bỏ mẹ ?

— Mẹ lúc nào cũng ở trong trái tim tôi.

— Mầy chỉ có trái tim thù hận.

— Phải biết thù hận để phục hồi danh dự mẹ. Tôi không vô tâm như anh !

..

Thằng Liêu bỏ đi biệt. Thằng Phi vẫn không thấy đưa vợ con về. Gần một năm nay bà Nhiều sống trong mòn mỏi trông chờ, đôi mắt

hom hem càng ngày càng mù lòa v những giòng nước mắt chua xót âm thầm tuôn chảy bao đêm đã ngâm chua xát mặn chúng. Trong mơ, bà thấy hai đứa con trở về sum họp đầm ấm. Sáng ra, bà run tay chống liếp cửa phen và khắp khởi hy vọng đón con mình vào nhà. Sắp hết một mùa đông dài đặc mưa gió ảm đạm. Nắng ấm đã le lói trên giàn bầu khóm mướp. Nắng trong sáng như báo hiệu niềm vui đoàn tụ đầu xuân. Giữa những ngày bà Nhiều lo sửa soạn đi chợ Tết, một người đàn ông từ trên phố ghé về thăm căn lều hiu quanh quanh năm không có bóng khách ấy. Bà Nhiều suýt xoa mừng rỡ :

— Trời, ít khi thấy chú về làng.

— Về thêm đau lòng xót ruột chị nờ.

Người đàn ông chằm thuốc hút, phúi hai chân ngồi xếp bằng trên bộ phản, lưng dựa cột nhà.

— Chú thấy đó, nhà một mình tôi, vắng vẻ quá. Con mỗi đứa đi mỗi ngã, năm cùng tháng tận chưa thấy về.

Nhìn quanh quất căn lều sơ sài một lượt, xong người đàn ông ngó thẳng vào mặt bà Nhiều giây lâu. Ông ta nói nhanh :

— Tôi có nhận được cái thư của thằng Phi đã hơn tháng nay. Cầm lòng không đậu được nữa, tôi phải về đây báo tin cho chị biết. Chị cố dẫn xúc động nghe tôi đọc.

Như linh cảm được chuyện không hay, bà Nhiều ngồi bệt xuống nền

nhà, bàn tay run rẩy đánh rơi miếng trầu chưa kịp mời khách. Trong khi người đàn ông móc túi áo lấy ra một lá thư nhàu nát, giờ ra gần cửa cho sáng mắt.

«Thưa chú,

Thằng Liêu em con đã chết. Con không dám báo hung tin này cho mẹ con biết, sợ bà chết giắc hay buồn khổ mà ngã bệnh. Chú thấp cho nó một nén nhang là được rồi, trong này con đã lo chôn cất xong xuôi, mồ yên mã đẹp kéo tui vong hồn nó. Chú nhớ là đừng cho mẹ con biết vội, chừng nào thuận tiện hãy hay. Không thì cũng đợi con về ngoài đó tìm cách khéo léo khuyên giải bà luôn.

Con cũng cần nói rõ thêm về trường hợp cái chết oan uổng của Liêu. Thưa chú, con không ngờ Liêu lên núi theo phe bên kia. Nó đi hồi nào con không biết. Lâu lắm con chỉ nhận một mảnh giấy nó viết vắn tắt mấy chữ : Hẹn về phố gặp anh một ngày gần đây. Con vẫn có ý trông. Thì ra lúc đó Liêu đã ở trên núi rồi. Và nó về thật. Về trong đêm đột kích thành phố này. Liêu chết ngoài công trạm canh một đồn lính cùng với ba đồng chí của nó. Tình cờ con cũng đi xem xác địch như bao nhiêu kẻ tò mò khác. Nhờ bàn tay trái Liêu có một ngón thừa con mới chú ý và sau đó nhận ra được. Lúc chết, mặt nó trông lạ hoắc. Con đã ngờ ý nhờ một anh bạn sĩ quan xin xác Liêu đem về chôn cất riêng. Nhưng người ta vẫn làm khó dễ đủ điều. Ông Đại-úy trưởng đồn còn bức tức vì những thiệt hại do trận đánh gây nên, đã la lối con : Anh

là công chức mà để cho em mình theo V. C.? Con cần rằng nuốt giận trả lời: Nó có lý tưởng của nó, đúng hay sai tôi không biết. Các ông giết nó rồi, giết luôn cả lý tưởng ngông cuồng của nó, vậy còn cái xác vô hại này xin trả cho tôi được chứ! Vâng, thưa chú, Liêu là em ruột của tôi! Vâng, thưa chú, Liêu là em ruột con. Hai anh em cùng một giòng máu, một cha mẹ nhưng tính tình lý tưởng lại trái ngược nhau. Liêu đã chết trong lòng hận thù đầy ắp hành hạ nó. Giờ con mới nhớ lời Liêu nói năm ngoái: Tôi biết trước số phận mình

sau này ra sao rồi! Có thể nói. Liêu đã chọn cho mình một cái chết... »

Bà Nhiều không còn nghe gì nữa, mặc cho người đàn ông đọc bằng giọng run run lập cập. Khi ông ta dừng lại, chặn tay lên ngực thở, bà Nhiều đã nằm lăn ngay đơ trên nền nhà hồi nào. Ông cúi xuống lay vai người chị, miệng mếu máo:

— Chị, chị. Tỉnh dậy chứ. Một mình thằng Liêu chết đủ rồi!

PHẠM-NGỌC-LƯU

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
貴
地
超
方
名
貴
大

Siêu đẳng thượng hảo hạng

Thời sự thế giới

TỪ - TRÌ

Bốn sự kiện chính-trị quan - trọng được thế-giới chú ý tới nhiều nhất hiện thời là : thái-độ đột nhiên cứng rắn của Mỹ trong vấn-đề Việt-Nam, các hoạt-động ngoại-giao của những lãnh tụ Trung Đông, bầu cử tại Hồi quốc và vụ nổi loạn tại Ba-Lan. Mỗi vụ đều có ảnh hưởng chính-trị sâu rộng tới tình-hình chính-trị thế-giới.

Thái-độ cứng-rắn của Hoa-kỳ ở Việt-Nam

Song song với chương-trình Việt-hóa quân-đội, quân-đội Mỹ đã dần dần rút về. Tình-hình chiến tranh ở Việt-Nam cũng đã lắng dịu nhiều trên lãnh-thổ Việt-Nam. Các cuộc giao tranh lớn giờ đây đã di động tới lãnh-thổ Kam-puchia. Nhưng tình-trạng lắng-dịu này cũng không mang lại viễn tượng hòa-bình. Thật vậy, trong nhiều ngày qua người ta có cảm tưởng rằng chính-phủ Hoa-thịnh-đốn đột-nhiên tỏ ra cứng-rắn. Sau vụ đột-kích ở Sơn-Tây và các vụ oanh-tạc trả đũa phía Bắc vĩ-tuyến thứ 17, Tổng thống Nixon đã dọa sẽ tái oanh-tạc toàn-diện Bắc-Việt với mức độ của năm 1967. Bộ-trưởng Quốc-phòng Laird còn cho rằng nếu phe Cộng-sản còn ngoan-cố ở Hội-nghị Ba-lê và không tôn trọng « thỏa hiệp ngầm » với Hoa kỳ thì các cuộc oanh-tạc Bắc-Việt sẽ được tiếp diễn.

Như để trả lời lại những lời lẽ cứng-rắn của Hoa-kỳ, chính-phủ Bắc-Việt và Đảng Lao-động đã lớn tiếng kêu gọi dân - chúng tăng gia nỗ-lực

chiến-tranh để chiến-thắng Mỹ. Tuy đây là những lời-lẽ có mục-đích tuyên-truyền nhiều, nhưng về phía đồng-minh người ta cũng tỏ ra hết sức quan-tâm, sợ rằng phe Cộng-sản có thể quyết-định một cuộc tấn công đại qui-mô như hồi Tết Mậu-Thân.

Người ta tự hỏi tại sao Bắc-Việt vẫn tỏ ra hết sức cứng-rắn mặc dầu hiện-thời chính-quyền Hà-nội đang ở trong một tình trạng khủng-hoảng chính-trị trầm-trọng. Thật vậy, cái chết của Chủ-tịch Hồ-chí-Minh đã là nguồn gốc của một cuộc tranh quyền ngấm ngấm nhưng không kém mạnh-mẽ giữa các phe phái. Hơn một năm sau, cả Trường-Chinh lẫn Lê-Duẩn đều chưa nắm được ưu-thế để lái chính-sách chiến-tranh của Bắc-Việt bước vào một chiều hướng rõ-rệt. Hà-nội, trong khi chờ-đợi, hình như đang cố-gắng áp - dụng chính-sách bảo-toàn lực-lượng, tránh những cuộc đụng-độ quan-trọng với phe đồng-minh cả ở Nam-Việt lẫn Kam-puchia. Ngoài ra tinh-thần dân-chúng, sau nhiều năm sống dưới sự lo sợ của oanh-tạc, đã xuống rất thấp. Các thanh-thiếu-niên đều muốn chiến-tranh chấm dứt. Nhưng có lẽ Bắc-Việt hy-vọng rằng dân-chúng Mỹ sẽ chán chiến-tranh trước dân-chúng Bắc-Việt nên Ngoại-giao Bắc-Việt còn cố giữ một thái-độ bất nhượng bộ cố - hữu tại hội nghị Ba-lê.

Viễn tượng hòa bình tại Trung-Đông

Cùng một lúc hai đối thủ của cuộc

chiến-tranh Trung-Đông đã sang Hoa-thịnh-đôn. Quốc-vương Hussein của xứ Jordanie, sau khi củng cố được địa-vị ở trong nước, đã có thể dành ưu-tiên cho các nỗ-lực ngoại-giao để tranh-thủ hòa-bình. Khi gặp Tổng-thống Nixon, ngoại trưởng Rogers và ông Kissinger, Quốc-vương Hussein đã yêu-cầu chính-phủ Hoa-kỳ làm áp-lực để Do-thái nổi lại cuộc hòa - đàm do ông Gunnar Jarring vận động, Quốc - vương Hussein cho rằng bây giờ là lúc cần phải thương-thuyết hơn lúc nào hết vì nếu để quá chậm Ai-cập sẽ rơi vào tay Mạc-tư-khoa thì hòa-đàm sẽ gặp khó-khăn hết sức.

Cùng lúc đó thì Tướng Dayan, Tổng-trưởng Quốc-phòng Do-thái cũng sang Hoa kỳ. Lý-do chính của cuộc du-hành này là sang quyên 400 triệu Mỹ-kim do những người Mỹ gốc Do-thái đóng góp cho Do-thái. Ông Dayan cũng chủ-trương rằng Do-thái nên nổi lại cuộc hòa-đàm Gunnar Jarring mà không nói tới vấn-đề Ai cập vi phạm cuộc hưu chiến. Ông đề nghị là cả Do thái và Ai-cập cùng rút khỏi vùng kênh Suez để có thể mở lại kênh này cho sự thông thương quốc-tế. Nhiều người ủng-hộ tướng Dayan còn cho rằng ông sang Hoa-kỳ chính là để thương-thuyết với phe Ả-rập.

Nhưng ông Dayan quả đã đi xa hơn chính-phủ Tel Aviv nên Bà Thủ-tướng Golda Meir đã giận dữ cải chính những đề-nghị quá ôn-hòa của Tướng Dayan. Tuy nhiên, hiện giờ người ta vẫn có cảm tưởng rằng các đề nghị của Tướng Dayan chỉ là một quả bóng thám dò dư

lượn Hai cuộc viếng thăm Hoa kỳ cùng một lúc của Quốc-vương Hussein và Tướng Dayan chưa hẳn đã là một sự hoàn-toàn ngẫu-nhiên, mà có thể là một nhịp cầu đi tới hòa bình.

Bầu cử tại Hồi quốc

Cuộc bầu cử tự-do đầu tiên đã được tổ-chức tại Hồi quốc. Sau nhiều năm sống dưới một nền độc-tài quân phiệt, dân chúng Hồi đã đông-dào kéo tới các phòng phiếu để bầu một Quốc-hội mới.

Ông Sheikh Mujibus Rohman gốc ở xứ Bengale, Đông Hồi, đã đưa đảng của ông tới một thắng lợi vô cùng lớn-lao. Đảng này lấy tên là Awami đã chiếm được 151 ghế trên 313 ghế tại Quốc-hội. Ông Mujib đã trở thành lãnh-tụ chính-trị có uy-tín nhất không những tại Đông-Hồi mà còn tại cả Hồi-quốc.

Từ trước tới nay tại Hồi - quốc, chính-quyền thường nằm trong tay những người gốc Tây-Hồi. Tây Hồi và Đông-Hồi là hai vùng của Hồi-quốc bị ngăn cách bằng lãnh-thổ Ấn-độ. Giữa hai miền có một khoảng cách tới 1600 cây số. Ông Mujib chủ trương phân quyền giữa hai miền một cách công bằng nếu không ông sẽ đòi ly khai.

Về mặt đối ngoại, ông Mujib muốn nổi lại giao thương với Ấn-độ, bót thân-hữu với Bắc-kinh và cho phép Đông-Hồi được quyền trực-tiếp ký hiệp-ước thương-mại với các nước ngoài.

Ông Mujib tuy thắng lợi nhưng vẫn không nắm được đa số quá bán tại Quốc-hội để có thể cai-trị theo ý muốn. Muốn

lập chính-phủ, ông Mujib cần phải có sự cộng tác của ông Bhutto vì ông Bhutto nắm được 82 ghế. Nhưng ông Bhutto, một cựu Tổng-trưởng Ngoại-giao của chính-thể trước, lại có một quan điểm hoàn-toàn trái ngược với ông Mujib. Nếu người ta không hiểu sự cộng-tác giữa hai lãnh-tụ sẽ có thể dung hòa được tới mức nào hai quan-điểm trái ngược này. Nhưng với tư - thể hiện thời của đảng Awami người ta có thể nói được rằng Hồi-quốc, trong tương-lai, sẽ tách xa phe Cộng-sản hơn và xích lại phe Tây-phương hơn những năm trước.

Nổi dậy ở Ba-lan

Trong những ngày vừa qua dư luận thế-giới đã đặc-biệt chú ý tới các cuộc nổi dậy tại Ba-lan. Đây là lần đầu tiên từ 14 năm nay, chính-thể Cộng-sản Ba-lan phải đương đầu với một cuộc khủng - hoảng trầm - trọng như vậy.

Trong nhiều ngày liên-tiếp các cuộc nổi loạn đã diễn ra tại 3 hải cảng quan-trọng nhất trên bờ biển Batique. Cho tới nay số người thiệt mạng đã lên tới 12 người và số bị thương tích lên tới hàng trăm. Tại các thành-phố kỹ-nghệ lớn như Gdansk, Gydnia và Sopot, các công nhân ngành đóng tàu đã nổi

dậy phản đối chính-phủ không ngăn chặn nổi mức leo thang của vật giá. Các bót cảnh sát bị đốt cháy; lưu-thông bị ngăn trở các nhà cửa bị phá phách. Chính-quyền Varsovie đã thẳng tay đàn-áp các vụ nổi loạn này bằng xe cứu-hỏa. Nhưng trước sự can-thiệp của cảnh sát, các sinh-viên học-sinh, thanh-niên và cả các bà nội-trợ cũng đi theo ủng hộ phe công-nhân nổi dậy.

Hiện thời tình-hình Ba-lan chưa được khả quan. Tin-tức được tiết lộ khỏi nước này rất ít. Nhưng người ta được biết ông Gomulka, bí-thư thứ nhất đảng Cộng sản Ba-lan, (Đảng Công-nhân Thống nhất Ba-lan) đã từ chức vì «lý do sức khỏe». Ban chấp-hành Trung-ương Cộng đảng Ba-lan đã nhóm phiên họp bất thường để cử ông Gierek lên thay thế và Brejnev, Tổng bí thư Cộng đảng Nga-sô, đã gởi điện văn mừng Gierek.

Người ta còn nhớ năm 1956 sau vụ nổi loạn tại Poznan ở Ba-lan, Nga-sô đã can thiệp mạnh-mẽ để tái-lập lại trật tự và ngăn chặn mọi khuynh-hướng tự do trong hàng ngũ đảng Cộng-sản Ba-lan. Vì Ba-lan ở ngay sát cạnh Nga nên người ta cho rằng sự thay đổi lãnh đạo, và đàn áp để vãn hồi trật-tự hiện nay tại nơi đây không thể không có bàn tay của điện Kremlin. Dù sao vụ nổi loạn tại Ba-lan cũng đã làm rung-chuyển cả hệ-thống Cộng-sản trên thế-giới.

TỪ TRÌ

HƯU CHIẾN GIÁNG - SINH

Mọi người sẽ được hưu-chiến nhân dịp Giáng-sinh để đọc
CHIẾN TRƯỜNG TỒI TỆ *của Ngô Đình Vận do Chiêu*
Dương xuất bản và phát hành toàn quốc vào Giáng-
sinh 1970.

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thời trang trong bệnh viện

Giám đốc các nhà thương ở Anh vừa có một sáng kiến rất đáng cổ vũ. Thử thay đổi đồng phục của các cô y tá trong bệnh viện để cho không khí nơi đây vui vẻ lên tí.

Cái áo truyền thống trong nghề thuốc là chiếc « blouse » trắng. Từ bác sĩ sinh viên cho đến các y tá đều chỉ có một kiểu áo như nhau. Bởi thế họ đã mệnh danh thế giới trường thuốc là thế giới của màu trắng.

Hai kiểu áo mới đầu tiên không có gì hấp dẫn. Một loại Midi đang bắt đầu thành một ở bên Mỹ. Mặc kiểu áo này mấy cô y tá sẽ trông giống như mấy bà sơ. Thà mặc kiểu cũ còn hơn.

Kiểu áo thứ ba trái lại rất hà tiện vải. Một chiếc Minijupe trắng được xẻ rãnh hai bên lên tới ngang thắt lưng. Một hình thức tổng hợp giữa Minijupe bên Anh và chiếc xường-xám bên Tàu. Chiếc áo chỉ che từ rún trở lên, phần giữa áo và quần bỏ trống.

Nhà vẽ kiểu dự định dùng bộ đồ này trong các phòng mổ cho tiện. Chắc chắn là số các vị bác sĩ giải phẫu bỏ quên kéo trong bụng bệnh nhân sẽ hơi nhiều!

Một chiến thắng của thuyết Tương đối

Mặc dù A. Einstein đã mồ yên mả đẹp, thuyết Tương đối, di sản tinh thần quý báu nhất của ông để lại cho nhân

loại vẫn còn bị đám con cháu đem ra thử thách nữa.

Trong số những kẻ thách đố thuyết Tương đối là 2 nhà vật lý-học trẻ tuổi của viện Đại-học Princeton : Robert Dicke và Carl Brans. Theo Einstein, ánh sáng và bất cứ một luồng sóng điện-tử nào khi đi qua một trọng trường mạnh đều bị trọng trường này ảnh hưởng vào hướng đi của chúng. Dicke và Brans cũng cho rằng ánh sáng sẽ bị uốn cong khi đi gần một trọng trường mạnh, nhưng độ cong, theo 2 ông, ít hơn là độ cong như Einstein đã tính. Sự khác biệt tuy nhỏ nhưng là một khác biệt căn bản về bản chất của các luồng sóng.

Sự thắng bại đã được quyết định trong một bản tường-trình được công bố tại Viện Kỹ-thuật Caltech tháng vừa qua. Cuộc thí nghiệm đã xảy ra năm ngoái khi 2 phi thuyền Mariner 6 và 7, sau khi thi hành xong nhiệm vụ chụp hình Hỏa-tinh, đã ở lại mãi mãi trong quỹ-đạo Mặt trời. Từ một Trung tâm thí nghiệm trong vùng sa mạc California, những tín hiệu vô tuyến được chuyển xuyên qua trọng trường Mặt trời, tới Mariner 6 và 7, nơi đây nó được khuếch đại và truyền về trái đất. Tất cả mất chừng 43 phút. Theo thuyết Einstein thì thời gian sẽ lâu hơn 200 phần triệu một giây đồng hồ nếu so với thời gian những tín hiệu này được đánh đi mà không qua trọng trường Mặt trời. Nguyên do là vì trọng trường này đã

uốn cong đường đi của tín-hiệu khiến cho con đường trở nên dài hơn. Dicke và Brans tiên đoán sự chậm trễ chỉ có thể xảy ra trong 186 phần triệu một giây mà thôi, nghĩa là đường đi của tín hiệu ít bị uốn cong hơn như Einstein đã tính. Kết quả, tín-hiệu đã bị chậm đi 204 phần triệu một giây, chỉ sai lệch có 4 phần triệu so với con số của Einstein và 18 phần triệu giây so với con số của Dicke và Brans.

Tuy vậy Dicke và Brans vẫn còn nhiều tin-tưởng ở thuyết của họ và sẵn sàng chờ những dịp khác để tìm ra sự sai lầm của thuyết Tương đối.

Hòn đá lắm chuyện !

Một mẫu vẩn-thạch thật là nhỏ mọn nào đó rớt trên một cánh đồng ở miền Nam nước Úc, đã đem lại những giả thuyết mới về nguồn gốc của các sinh vật trên trái đất.

Sau hơn một năm trời khảo cứu, nhà sinh-vật-học Cyril Ponnaperuma của cơ quan NASA, một nhà bác-học gốc Tích-lan, đã tìm thấy trên mẫu đá 17 loại amino acids khác nhau, trong số đó có 6 loại giống 20 loại Acid-Amino cấu tạo nên protein trong cơ-thể các sinh-vật trên trái đất. Ngoài ra Cyril còn cho biết mẫu đá có một thành phần chất Carbon 13 cao hơn những chất hữu-cơ ở trái đất.

Điều quan trọng là Cyril xác nhận các Amino Acids đó không phải là các Amino Acids trên trái đất đã dính vào đá lúc nó rơi vào bầu khí-quyển trái đất. Đây là một sự-kiện cần lưu ý vì hầu hết các trường hợp khác, số Amino Acids đều là do sự tiếp xúc đó mà có.

Những Amino Acids này được cấu tạo bởi một thành phần những phân tử vừa *tả triền* vừa *hữu triền* ngang nhau khác với các loại Amino Acids ở trái đất đều là những chất tả triền. Như vậy giả thuyết các sinh-vật trên trái đất chúng ta (trong đó tất nhiên có con người) có một nguồn gốc ngoài địa-cầu càng ngày càng trở nên thắng thế. Liệu chúng ta có cần biết chăng là đời sống đã xuất phát từ một góc nào đó trong vũ-trụ?

Một sự ra đi có ý nghĩa

Từ sau cuộc đệ nhị thế chiến, nước Mỹ là quốc gia thu hút nhiều nhân tài nhất trên thế giới. Những đầu óc thông thái nhất từ mọi nơi, nhất là những quốc gia của một Âu-châu đang rách nát và điêu tàn, đổ dồn vào nước Mỹ. Quốc-gia may mắn này bỗng dưng được những tinh hoa tứ xứ tới tăng cường, đã tiến những bước thật lớn lao về phương diện khoa-học.

Những quốc-gia khốn-khổ ở Âu-châu gọi sự ra đi của những nhà bác học của quốc gia họ là một *brain-drain* một danh từ có vẻ chua xót do người Anh đặt ra. Người ta muốn gọi những nhà bác học là những con người vô quốc-gia. Họ có thể giới sinh-hoạt-riêng của họ và thế-giới này hấp-dẫn họ hơn là biên giới của những quốc-gia. Sau thế-chiến, Hoa-kỳ là quốc-gia giàu có nhất trên thế-giới. Trong khi những quốc-gia Âu-châu đang cố gắng khôi-phục lại nếp sống cũ từ sự đổ nát do chiến-tranh gây ra thì Hoa-kỳ lại đang phát triển mạnh mẽ nhờ đã đứng ngoài tầm tàn phá của cuộc chiến. Những dự án, những công trình nghiên cứu vĩ

đại được thực hiện nhờ ở những số tiền dài-thọ khổng lồ của cả chính phủ và giới sản-xuất. Hoa-kỳ là nước đầu tiên và tới mãi những năm gần đây vẫn còn là quốc gia duy nhất có được một sự phối hợp chặt chẽ giữa giới đại-học và giới sản-xuất. Những công ty, những tổ-hợp lớn sẵn-sàng bỏ tiền ra thiết lập những phòng thí-nghiệm cực kỳ tối-tân để xúc tiến việc nghiên cứu. Giới kinh-doanh đã thúc đẩy và cung cấp phương tiện cho giới đại-học. Những phòng thí nghiệm cần rất nhiều nhà nghiên cứu, đến độ mức đào tạo của đại-học không đủ cung ứng cho nhu cầu. Chỉ mới đây cách 2 năm, một sinh viên còn đang học tiến-sĩ khoa-học đã có tới 4 hay 5 phòng thí nghiệm mời ra làm việc. Tha hồ mà chọn ! Hoa-kỳ trở nên một thiên-đàng cho các nhà bác-học.

Sự tối tân cùng những phương-tiện dồi dào ở những phòng thí-nghiệm cho phép thực hiện những dự-án lớn lao, cho phép nhà bác-học có đủ điều kiện tài-chánh để theo đuổi những cuộc nghiên-cứu lâu dài. Trước tình-trạng đó các đầu óc nhiều tham vọng và nhiệt thành từ các quốc gia khác nghèo kém hơn tự nhiên phải đổ dồn về Hoa-kỳ. Những quốc gia càng nghèo, càng ít phương tiện, thì những phần tử tinh hoa nhất về phương-diện khoa-học lại cứ lần lượt ra đi. Nếu may mắn họ thành công ở nước người thì nước mẹ cũng chỉ đành nhận cái an ủi về phương-diện tinh thần mà thôi.

Người ta ít hy vọng với đà phát triển hiện nay, các quốc gia khác lại có

thể lôi cuốn các nhà bác học trở về. Những sự kiện mà người ta không chờ đợi có vẻ như đang xảy đến, các nhà bác học đang rời bỏ nước Mỹ. Tạp chí Mỹ, tờ «Business week» đã nêu lên những con số chứng minh đầu tiên. Trong 1.200 nhà khảo cứu người Đức hiện làm việc tại Hoa-kỳ, hơn 1/3 hy vọng sẽ được trở về Âu-châu. Từ 300 tới 400 nhà khảo cứu người Anh chuẩn bị hồi hương, và từ 2 năm qua con số những nhà bác học trẻ tuổi, gốc Giannà-đại, xin nhập nội Hoa-kỳ đã giảm xuống phân nửa. Nguyên nhân của sự ra đi này có thể bắt nguồn từ những xáo trộn trong đời sống xã-hội Hoa kỳ trong những năm gần đây, nhất là các biến động trong giới đại-học, các vụ cắt giảm ngân sách dành cho công cuộc nghiên-cứu. Dù sao, đây cũng chỉ mới là khởi đầu của một sự ra đi có thể có một ý nghĩa lớn sau này.

TỬ DIỆP

Sách mới

Ba mươi hai bài lục bát tập thơ của **Phổ Đức** do **Nhân Chứng** xuất bản và tác giả gửi tặng. **Sách** dày trên 60 trang, quà sinh nhật thứ 32 của tác giả. **Bìa** của **Hồ Hữu Thủ**, phụ bản của **Duy Thanh**, **Hoàng Hương Trang**, **Nguyễn hữu Nhật**. **Giá 120đ**

Sư phạm : danh ngôn và tư tưởng do **Tu sĩ Nguyễn văn Thuận** sưu tập, xuất bản và gửi tặng. **Sách** dày 80 trang gồm 518 câu tục ngữ, cách ngôn, danh ngôn về giáo dục và học đường. **Giá 75đ.**

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Đoạn chót của Nobel văn chương 70

Trên Bách Khoa các số 322 và 323, Tráng Thiên đã trình bày con người và văn nghiệp của nhà văn Nga Alexander Soljenitsyne, người được giải Nobel văn chương năm nay. Tác giả « Vòng ngực thứ nhất » sau cùng đã quyết định không tới Stockholm để lãnh giải, sợ rằng ra đi sẽ không được phép trở về Liên-xô nữa. Trong một lá thư gửi cho Ban Giám khảo giải Nobel, Alexander Soljenitsyne minh xác rằng ông nhận giải nhưng ông khước từ việc đi lãnh và ông lại không nói gì tới việc nhận hay không nhận số tiền thưởng 80.000 đô-la. Tấm huy-chương và Giấy tặng giải thưởng được Đại-sứ Thụy-điển tại Liên-sô, Gunnar Jarring, (người nhận trọng trách hòa giải ở Trung-Đông vừa qua) trao cho nhà văn được giải tại Mạc-tư-khoa. A. Soljenitsyne hiện ở nhờ tại biệt thự của nữ danh ca Galina Vichnevskaja ở ngoại ô Mạc tư khoa. Do đó mà nữ danh ca này cũng bị nhà cầm quyền Liên-xô cảnh cáo.

Các giải thưởng văn chương Pháp

Những giải Văn chương Pháp năm nay đều trao cho các cây bút trên 40 tuổi cả. Michel Tournier, Giải Goncourt 46 tuổi. Jean Freustié, Giải Renaudot, 56 tuổi. Giải Femina được trao cho François Nourissier 43, tuổi, với tiểu thuyết *La Crève*. François

Nourissier có tác phẩm từ năm 1950 và cuốn tiểu thuyết đầu ra đời từ 1951. Cho tới nay ông viết đã khá nhiều, và được khen, chê cũng lắm. Giải Médicis có 2 phần thưởng, một dành cho một tiểu thuyết Pháp, một dành cho một tác giả ngoại quốc. Giải trước về cuốn « *Sélinonte ou la chambre impériale* » của Camille Bourniquel, 52 tuổi, giám đốc văn-học của tạp chí Esprit, đã cho xuất bản được 10 tác phẩm. Giải sau về cuốn « *Saut de la mort* » của Luigi Malerba, một tác giả Ý 43 tuổi. Giải Intérallié dành cho cuốn « *Les Poneys sauvages* » của Michel Déon, 51 tuổi, một cây bút đã có ngót 20 tác phẩm về đủ loại: tiểu thuyết, truyền kỳ, kịch v.v...

Giải Văn chương Việt Nam

Giải « Văn học Nghệ thuật » năm nay, về bộ môn văn chương, khác với năm ngoái là có rất nhiều tác phẩm của những nhà văn tên tuổi: Lê văn Siêu, Nhã Ca, Túy Hồng, Thụy Vũ... Bởi vậy hẳn là Ban Giám khảo cũng khá băn khoăn vì tác phẩm nào cũng đáng... giải nhất cả.

Về Trung tâm Văn bút V.N. năm nay có hai giải Thi ca và Nghiên cứu lịch sử. Người ta được biết cuốn « *Việt kiều tại Kampuchia* » của ông Lê-Hương đã được giải khuyến khích về Nghiên cứu Lịch sử và 2 tập thơ của các nhà thơ quen thuộc Tường Linh và Hoàn Lạc có lẽ đã được giải về Thi ca. (Ông Lê-Hương đã được giải nhất về lịch sử của Hai Bút-Việt năm 1960).

Nghe đâu, một ông chủ tiệm vàng lớn ở đường Tự-do thấy món tiền thưởng của Hội Văn-bút quá « thanh đậm » trong thời kiệm ước song hành này, nên đã có nhã ý tặng 100 ngàn thêm vào 2 giải và hình như số tiền này cũng đã được Hội vui vẻ chấp nhận.

Sách Tết thay thiệp Xuân

Mấy năm nay, nhà Lá Bối đã xuất bản những tập mỏng độ ba bốn chục trang, khổ 10×19 cm, in rất đẹp, bỏ vào bao thơ được, để phát hành trong dịp lễ Vu-lan. Hiện đã có 4 tập :

Bông Hồng Cài Áo của Nhất Hạnh
Áo Em Cài Hoa Trắng của Võ Hồng
Làm Con Nên Nhớ của Nguyễn
Hiển Lê và Đông Hồ

Trận Đồn Hòa Giải của Võ Hồng
tập nào cũng nhắc nhở chúng ta
tình yêu và công ơn cha mẹ và
cũng được độc giả rất hoan nghênh.

Tết Tân Hợi này, nhà Lá Bối lại
có sáng kiến ra hai tập như vậy, viết
về tình Xuân, ý Xuân, cảm tưởng

về Xuân để thay các thiệp chúc Tết :

1.— *Xuất Hành Năm Mới* của Võ
Hồng, một truyện thật cảm động trong
gia đình nhân dịp Xuân về.

2.— *Hoa Đào Năm Trước* của
Nguyễn Hiến Lê, một tùy bút có
tình, có cảnh, có thơ, có triết.

Hai tập đó đọc trong ngày Xuân
thì rất hợp và gửi tặng nhau cũng
rất nhã, chắc sẽ được hoan nghênh
nhiều.

Thế Uyên, Vòng đai xanh và Bộ Thông Tin

Hồi 20 giờ ngày thứ sáu 18-12-70,
Nhóm Văn hóa Thái Độ, do nhà văn
Thế Uyên chủ trương, có tổ chức
một cuộc tiếp tân thân mật tại quán
Hầm Gió, nhân dịp xuất bản cuốn
sách thứ 28 của nhóm Thái Độ, nhan
đề « Vòng đai xanh » mà tác giả là
nhà văn Ngô Thế Vinh. Ngô Thế
Vinh hiện là một bác sĩ phục vụ trong
quân đội tại Đà-nẵng và « Vòng đai
xanh » là tác phẩm thứ 4 của anh
được xuất bản.

Bối cảnh của « Vòng đai xanh » là

ĐÓN ĐỌC :

15 GƯƠNG PHỤ NỮ

của MARIANNE MONESTIEK
NGUYỄN HIẾN-LÊ lược dịch

«Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, lòng tự tin của bạn gái sẽ
tăng lên; họ sẽ thấy nếu họ muốn thì cũng lập được những sự nghiệp
lấy lòng như đàn ông, mà nền văn minh tương lai sẽ không phải của
riêng đàn ông xây dựng, vì họ không kém đàn ông về một phương diện
nào hết.» (Trích lời tựa)

TRÍ-ĐĂNG xuất bản

vùng Cao-nguyên bát ngát mà tác giả đã sống trên đó với người Kinh, người Thượng, quân đội Mỹ, quân đội Việt... và cuộc chiến trong vòng đai xanh. Cuốn truyện thật sống mà có lúc đã tưởng không-ra đời được vì bị bóp nghẹt trong vòng đai...kiểm duyệt.

Nhân dịp này Thế Uyên cũng bày tỏ những nỗi chật vật, khó khăn của người sáng tác, của giới xuất bản trong chế độ kiểm duyệt hiện nay, tồn tại một cách trái phép, vi hiến. Thế Uyên cũng loan tin : anh đã chính thức đệ đơn lên Tối Cao Pháp Viện đề kiện Bộ Thông Tin vì đã duy trì cơ cấu phi pháp, vi hiến này là « Sở Phối hợp Nghệ thuật », sau khi Bộ Thông Tin không trả lời kháng thư của anh (Xem Thời sự văn nghệ trên BK số 333). Thế Uyên cũng cho biết Luật sư Vũ văn Mẫu sẽ đại diện cho nguyên cáo trong vụ kiện này.

Sau khi Thế Uyên dứt lời, mọi người có mặt đều xúc động và bàn luận sôi nổi. Một số nhà văn trong buổi đó dự định thành lập một « Ủy ban bảo vệ Hiến Pháp chống chế độ kiểm duyệt sáng tác phẩm » một số khác bàn định sẽ xuất bản mà không cần biết đến « Sở phối hợp...» nữa.

Minh Đức Hoài Trinh và 2 bài thơ phổ nhạc

Cách đây mười năm, khi ấn hành tập thơ *Lãng thang* ở Paris thì tác giả vẫn mang bút hiệu là Minh Đức. Nhưng sau thấy ở bên nhà có một

nhà văn (đàn ông) cũng lấy bút hiệu này (Lương Minh Đức), nên Minh Đức lại thêm 2 tên thực của chị nữa vào bút hiệu cũ thành ra Minh Đức Hoài Trinh. Và chị đã cho xuất bản liên tiếp từ 1960 đến nay 2 tập thơ, một kịch thơ, một tập truyện ngắn, một tiểu luận và 5 truyện dài phần lớn đều do Sáng Tạo ấn hành. Tuy nhiên những năm sau này người ta thường quen thuộc với nữ ký giả Minh Đức Hoài Trinh hơn là nhà văn, nhà thơ có bút hiệu này, vì chị cộng tác lâu năm với nhật báo Quyết Tiến và xông xáo mọi nơi.

Sau khi báo Quyết Tiến chết, Minh Đức Hoài Trinh qua Pháp và trung tuần tháng 11 vừa qua chị cũng mấy nhân viên Đài Truyền-hình Pháp trở lại Việt Nam thực hiện hai phóng sự bằng hình về « Giáo hội và chính quyền » và « Xã hội Việt Nam ».

Phạm Duy đã lấy 2 bài thơ của Minh Đức Hoài Trinh phổ nhạc : « Kiếp nào có yêu nhau » (1960) và « Đừng bỏ em một mình » (1968). Người ta thường chỉ quen với bản nhạc của Phạm Duy mà ít biết đến hai bài thơ đó.

Nhân dịp gặp lại tác giả và lấy được 2 bài thơ nói trên chúng tôi xin đăng lại sau đây để thỏa mãn sự tìm hiểu của một số bạn đọc trẻ đã viết thư về hỏi tại tòa soạn.

KIỆP NÀO CÓ YÊU NHAU

*Anh đừng nhìn em nữa
Hoa xanh đã phai rồi*

Còn nhìn em chi nữa
Xót lòng nhau mà thôi

Người đã quên ta rồi
Quên ta rồi hẳn chứ
Trăng mùa thu gãy đôi
Chim nào bay về xứ

Chim ơi có gặp người
Nhấn giùm ta vẫn nhớ
Hoa đời phai sắc tươi
Đêm gối sầu nước nở

Kiếp nào có yêu nhau
Nhớ tìm khi chưa nở
Hoa xanh tận nghìn sau
Tình xanh không lo sợ

Lệ nhòa trên gối trắng
Anh đâu, anh đâu rồi
Rượu yêu nồng cay đắng
Sao cạn mình em thôi.

(Trích trong tập thơ
« Lang Thang » xb-1960)

ĐỪNG BỎ EM MỘT MÌNH

Đừng bỏ em một mình
Khi trăng về lạnh lẽo
Khi chuông chùa u minh
Chậm rãi tiếng cầu kinh

Đừng bỏ em một mình
Khi mưa chiều rào rạt
Lũ chim buồn xơ xác
Tìm nhau gục vào mình

Đừng bỏ em một mình
Trái đất đang làm kinh
Rừng xa quẩn quại gió
Thu buốt vết họ anh

Đừng bỏ em một mình
Đừng bắt em làm thính
Cho em gào nức nở
Hòa đại dương mộng mệnh

Đừng bỏ em một mình
Biển đêm vời vợi quá
Bước chân đời nghiêng ngã
Vũ trụ vàng thénh thénh

Đừng bỏ em một mình
Môi vệ thần không linh
Tiếng thời gian rền rĩ
Đường nghĩa trang gập ghềnh

Đừng bỏ em một mình
Bắt em nghe tiếng búa
Tiếng búa nện vào đỉnh
Hòa trong tiếng u minh

Đừng bỏ em một mình
Đón thuyền ma lênh đênh
Vòng hoa tang héo úa
Yêu quái vẫn vô tình

Đừng bỏ em một mình
Cho cơn trùng rúc rĩa
Cỏ dại phủ mờ trịnh
Cho bão tố bấp bênh

Đừng bỏ em một mình
Mấy nghìn năm sau nữa
Ai mái tóc còn xinh
Đừng bỏ em một mình

(1968)

THU THỦY

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHÓA

từ số 325 đến số 336, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1970 (*)

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	« Châu Á và nền hòa bình thế giới » của Trần Minh Tiết — id —	Nguyễn-Hiến-Lê — id —	331 332	33 23
2	Hoa Kỳ và Trung Cộng trên địa hạt nguyên tử	Việt-Phương	325	09
3	Chiến cuộc Trung Đông và tương lai của Do Thái	— id —	326	33
4	Những chuyển-hướng chính trị tại các nước Tây-phương trong mấy năm qua	— id —	327	31
5	Trung Cộng và Liên Hiệp Quốc	— id —	328	15
6	Chương - trình Việt - Nam - hóa dưới mắt một học-giả Hoa-Kỳ	— id —	330	09
7	Tổng thống Nixon với vấn đề giải quyết chiến tranh V.N.	— id —	332	09
8	Thế giới Á-rập sau Nasser	— id —	333	43
9	Cuộc cách-mạng hợp-pháp ở Chí-lợi	— id —	334	39
10	Khoảng trống chính-trị Á-châu	Tù Trì	326	66
11	Chính thể Cộng-sản Cuba năm thứ 12		327	55
12	Chiến tranh và hòa bình tại Trung Đông	— id —	328	09

(*) B.K.T.Đ. số 325	(15- 7-1970)	B.K.T.Đ. số 331	(15-10-1970)
B.K.T.Đ. số 326	(01- 8-1970)	B.K.T.Đ. số 332	(01-11-1970)
B.K.T.Đ. số 327	(15- 8-1970)	B.K.T.Đ. số 333	(15-11-1970)
B.K.T.Đ. số 328	(01- 9-1970)	B.K.T.Đ. số 334	(01-12-1970)
B.K.T.Đ. số 329	(15- 9-1970)	B.K.T.Đ. số 335	(15-12-1970)
B.K.T.Đ. số 330	(01-10-1970)	B.K.T.Đ. số 336	(01-01-1971)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
13	Cộng-hòa liên-bang Tây-Đức trên đường phục hưng chính trị	Từ - Trì	329	51
14	Chiến lược ngoại giao của Nga-sô	— id —	333	09
15	Những khó khăn của Trung-Cộng	— id —	335	09
16	« Từ một thánh gia này đến một thánh gia khác » của Raymond Aron	Nguyễn văn Trung	333	35
<u>GIÁO DỤC</u>				
1	Việc thu học phí trường công và vấn-đề trường tư	Đoàn nhật Tấn	336	09
2	Thử quan niệm một Đại học Nhatrang cho miền duyên hải Nam Trung-phần	Trần kim Thạch	334	09
3	Một quan niệm về sự thành lập Viện Đại-học Đà-nẵng	Trần kim Thạch và Võ đình Ngô	336	15
4	Ông thầy tội nghiệp	Thế Uyên	325	49
<u>KHOA - HỌC</u>				
1	Sự tổng hợp Đông và Tây-Y trong chương trình giảng huấn tại trường Đại-học Y-khoa Huế	Bùi duy Tâm	326	17
2	Lược khảo về dược liệu Đông-Y — id —	Trần văn Tích	326	09
		— id —	327	23
3	Lược khảo về dược-liệu Tây-Y — id —	— id —	328	37
		— id —	329	25
4	Thuốc Tây thuốc Ta — id —	— id —	330	15
		— id —	331	23
5	Protéine thảo mộc	Võ quang Yến	328	45
6	Quái thai	— id —	333	31
7	Nobel khoa học 1970	— id —	335	23
<u>NGHỆ - THUẬT</u>				
	Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm Duy	Georges E. Gauthier	332	29

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập ch	Trang
	— id — : Khuôn mặt người nghệ-si	Georges E. Gauthier (Thu Thủy dịch)	334	23
	— id — : Nói về các ảnh-hưởng	— id —	335	15
2	Hát từ địa phương	Tạ Chí Đại Trường	330	31
3	Trịnh Công Sơn	Thế Uyên	327	47
	<u>TIỂU SỬ — DANH NHÂN</u>			
1	Bản di chúc của tướng De Gaulle	Phạm Lương Giang	336	43
2	Tiếng đoạn trường (Pierre Đỗ Đình)	Cung Giũ Nguyên	330	37
3	Một vài giai-thoại về tướng De Gaulle	Phan Đức — Lê Khuê	335	45
4	Einstein	Nguyễn Hiến Lê	328	25
	— id —	— id —	329	39
5	Alexander Soljenitsyne	Tràng Thiên	332	72
	— id —	— id —	333	15
6	Hải-Thượng Lân-Ông	Trần văn Tích	334	47
	— id —	— id —	335	39
7	Sukarno	Từ Trì	325	41
8	François Mauriac	— id —	330	51
9	Gamal Abdel Nasser	— id —	331	09
10	De Gaulle	— id —	334	18
	<u>TÔN GIÁO</u>			
1	Đạo Phật ngày mai	Nhất Hạnh	327	09
	<u>XÃ - HỘI</u>			
1	Nghĩ về phụ nữ Việt-Nam	Nguyễn thị Ngọc Thắm	331	15
	<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>			
1	Thần thoại và Tôn giáo thoại	Toan Ánh	336	29
2	Yukio Mishama : cái chết vô sĩ đạo	Bảo Châu	335	82
3	Thor Trung Hoa	Lâm Ngũ Đường (Nguyễn Hiến Lê dịch)	325	25

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
4	Hải hước tại Đông phương và Tây phương	Lâm ngữ Đường Nguyễn Hiến Lê (<i>dịch</i>)	327	19
5	Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều	Vũ Hạnh	329	09
6	Sách thiếu nhi — id —	Tân Fong Hiệp — id —	330 336	45 ...
7	Sách thiếu nhi (1970)	Châu Hải Kỳ	336	...
8	Nhớ Nhất Linh Nguyễn T. Tam	Nguyễn Ngu Í	325	19
9	Bộ V.N. tự điển của Lê văn Đức	Nguyễn Hiến Lê	334	31
10	Bộ Lịch sử văn minh của W.Durant	— id —	336	23
12	Nữ sĩ Han Suyin (phỏng vấn)	Nguyễn Hiến Lê (<i>dịch</i>)	335	29
12	Ngôn ngữ ma thuật	Cung Giũ Nguyên	326	21
13	Bánh vẽ và Cọp giấy	— id —	327	39
14	Loạn Danh	— id —	329	33
15	Người không thể ngồi trên danh từ « ghế »	— id —	333	23
16	Hội đồng Văn hóa Giáo dục	Thế Nhân	325	79
17	Cái « u-mặc » trong Hội-nghị Văn-bút quốc-tế ở Hán-Thành	Võ Phiến Xuân Quang	326 331	67 39
18	Chữ Hán trong Việt-ngữ — id —	— id — Bùi Hữu Sùng	332 335	15 53
19	Độc « Đường vào Văn học V.N. »			
20	Mấy đặc điểm của thần thoại V.N.	Nguyễn thị Ngọc Thắm	334	15
<u>LINH TINH</u>				
1	Hiện tượng kỳ bí « Cù dầy » ở miền Nam	Lê Hượng	331	45
2	Nhận xét về một vài cuốn sách do người Tây phương viết về Yoga — id —	Xuân Quang — id —	325 326	35 27
3	Nhận xét về một vài cuốn sách viết bằng tiếng Việt về Yoga	— id —	220	23

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
4	Tính chất đạo đức trong việc làm đẹp cơ thể con người.	Nguyễn thị Ngọc Thắm	329	15
VĂN - NGHỆ				
<u>ĐÀM THOẠI - PHỎNG VẤN</u>				
1	Dưới mắt Nguyễn Cao Đàm, Hội chợ Osaka ...đoàn Văn nghệ V.N. nhiếp ảnh N.C. Đàm ...và nhiếp ảnh Nhật Bản	Bách - Khoa — id — — id —	331 332 333	65 77 49
<u>TÙY BÚT, HỒI KÝ, BÚT KÝ</u>				
1	Cựu Kim-Son ở Châu Á — id —	Đặng Trần Huân — id —	332 333	45 55
2	Nhớ Nhất Linh Ng. Tường Tam	Nguyễn Ngu Í	325	25
3	Những chiếc túi nylon	Nguyễn Trọng Văn	325	55
4	Chiếc nón bài thơ	— id —	327	64
5	Ngủ đò	— id —	328	49
6	Viết trong mùa thi 70	— id —	330	41
7	Tiếng đoạn trường Xuất ngoại bằng trục thẳng võ trang	Cung Giũ Nguyên Lê văn Thiện	330 326	37 47
<u>ĐOẠN VĂN</u>				
1	Căn nhà người mẹ	Thế Uyên	326	41
2	Những căn nhà của tôi	— id —	328	57
3	Thất bại của cuộc cách mạng	— id —	332	37
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Cây chuối buồn	Linh Bảo	328	65
2	Độc thư	Doãn Dân	330	57
3	Giữa rừng	Hồ Minh Dũng	330	65
4	Căn nhà thơm	Phương Đình	325	67

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
5	Dừng dưng	Nguyễn Tăng Liên	327	69
6	Người đi trong thanh xuân	Phạm Ngọc Lư	329	61
7	Thuốc độc	Định Nguyên	326	55
8	Đêm u-mê	— id —	329	69
9	Một buổi tối nào đó	— id —	334	63
10	Giây phút cuối	Minh Quân	332	61
11	Điều thuốc cho tình si	Trần Hoài Thư	331	49
12	Quán biên thùy	— id —	335	67
13	Say	Lê Miên Tường	336	55
14	Bao giờ	Tạ Ty	325	59
15	Trong vòng tay tưởng nhớ	— id —	331	55
16	Chuyến xe	Kinh Dương Vương	332	51
	— id —	— id —	333	61
	<u>TRUYỆN DÀI</u>			
	Tuổi trẻ hư không	Hoàng Ngọc Tuấn	334	35
	— id —	— id —	335	59
	<u>THƠ</u>			
1	Là tác lòng mưa	Trần Huyền Ân	332	70
2	Viết thơ mừng con chào đời	Hoàng Ngọc Châu	329	76
3	Gửi chị ngoài Huế	— id —	336	61
4	Cảm đề « Thơ điên »	Vũ Hoàng Chương	325	72
5	Trước sau gì...	— id —	331	63
6	Mất	Trần thị Thái Hòa	326	65
7	Đời thông	Phạm Cao Hoàng	327	79
8	Một ngày bình thản	Nguyễn Khải Hoàng	328	71
9	Cuối cùng	Phạm Nguyên Hồ	335	77
10	Huyết mạch miền Nam	Lê Thúy Hồng	336	64
11	Tình ca miền Nam	— id —	332	69
12	Hiu hắt	Định Nguyên	327	78
13	Những mùa lá mục	— id —	334	72
14	Quê người	Chu Vương Miện	336	60
15	Hữu ngạn	Phương Hoa Sứ	325	73
16	Lớp học trong trí nhớ	Phạm Bá Tấn	335	76

Số hư tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
17	Tư tưởng 1970	Phan Phụng Thạch	329	76
18	Tiến người về Huế	— id —	331	64
19	Thu máu hồng	Đặng Tấn Tới	329	77
20	Người ngồi nhớ núi	Đông Trình	333	75
21	Như chút mây bay	Lê văn Trung	334	73
22	Đã tự bao giờ	Cao Quảng Văn	329	77
23	Mộng du	Nguyễn Thị Vinh	331	64
24	Tiệc xưa	Hằng Vũ	325	72
25	Sầu hạ — Ngâm ngùi — Nỗi buồn chung thân	— id —	328	75
26	Thư về xóm nhỏ	Phan Long Yên	333	74

SINH - HOẠT

1	Đông y Tây y tại Đại-học Huế	Thế Nhân	329	83
2	Thời sự thể giới (các số từ 325 đến 336)	Từ Trì		
3	Thời sự khoa học (các số : 325, 327, 328, 330, 331, 333, 334)	Tử Diệp		
4	Thời sự văn nghệ (các số : 326, 328, 331, 333, 334)	Tràng Thiên		
5	Thời sự văn nghệ (các số : 325, 326, 327, 328, 330, 331, 333, 335, 336).	Thu Thủy		

Để thay các thiệp chúc Xuân
Tết này nhà LÁ-BỐI xuất bản hai tập:

Xuất Hành Năm Mới

MỘT TRUYỆN CẨM ĐỘNG VỀ TẾT
của VÕ - HỒNG — GIÁ 50đ

Hoa Đào Năm Trước

MỘT TÙY BÚT ĐẦY Ý XUÂN
của NGUYỄN - HIỂN - LÊ — GIÁ 40đ

trình bày cũng như các tập

Bông Hồng Cài Áo



Nhức đầu

Những

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức mỗi đầu
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

XN số 1211/BYT/QC08

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bản nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN

MEDIUM

